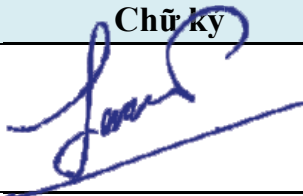





**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ
PHẦN – CÔNG TY ĐƯỜNG ống KHÍ NAM CÔN SƠN**

HỒ SƠ MỜI THẦU
MUA SẮM HÀNG HÓA QUA MẠNG
Số: 31022

**CUNG CẤP MÀN HÌNH LED TRƯỚC TÒA NHÀ HÀNH CHÍNH VÀ CÔNG
KHU VỰC SẢN XUẤT CỦA NCSP**

| | Họ và Tên | Chữ ký | Ngày |
|------------------|---|--|------------|
| Chuẩn bị | Lê Văn Tùng Chuyên viên Mua sắm |  | 20/11/2025 |
| Phê duyệt | Nguyễn Khắc Diệu Phương Trưởng nhóm HĐ - CUVT |  | 20/11/2025 |





CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN – CÔNG TY ĐƯỜNG ỐNG KHÍ NAM CÔN SƠN

HỒ SƠ MỜI THẦU

Số: 31022

CUNG CẤP MÀN HÌNH LED TRƯỚC TÒA NHÀ HÀNH CHÍNH VÀ CÔNG KHU VỰC SẢN XUẤT CỦA NCSP

Số hiệu gói thầu và số E-TBMT (trên Hệ thống):

Tên gói thầu (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Dự án (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Phát hành ngày (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Ban hành kèm theo Quyết định (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):



TỪ NGỮ VIẾT TẮT

| | |
|--------------------------------|---|
| E-TBMT | Thông báo mời thầu qua mạng |
| E-HSMT | Hồ sơ mời thầu qua mạng |
| E-HSDT | Hồ sơ dự thầu qua mạng |
| Chủ đầu tư/ Bên mời thầu/ NCSP | CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN – CÔNG TY ĐƯỜNG ỐNG KHÍ NAM CÔN SƠN |
| Tổng công ty | TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM |
| Quy định của Tổng công ty | Quy định về lựa chọn nhà thầu cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất và mua sắm duy trì hoạt động thường xuyên của Tổng công ty khí Việt Nam - CTCP |
| Hệ thống | Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại địa chỉ https://muasamcong.mpi.gov.vn/ |
| VND | Đồng Việt Nam |

**** Hồ sơ mời thầu này được xây dựng dựa trên:**

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) ngày 15/12/2000 được ký kết giữa 3 Chủ đầu tư của NCSP.
- “Quy định về Lựa chọn nhà thầu cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất và mua sắm duy trì hoạt động thường xuyên của Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP” ban hành kèm theo Quyết định số 393/QĐ-KVN ngày 11/04/2024 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần (PVGas);
- Luật Đấu thầu số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn hiện hành
- Các quy định pháp luật khác có liên quan



MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng



MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSĐT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSĐT, mở thầu, đánh giá E-HSĐT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSĐT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSĐT. Cụ thể:

- Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của E-HSĐT;
- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm;
- Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật;
- Mục 4: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính; và
- Mục 5: Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSĐT (nếu có)
là tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị và đăng tải trên Hệ thống.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSĐT.

Chủ đầu tư và nhà thầu cần nhập các thông tin vào các biểu mẫu tương ứng phù hợp với gói thầu để lập E-HSMT, E-HSĐT trên Hệ thống và *đăng tải các file đính kèm lên Hệ thống*.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này nêu các yêu cầu về kỹ thuật và bản vẽ để mô tả các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan; các nội dung về kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa (nếu có) được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word/CAD do Chủ đầu tư, tổ chuyên gia chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng (theo Biểu mẫu hợp đồng)

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng (theo Biểu mẫu hợp đồng)

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Chương này bao gồm tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên hệ thống.



Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

| | |
|---|---|
| 1. Phạm vi gói thầu | <p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu mua sắm hàng hóa theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm; số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) được quy định tại E-BDL.</p> |
| 2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng | <p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSDT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p> |
| 3. Nguồn vốn | <p>Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL.</p> |
| 4. Hành vi bị cấm | <p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.</p> <p>4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSDT hoặc rút E-HSDT để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Chủ đầu tư yêu cầu làm rõ E-HSDT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p> <p>4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;</p> <p>b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;</p> <p>b) Cản trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, nhà thầu trong lựa chọn</p> |

nhà thầu;

c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;

d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định E-HSMT đối với cùng một gói thầu;

c) Tham gia đánh giá E-HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;

d) Cá nhân thuộc chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;

đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng;

e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;

g) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong E-HSMT, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 của Luật Đấu thầu;

4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82 của Luật Đấu thầu, bao gồm:

a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;

b) Nội dung E-HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSDT của Chủ đầu tư và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSDT; báo cáo của chủ đầu tư, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo



| | |
|--|--|
| | <p>cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSDT trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT mà không được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;</p> <p>c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.</p> |
| <p>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p> | <p>Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng điều kiện sau đây:</p> <p>5.1. Là Đơn vị trực thuộc hoặc Công ty con của Tổng công ty.</p> <p>5.2. Nhà thầu không thuộc Khoản 5.1 Mục này đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp;</p> <p>b) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>c) Không đang trong quá trình giải thể hoặc đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản hoặc pháp luật của nước mà nhà thầu được cấp Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương khác;</p> <p>d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu vận dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu;</p> <p>e) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>g) Có tên trong danh sách ngăn đối với trường hợp đã lựa chọn được danh sách ngăn.</p> <p>5.3. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp</p> |



| | |
|----------------------------------|---|
| | <p>luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm d và g, Khoản 5.2 E-CDNT.</p> |
| 6. Nội dung của E-HSMT | <p>6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSMT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; - Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng. <p>6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSMT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p> |
| 7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT | <p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSMT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống nhưng</p> |

| | |
|---|---|
| | <p>không muộn hơn 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.</p> <p>7.5. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Chủ đầu tư đăng tải giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư, Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.</p> <p>7.6. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.7. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.</p> |
| <p>8. Chi phí dự thầu</p> | <p>E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Chủ đầu tư đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p> |
| <p>9. Ngôn ngữ của E-HSDT</p> | <p>E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT (catalô...) có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).</p> |
| <p>10. Thành phần của E-HSDT</p> | <p>E-HSDT phải bao gồm các thành phần sau:</p> <p>10.1. Đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT;</p> <p>10.2. Thỏa thuận liên danh được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 03</p> |



| | |
|---|---|
| | <p>Chương IV (đối với nhà thầu liên danh);</p> <p>10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 E-CDNT;</p> <p>10.4. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 E-CDNT;</p> <p>10.5. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 E-CDNT;</p> <p>10.6. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 E-CDNT;</p> <p>10.7. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT theo quy định tại Mục 12 E-CDNT (nếu có);</p> <p>10.8. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL.</p> |
| 11. Đơn dự thầu và các bảng biểu | Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được Hệ thống trích xuất để hoàn thành E-HSDT. |
| 12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT | <p>12.1. Trường hợp E-HSMT có quy định tại E-BDL về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét.</p> <p>12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để tổ chuyên gia có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, bản vẽ, thông số kỹ thuật, tiến độ cung cấp, chi phí và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.</p> |
| 13. Giá dự thầu và giảm giá | <p>13.1. Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này:</p> <p>a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Nhà thầu điền giá vào Đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất (cơ sở cho Biên bản mở thầu) đồng thời Scan Bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 lên Hệ thống.</p> <p>b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu;</p> <p>c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.</p> <p>d) Nhà thầu phải nộp E-HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong các cột “Danh mục hàng hóa”, “Mô tả dịch vụ” theo biểu mẫu tại</p> |

| | |
|--|---|
| | <p>Chương IV.</p> <p>13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây:</p> <p>a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự).</p> <p>b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần vào webform trên Hệ thống.</p> <p>13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT. Trường hợp E-HSMT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Chủ đầu tư xử lý tình huống theo quy định tại khoản 11 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSMT của nhà thầu sẽ bị loại.</p> |
| <p>14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</p> | <p>Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.</p> |
| <p>15. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan</p> | <p>15.1. Để chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh hàng hóa mà nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V. Các tài liệu này là một phần của E-HSMT.</p> <p>15.2. Thuật ngữ “hàng hóa” được hiểu gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; sản phẩm; phương tiện; hàng tiêu dùng; hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; phần mềm thương mại..</p> <p>15.3. Thuật ngữ “xuất xứ” được hiểu là quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi hàng hóa được khai thác, chăn nuôi, trồng trọt, sản xuất, chế tạo hoặc chế biến tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó, thông qua quá trình chế tạo, chế biến hoặc lắp ráp để tạo thành một sản phẩm được công nhận về mặt thương mại và có sự khác biệt đáng kể về các đặc điểm căn bản so với các yếu tố cấu thành ban đầu.</p> <p>15.4. Thuật ngữ “dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như bảo hiểm, lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ....</p> |



15.5. Nhà thầu phải kê khai xuất xứ của hàng hóa theo biểu mẫu tại Chương IV. Trường hợp nhà thầu chào nhiều xuất xứ cho một đơn vị tính của hàng hóa (một cái, một chiếc...) nhưng cùng một hãng sản xuất và có cùng đơn giá thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ để xác định cụ thể xuất xứ của hàng hóa này.

15.6. Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa thực hiện theo Mẫu số 01 Chương IV. Trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu về xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Đấu thầu thì nhà thầu phải chào hàng hóa theo đúng yêu cầu về xuất xứ hoặc xuất xứ Việt Nam, kể cả trong trường hợp xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ mà Chủ đầu tư yêu cầu không có Việt Nam; nhà thầu chào hàng hóa không có xuất xứ theo yêu cầu của E-HSMT hoặc không phải xuất xứ Việt Nam thì sẽ bị loại. Trường hợp chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu chào hàng hóa xuất xứ Việt Nam theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10 của Luật Đấu thầu thì nhà thầu chào hàng hóa không phải là xuất xứ Việt Nam sẽ bị loại.

15.7. Nhà thầu phải kê khai hãng sản xuất của hàng hóa theo biểu mẫu tại Chương IV. Trường hợp nhà thầu chào nhiều hãng sản xuất cho nhiều hơn một đơn vị tính của hàng hóa (hai cái, hai chiếc...) thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ để xác định số lượng tương ứng với từng hãng sản xuất. Trường hợp nhà thầu chào nhiều hãng sản xuất cho một đơn vị tính của hàng hóa (một cái, một chiếc...) thì E-HSMT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

15.8. Nhà thầu phải đề xuất cụ thể ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất. Trường hợp nhà thầu không đề xuất cụ thể ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất thì E-HSMT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá (nhà thầu không được tham chiếu tới các nội dung khác trong E-HSMT mà phải đề xuất cụ thể tại Mẫu số 10B Chương IV). Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin kê khai trong biểu mẫu Chương IV so với tài liệu đính kèm thì thông tin trong biểu mẫu là cơ sở để xem xét, đánh giá, trừ trường hợp ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, hãng sản xuất kê khai tại biểu mẫu Chương IV không tồn tại trên thị trường.

15.9. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan có thể là hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa, dịch vụ so với các yêu cầu của E-HSMT và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V.

15.10. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ danh mục, giá cả, nhà cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế, dụng cụ chuyên dùng, vật tư tiêu hao... (sau đây gọi là vật tư, phụ tùng thay thế) cần thiết để bảo đảm sự vận hành đúng quy cách và liên tục của hàng hóa trong thời hạn quy định tại **E-BDL**.

15.11. Tiêu chuẩn về chế tạo, quy trình sản xuất các vật tư và thiết bị

| | |
|--|--|
| | <p>cũng như các tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa hoặc số catalô do Chủ đầu tư quy định tại Chương V chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, catalô khác miễn là nhà thầu chứng minh cho Chủ đầu tư, tổ chuyên gia thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc cao hơn so với yêu cầu quy định tại Chương V.</p> |
| <p>16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu</p> | <p>16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. Trường hợp được mời vào đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT và để Chủ đầu tư lưu trữ.</p> <p>16.2. Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu nếu được trúng thầu thực hiện theo E-BDL.</p> <p>16.3. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p> |
| <p>17. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT</p> | <p>17.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại E-BDL.</p> <p>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E-HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Chủ đầu tư. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p> |
| <p>18. Bảo đảm dự thầu</p> | <p>18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì thực hiện theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh và đính kèm khi nộp E-HSDT. Đối với bảo lãnh dự thầu điện tử, nhà thầu chọn bảo lãnh dự thầu điện tử được phát hành, lưu trữ trên Hệ thống. Trường hợp E-HSDT được gia</p> |

hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 E-CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì E-HSMT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;

b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại **E-BDL**. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo đảm dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký (ký số đối với bảo lãnh dự thầu điện tử) hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có).

18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định tại **E-BDL**. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.

18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Chủ đầu tư:

a) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu;

b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSĐT, nhà thầu có văn bản rút E-HSĐT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSĐT theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thoả thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thoả thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thoả thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng.

18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu.

18.7. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có thể lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây:

a) Bảo đảm dự thầu chung cho tất cả các phần mà mình tham dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bằng tổng giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hơn tổng giá trị cộng gộp thì Chủ đầu tư được quyền quyết định lựa chọn bảo đảm dự thầu đó được sử dụng cho phần nào trong số các phần mà nhà thầu tham dự;

| | |
|--|--|
| | <p>b) Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà nhà thầu tham dự.</p> <p>Trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì việc không hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm.</p> <p>18.8. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.2 E-CDNT nhỏ hơn 50 triệu đồng, tại thời điểm đóng thầu, nhà thầu không phải đính kèm thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.1 E-CDNT mà phải cam kết trong đơn dự thầu (không phải đính kèm cam kết riêng bằng văn bản) là nếu được mời vào đối chiếu tài liệu hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của chủ đầu tư) hoặc thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT (thời gian có hiệu lực của thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh là số ngày được quy định trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu và được tính từ ngày thực hiện đối chiếu tài liệu). Trường hợp nhà thầu chọn áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh khi đối chiếu tài liệu nhưng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của nhà thầu không đáp ứng quy định tại Mục 18.3 E-CDNT thì nhà thầu phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư) với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Trường hợp nhà thầu không thực hiện theo cam kết nêu trên, nhà thầu bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu nêu trong đơn dự thầu (bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và bị khóa tài khoản trong vòng 06 tháng, kể từ ngày Chủ đầu tư công khai tên nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng). Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì nhà thầu sẽ không được hoàn trả khoản tiền bảo đảm dự thầu này.</p> |
| <p>19. Thời điểm đóng thầu</p> | <p>19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p> |
| <p>20. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT</p> | <p>20.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>20.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để</p> |



| | |
|---------------------------|---|
| | <p>sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá.</p> <p>20.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm dự thầu, bị đánh giá là không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. Hệ thống thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ E-HSDT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSMT và nhà thầu không nộp E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.</p> |
| <p>21. Mở thầu</p> | <p>21.1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 01 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP; Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng tải E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (Hệ thống tự động tính trên cơ sở |



| | |
|--------------------------|--|
| | <p>tính toán lại chi phí dự phòng sau khi giảm giá);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có). <p>c) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì phải bao gồm các thông tin về giá dự thầu cho từng phần như điểm b khoản này.</p> |
| 22. Bảo mật | <p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT (nếu cần thiết) và đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, thành viên tổ chuyên gia về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> |
| 23. Làm rõ E-HSDT | <p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của Chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong E-HSDT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.</p> <p>23.4. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên</p> |



| | |
|---|--|
| | <p>cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> <p>23.7. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà E-HSĐT không đính kèm các tài liệu này thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSĐT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSĐT.</p> |
| 24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung | <p>24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p> |
| 25. Xác định tính đáp ứng của E-HSĐT | <p>25.1. Tổ chuyên gia sẽ xác định tính đáp ứng của E-HSĐT dựa trên nội dung của E-HSĐT theo quy định tại Mục 10 E-CDNT.</p> <p>25.2. E-HSĐT đáp ứng cơ bản là E-HSĐT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong E-HSĐT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay tính năng sử dụng của hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với E-HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSĐT đáp ứng cơ bản yêu cầu của E-HSMT.</p> <p>25.3. Tổ chuyên gia phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSĐT theo quy định tại Mục 15 E-CDNT và Mục 16 E-CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu quy định trong E-HSMT đã được đáp ứng và E-HSĐT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>25.4. Nếu E-HSĐT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSMT thì E-HSĐT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSĐT nhằm làm cho E-HSĐT đó đáp ứng cơ bản E-HSMT.</p> |
| 26. Sai sót không nghiêm trọng | <p>26.1. Với điều kiện E-HSĐT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSĐT.</p> <p>26.2. Với điều kiện E-HSĐT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-</p> |

| | |
|--|---|
| | <p>HSMT, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong E-HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. E-HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của Chủ đầu tư.</p> <p>26.3. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các E-HSDT.</p> |
| <p>27. Nhà thầu phụ (không áp dụng)</p> | <p>27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để thực hiện các dịch vụ liên quan.</p> <p>27.2. Trường hợp có yêu cầu dịch vụ liên quan quy định tại Mẫu số 01D Chương IV, Chủ đầu tư có thể cho phép nhà thầu được sử dụng nhà thầu phụ. Việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ thực hiện theo Mẫu số 09A Chương IV.</p> <p>27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).</p> <p>27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ liên quan.</p> <p>27.5. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì bị xử lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>27.6. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu mà nhà thầu đã trúng thầu và các công việc tư vấn này bao gồm: thẩm định giá; giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định; lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; thẩm định kết quả sơ tuyển (nếu có), kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu.</p> |
| <p>28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</p> | <p>28.1. Nguyên tắc ưu đãi:</p> <p>a) Nhà thầu tham dự thầu thuộc đối tượng được hưởng nhiều hơn một loại ưu đãi trong đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc trong đánh giá về tài chính thì khi tính ưu đãi chỉ được hưởng một loại ưu đãi có</p> |

lợi nhất cho nhà thầu tương ứng với từng nội dung đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc đánh giá về tài chính.

b) Trường hợp tất cả các nhà thầu tham dự thầu đều được hưởng ưu đãi như nhau hoặc tất cả các nhà thầu đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không cần tính ưu đãi để so sánh, xếp hạng.

c) Nhà thầu phải chứng minh nhà thầu, hàng hóa, dịch vụ do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu.

d) Nhà thầu được hưởng ưu đãi khi cung cấp hàng hóa mà hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 30% trở lên.

28.2. Đối với hàng hóa quy định tại điểm i khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu, việc xác định hàng hóa được ưu đãi được thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực, không xác định theo quy định tại Mục 28.3 E-CDNT;

28.3. Việc tính ưu đãi được thực hiện trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng E-HSDT:

Hàng hóa chỉ được hưởng ưu đãi khi nhà thầu chứng minh được hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 30% trở lên trong giá hàng hóa. Việc xác định hàng hóa sản xuất tại Việt Nam có thể áp dụng công thức trực tiếp hoặc công thức gián tiếp sau:

Công thức trực tiếp: $D (\%) = G^*/G \times 100\%$

Công thức gián tiếp: $D (\%) = (G - C)/G \times 100\%$

Trong đó:

G^* : Là chi phí sản xuất trong nước

G : Là giá chào của hàng hóa trong E-HSDT trừ đi giá trị thuế; đối với nhà thầu là nhà sản xuất thì G là giá xuất xưởng (giá EXW) của hàng hóa

C : Là giá trị của các chi phí nhập ngoại, không bao gồm thuế, phí liên quan đến nhập khẩu

D : Là tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của hàng hóa. $D \geq 30\%$ thì hàng hóa đó được hưởng ưu đãi theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 9, 10 và 11 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

28.4. Cách tính ưu đãi được thực hiện theo quy định tại **E-BDL**.

28.5. Nhà thầu phải kê khai thông tin về loại hàng hóa được hưởng ưu đãi theo Mẫu số 15A và 15B hoặc 15C Chương IV để làm cơ sở xem xét, đánh giá ưu đãi. Trường hợp nhà thầu không kê khai thì hàng hóa của nhà thầu được coi là không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi. Trường hợp nhà thầu đã kê khai ưu đãi theo Mẫu số 15A và 15B hoặc 15C Chương IV nhưng không đính kèm các tài liệu chứng minh thì chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu để xem xét, đánh giá ưu đãi. Trường hợp các nhà thầu chào hàng hóa có cùng ký mã hiệu (nếu có), hãng sản xuất, năm sản xuất, xuất xứ Việt Nam nhưng có nhà thầu kê khai, có nhà thầu không kê khai hàng hóa này

| | |
|-----------------------------------|---|
| | <p>thuộc đối tượng ưu đãi thì chủ đầu tư quyết định cho các nhà thầu không kê khai ưu đãi được làm rõ để có cơ sở đánh giá ưu đãi đối với các hàng hóa này.</p> <p>28.6. Trường hợp hàng hóa do các nhà thầu chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi.</p> <p>28.7. Nhà thầu phải đính kèm tài liệu để chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.</p> <p>28.8. Các ưu đãi khác theo quy định tại E-BDL.</p> |
| <p>29. Đánh giá E-HSDT</p> | <p>29.1. Tổ chuyên gia áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSDT.</p> <p>29.2. Căn cứ vào E-HSDT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá E-HSDT tại Mục 29.1 E-CDNT, tổ chuyên gia chọn 01 trong 02 quy trình đánh giá E-HSDT quy định tại Mục 29.3 hoặc Mục 29.4 Mục này cho phù hợp để đánh giá E-HSDT.</p> <p>29.3. Quy trình 1 (áp dụng đối với phương pháp “giá đánh giá” và “giá thấp nhất”):</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III + Tư cách hợp lệ của nhà thầu;</p> <p>+ Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.</p> <p>Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.</p> <p>- Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh).</p> <p>- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.</p> <p>b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III</p> <p>- Đánh giá các nội dung: lịch sử không hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, kết quả hoạt động tài chính, doanh thu bình quân hàng năm trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT.</p> <p>- Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự năng lực sản xuất hàng hóa: Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự, năng lực sản xuất hàng hóa, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai và tài liệu đính kèm để đánh giá.</p> <p>- Đối với nội dung về nhân sự chủ chốt, tổ chuyên gia đánh giá trên</p> |



cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu.

- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.

c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.

d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III và thực hiện theo quy định tại **E-BDL**;

đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại **E-BDL**. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu.

e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu theo quy định tại Mục 30 E-CDNT. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.

29.4. Quy trình 2 (chỉ áp dụng đối với phương pháp “giá thấp nhất”, các nhà thầu, E-HSMT đều không có bất kỳ ưu đãi nào và không có từ 02 nhà thầu trở lên cùng xếp thứ nhất).

a) Bước 1: Xếp hạng nhà thầu căn cứ vào giá dự thầu theo biên bản mở thầu trên Hệ thống, nhà thầu có giá dự thầu không bao gồm thuế GTGT sau khi sửa lỗi, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Tổ chuyên gia tiến hành đánh giá E-HSMT của nhà thầu có giá dự thầu không bao gồm thuế GTGT sau khi sửa lỗi, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất.

b) Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại điểm a Mục 29.3 E-CDNT.

c) Bước 3: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại điểm b Mục 29.3 E-CDNT.

d) Bước 4: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại điểm c Mục 29.3 E-CDNT.

đ) Bước 5: Nhà thầu đáp ứng về mặt kỹ thuật sẽ được mời vào đối chiếu tài liệu.

Trường hợp E-HSMT của nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì thực hiện các bước đánh giá nêu trên đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo.

29.5. Nguyên tắc đánh giá E-HSMT:

a) Đối với các nội dung bao gồm tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà

thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, kết quả hoạt động tài chính, doanh thu bình quân hằng năm, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT thì Tổ chuyên gia sẽ đánh giá nhà thầu "không đạt" ở nội dung này. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;

b) Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên webform và thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp áp dụng thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) để đánh giá;

c) Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT hoặc nhà thầu không kê khai, kê khai không đầy đủ hợp đồng tương tự, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác (được cập nhật từ hồ sơ năng lực của nhà thầu trên Hệ thống) để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại;

d) Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự chủ chốt khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong E-HSDT hoặc nhân sự chủ chốt đã được thay thế một lần theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự chủ chốt khác nhưng phải bảo đảm nhân sự chủ chốt dự kiến thay thế có trình độ, kinh

| | |
|--------------------------------------|--|
| | <p>nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự chủ chốt đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.</p> <p>đ) Đối với xuất xứ của hàng hóa, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai và file đính kèm thì Chủ đầu tư yêu cầu làm rõ E-HSDT;</p> <p>e) Đối với các nội dung ngoài các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá;</p> <p>g) Tại bước đánh giá về tài chính, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin trong biểu mẫu về ưu đãi hàng hóa sản xuất trong nước để làm cơ sở tính toán ưu đãi thì nhà thầu sẽ không được hưởng ưu đãi;</p> <p>h) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT. Đối với các nội dung về tính hợp lệ, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm, kết quả hoạt động tài chính đã được Hệ thống đánh giá tự động là "đạt" theo thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT mà tổ chuyên gia đánh giá lại là "không đạt" thì tổ chuyên gia chỉnh sửa lại kết quả đánh giá từ "đạt" thành "không đạt". Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.</p> |
| <p>30. Đối chiếu tài liệu</p> | <p>30.1. Nhà thầu được Chủ đầu tư mời vào đối chiếu tài liệu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư tổ chức đối chiếu tài liệu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT, bao gồm:</p> <p>a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt hoặc Séc bảo chi theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT;</p> <p>b) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...); tài liệu chứng minh năng lực sản xuất (đối với trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất);</p> <p>c) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự chủ chốt (nếu có): bằng cấp, chứng chỉ, kinh nghiệm của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT;</p> <p>d) Tài liệu khác (nếu có).</p> <p>30.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được xét duyệt trúng thầu.</p> |



| | |
|--|--|
| | <p>30.3. Chủ đầu tư gửi Thông báo mời đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống. Trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu phải ghi rõ thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (đối với bảo đảm dự thầu có giá trị dưới 50 triệu đồng), thời gian, địa điểm thực hiện đối chiếu tài liệu trên cơ sở bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.</p> |
| <p>31. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</p> | <p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>31.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III. Trường hợp tại thời điểm xét duyệt trúng thầu, nếu nhà thầu bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống thì Chủ đầu tư cần yêu cầu nhà thầu thực hiện khôi phục trạng thái tham gia để được xét duyệt trúng thầu;</p> <p>31.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>31.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>31.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại E-BDL;</p> <p>31.5. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.</p> |
| <p>32. Hủy thầu</p> | <p>32.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, báo giá không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMT;</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ quy định của Tổng Công ty hoặc thực hiện trái với, quy định của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Giá dự thầu/ đề xuất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá của tất cả các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật cao bất thường so với dự toán gói thầu được duyệt mà Cấp có thẩm quyền xét thấy không cần thiết xử lý tình huống theo quy định;</p> <p>đ) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu;</p> <p>e) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>f) Thay đổi kế hoạch mua sắm, nhu cầu mua sắm, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.</p> |



| | |
|---|---|
| | <p>32.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d Mục 32.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>32.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc Chủ đầu tư phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại khoản 9 Điều 14 của Luật Đấu thầu.</p> |
| <p>33. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</p> | <p>33.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu; <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật (nếu có); - Giá đánh giá (nếu có); - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu. - Thời gian thực hiện hợp đồng. <p>c) Đối với mỗi chủng loại hàng hóa, thiết bị trong gói thầu, Chủ đầu tư phải đăng tải các thông tin sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên hàng hóa; - Công suất; - Tính năng, thông số kỹ thuật; ký mã hiệu, nhãn hiệu; - Xuất xứ; - Đơn giá trúng thầu. <p>d) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không</p> |



| | |
|---|---|
| | <p>được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>33.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 32.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p> |
| 34. Thay đổi khối lượng hàng hóa và dịch vụ | <p>34.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của E-HSDT và E-HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%.</p> <p>34.2. Tùy chọn mua thêm:</p> <p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư với nhà thầu thỏa thuận mua bổ sung khối lượng hàng hóa, dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Phần công việc mua bổ sung phải tương tự với phần công việc nêu trong hợp đồng đã ký kết và đã có đơn giá. Khối lượng hàng hóa, dịch vụ bổ sung này không được sử dụng để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm thực hiện theo tỷ lệ phân chia công việc theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p> |
| 35. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng | <p>Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký hợp đồng theo quy định tại Biểu mẫu của Chương VIII cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.</p> |
| 36. Điều kiện ký kết hợp đồng | <p>36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không</p> |

| | |
|---|--|
| | <p>còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu.</p> <p>36.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p> |
| <p>37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</p> | <p>37.1. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Mục 5 E-ĐKC Chương VI. Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu quy định tại Phần 4 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng. |
| <p>38. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</p> | <p>38.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Hội đồng giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 89 của Luật Đấu thầu và các Điều 137, 138 và 139 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>38.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Hội đồng giải quyết kiến nghị, Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL.</p> |



Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

| | |
|--------------------|--|
| E-CDNT 1.1 | Tên Chủ đầu tư: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN - CÔNG TY ĐƯỜNG ÓNG KHÍ NAM CÔN SƠN (NCSP). |
| E-CDNT 1.2 | <p>Tên gói thầu: CUNG CẤP MÀN HÌNH LED TRƯỚC TÒA NHÀ HÀNH CHÍNH VÀ CÔNG KHU VỰC SẢN XUẤT CỦA NCSP</p> <p>Tên dự án/dự toán mua sắm: CUNG CẤP MÀN HÌNH LED TRƯỚC TÒA NHÀ HÀNH CHÍNH VÀ CÔNG KHU VỰC SẢN XUẤT CỦA NCSP</p> <p>Số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu: Theo quy định tại mục E-CDNT 18.2 Chương này.</p> |
| E-CDNT 3 | <p>Nguồn vốn: <i>Vốn sản xuất kinh doanh.</i></p> <p>(Áp dụng Quy định về lựa chọn nhà thầu ban hành kèm theo Quyết định số 393/QĐ-KVN ngày 11 tháng 04 năm 2024 của Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần)</p> |
| E-CDNT 7.5 | Hội nghị tiền đấu thầu: Không |
| E-CDNT 8 | Chi phí nộp E-HSDT: theo qui định của Hệ thống https://muasamcong.mpi.gov.vn/ |
| E-CDNT 10.8 | Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây: <i>như yêu cầu trong E-HSMT</i> |
| E-CDNT 12.1 | Nhà thầu: không được phép |
| E-CDNT 16.2 | <p>Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu: Nhà thầu là nhà sản xuất (Sophos) hoặc Trường hợp nhà thầu không tự sản xuất hoặc chế tạo hàng hóa được chào trong E-HSDT của mình thì nhà thầu phải nộp giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương nhằm chứng minh nhà thầu được ủy quyền hợp lệ của nhà sản xuất, đại lý phân phối để cung cấp hàng hóa đó ở Việt Nam. Nhà thầu có thể đính kèm hoặc không đính kèm tài liệu này trong E-HSDT, kể cả trường hợp E-HSMT có yêu cầu nhà thầu phải có tài liệu này. Việc nhà thầu không đính kèm tài liệu nêu trên không phải là lý do loại bỏ nhà thầu. Nhà thầu vẫn được tiếp tục xem xét, đánh giá để được xét duyệt trúng thầu. Trường hợp nhà thầu trúng thầu, nhà thầu phải xuất trình được tài liệu nêu trên trước khi ký hợp đồng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của những tài liệu, thông tin do mình cung cấp. Trường hợp nhà thầu không xuất trình được giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật,</p> |

| | |
|--------------------|--|
| | <p>bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương để ký hợp đồng thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu.</p> <p>Trường hợp nhà thầu đã được xét duyệt trúng thầu nhưng nhà sản xuất, đại lý, nhà phân phối không cung cấp Giấy phép bán hàng mà không có lý do chính đáng và nếu nhà thầu vẫn chứng minh được khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác thì vẫn được ký hợp đồng mà không cần xuất trình Giấy phép bán hàng.</p> <p>Trong trường hợp cần thiết, NCSP sẽ kiểm tra lại tính chính xác của các tài liệu do nhà thầu cung cấp với hãng sản xuất hoặc đại lý phân phối. Nếu phát hiện gian lận, Nhà thầu sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm theo qui định pháp luật.</p> |
| E-CDNT 17.1 | Thời hạn hiệu lực của E-HSDT là: ≥ 30 ngày , kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. |
| E-CDNT 18.2 | <p>Nội dung bảo đảm dự thầu: Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT.</p> <p>- Giá trị bảo đảm dự thầu: 7.000.000đ (Bằng chữ: Bảy triệu đồng)</p> <p>Đối với nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu nêu trên trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP nêu trên phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị bảo đảm dự thầu tương ứng với tỷ lệ giá trị công việc thành viên đó đảm nhận trong liên danh trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện hành vi này.</p> <p>- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.</p> |
| E-CDNT 18.4 | Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt |
| E-CDNT 28.4 | Cách tính ưu đãi: Không áp dụng |
| E-CDNT 28.8 | Các ưu đãi khác (nếu có): Không áp dụng |
| E-CDNT 29.1 | <p>Phương pháp đánh giá E-HSDT là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về tài chính: phương pháp giá thấp nhất. |

| | |
|-----------------------|--|
| E-CDNT 29.3(đ) | Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có giá dự thầu không bao gồm thuế GTGT, sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. |
| E-CDNT 31.4 | Nhà thầu có giá dự thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất. |
| E-CDNT 34.1 | Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 10%; Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 10%. |
| E-CDNT 34.2 | - Tùy chọn mua thêm: không áp dụng; - Tỷ lệ tùy chọn mua thêm tối đa là: 0%. |
| E-CDNT 38.2 | <p>Người có thẩm quyền:</p> <p>CÔNG TY ĐƯỜNG ÓNG KHÍ NAM CÔN SƠN</p> <p>Tỉnh lộ 44, xã Long Điền, TP. Hồ Chí Minh Tel: (0254) 3 864100; Fax: (0254) 3 864099</p> <p>Người nhận: Lê Văn Tùng – Chuyên viên mua sắm Phòng Hợp đồng – Cung ứng Vật tư Email: Tung.Le@ncsp.com.vn</p> <p>C/c: Nguyễn Đắc Diệu Phương Trưởng nhóm Hợp đồng – Cung ứng Vật tư Email: phuong.nguyen@ncsp.com.vn</p> <p>Nguyễn Đình Định - Trưởng Phòng Kinh Doanh Email: dinh.nguyen@ncsp.com.vn</p> |



Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Giá chào ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu;
 2. Thời gian có hiệu lực của E-HSDT đáp ứng yêu cầu của Mục CDNT 17.1;
 3. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.
Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT.
 4. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo biểu mẫu tại Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.
 5. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.
 6. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.
 7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.
 8. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.
- Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung quy định tại Bảng số 01 thì đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm.

Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp hàng hóa đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Vietcombank tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

Bảng số 01

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

| CÁC TIÊU CHÍ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM | | | CÁC YÊU CẦU CẦN TUÂN THỦ | | Tài liệu cần nộp | |
|--------------------------------------|-----------------------------------|--|---------------------------|-------------------------------|---------------------------|-----------|
| TT | Mô tả | YÊU CẦU | Nhà thầu độc lập | Nhà thầu liên danh | | |
| | | | | Tổng các thành viên liên danh | Từng thành viên liên danh | |
| 1 | Lịch sử không hoàn thành hợp đồng | Lịch sử không hoàn thành hợp đồng Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp hàng hóa không hoàn thành do lỗi của nhà thầu. | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Mẫu số 10 |

| | | | | | | |
|---|---|--|---------------------------|---------------------------|--|-----------|
| 2 | Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự | <p>Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự</p> <p>Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến thời điểm đóng thầu</p> <p>Trong đó:</p> <p>Hợp đồng tương tự là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tính chất tương tự: cung cấp và lắp đặt màn hình LED; - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 155 triệu đồng, đã bao gồm thuế GTGT. | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu (trương đương với phần công việc đảm nhận) | Mẫu số 09 |
|---|---|--|---------------------------|---------------------------|--|-----------|

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt:

Không được yêu cầu về huy động nhân sự chủ chốt đối với phần công việc cung cấp hàng hóa. Đối với hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường, không đòi hỏi nhân sự thực hiện dịch vụ liên quan (như: lắp đặt, đào tạo, chuyển giao công nghệ...) phải có trình độ cao thì không yêu cầu về nhân sự chủ chốt. Chỉ được yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các dịch vụ liên quan có yếu tố đặc thù, phức tạp cần thiết phải có nhân sự có hiểu biết, nhiều kinh nghiệm đảm nhận.

Trường hợp E-HSMT yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 06A, 06B, 06C Chương IV. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy



định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt

| TT | Vị trí công việc | Số lượng | Kinh nghiệm trong các công việc tương tự | Chứng chỉ/trình độ chuyên môn |
|----|--|------------|--|---|
| 1 | Nhân sự chủ chốt trực tiếp thực hiện dự án | 01 nhân sự | Nhân sự chủ chốt trực tiếp thực hiện dự án có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm trong việc thi công lắp đặt và cấu hình màn hình LED. | Có chứng chỉ đào tạo về kỹ thuật hoặc chứng chỉ tương đương do LEYARD chứng nhận còn hiệu lực |

Ghi chú:

Trong trường hợp nhà thầu có cung cấp chứng chỉ nhưng chứng chỉ đã hết hiệu lực tối đa 30 ngày trước thời điểm đóng thầu hoặc chứng chỉ còn hiệu lực tại thời điểm đóng thầu nhưng sẽ hết hạn trong quá trình thực hiện hợp đồng, nhà thầu phải cam kết nếu trúng thầu, trước khi thực hiện công việc, nhà thầu sẽ cung cấp chứng chỉ có hiệu lực trong suốt thời gian thực hiện công việc.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật E-HSDT của nhà thầu như quy định trong bảng sau:

| TT | NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ | TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ | |
|----|---|---|---|
| | | ĐẠT | KHÔNG ĐẠT |
| 1 | Hàng hóa cung cấp đúng mô tả/ thông số kỹ thuật, mã hiệu và đầy đủ số lượng. <i>(Trường hợp nhà sản xuất thay đổi mã hiệu/thông số kỹ thuật của hàng hóa yêu cầu, nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các tài liệu của nhà sản xuất để chứng minh tính tương đương của mã hiệu/thông số kỹ thuật được chào)</i> | Tất cả các mục hàng đều đúng mã hiệu, đúng mô tả/ thông số kỹ thuật và đủ số lượng theo yêu cầu hoặc tương đương. | Bất kỳ mục hàng nào không đúng mã hiệu hoặc không đúng mô tả/ thông số kỹ thuật hoặc không đủ số lượng như yêu cầu hoặc không cung cấp tài liệu chứng minh tương đương. |

| TT | NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ | TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ | |
|----|--|---|--|
| | | ĐẠT | KHÔNG ĐẠT |
| 2 | Nhà thầu cam kết triển khai thực hiện và hoàn thành toàn bộ công việc/ dự án trong vòng tối đa 30 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng. | Có cam kết | Không có cam kết |
| 3 | Hàng hóa có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng (có CO và CQ do nhà sản xuất cấp), được bảo hành 24 tháng theo tiêu chuẩn nhà sản xuất. | Nhà thầu có văn bản cam kết đáp ứng yêu cầu. | Không có văn bản cam kết hoặc có nhưng không đáp ứng yêu cầu. |
| 4 | Nhà thầu cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu về An ninh - An toàn - Sức khỏe - Môi trường và Hệ thống quản lý giấy phép làm việc của NCSP theo tài liệu: HSE-3000-MP-0044 HSSE Requirement for Contractors of NCSP (văn bản đính kèm) | Có cam kết | Không có cam kết |
| | KẾT LUẬN | ĐẠT | KHÔNG ĐẠT |
| | | ĐẠT: tất cả nội dung yêu cầu trên được đánh giá là “Đạt” | KHÔNG ĐẠT: có bất kì nội dung yêu cầu trên được đánh giá là “Không đạt” |

Ghi chú:

- NCSP có quyền yêu cầu nhà thầu trình bản gốc của các bản sao chứng chỉ, hồ sơ, ... để so sánh, đối chiếu trong quá trình đánh giá E-HSĐT và thương thảo hợp đồng.

E-HSĐT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

- Bước 1. Xác định giá dự thầu không bao gồm thuế GTGT;
- Bước 2. Sửa lỗi theo qui định tại ghi chú (1) dưới đây;
- Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch theo qui định tại ghi chú (2) dưới đây;
- Bước 4. Xác định giá dự thầu không bao gồm thuế GTGT sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và giảm giá (nếu có);
- Bước 5. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;
- Bước 6. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu không bao gồm thuế GTGT sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.



**** GHI CHÚ:**

1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong hồ sơ dự thầu bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:
 - a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian, hợp đồng theo chi phí cộng phí, hợp đồng theo kết quả đầu ra, hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm, trường hợp có sự không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi;
 - b) Trường hợp tổng giá trị của các hạng mục không chính xác do lỗi khi cộng trừ giá trị của các hạng mục thì giá trị của các hạng mục là cơ sở để sửa lỗi;
 - c) Trường hợp không nhất quán giữa giá dự thầu ghi bằng số và giá dự thầu ghi bằng chữ thì giá dự thầu ghi bằng chữ là cơ sở để sửa lỗi, trừ trường hợp giá ghi bằng chữ không có nghĩa; trường hợp giá dự thầu ghi bằng chữ có sai sót về lỗi số học thì giá ghi bằng số là cơ sở cho việc sửa lỗi sau khi được chuẩn xác (nếu có) theo điểm a và điểm b nêu trên;
 - d) Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định theo nguyên tắc này khác với số lượng nêu trong hồ sơ mời thầu thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Mục 2 – Hiệu chỉnh sai lệch về Phạm vi cung cấp dưới đây;
 - e) Lỗi nhầm đơn vị tính: Sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của hồ sơ mời thầu.
2. Hiệu chỉnh sai lệch về phạm vi cung cấp:
 - a) Sai lệch về phạm vi cung cấp đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, phi tư vấn: Trường hợp nhà thầu liệt kê hạng mục công việc theo yêu cầu trong hồ sơ mời thầu nhưng không ghi đơn giá dự thầu và thành tiền cho một hoặc một số hạng mục công việc thì được coi là sai lệch thiếu và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này để so sánh, xếp hạng hồ sơ dự thầu. Trường hợp hạng mục công việc nêu trong hồ sơ mời thầu không được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu thì được coi là phần chào thiếu trong hồ sơ dự thầu và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này để so sánh, xếp hạng các hồ sơ dự thầu. Hạng mục công việc nêu trong hồ sơ mời thầu được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu nhưng khối lượng ít hơn hoặc nhiều hơn so với yêu cầu của hồ sơ mời thầu được coi là phần chào thiếu hoặc chào thừa và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này. Hạng mục công việc được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu không thuộc phạm vi công việc nêu trong hồ sơ mời thầu được coi là phần chào thừa và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này;
 - b) Hiệu chỉnh sai lệch thừa, thiếu về phạm vi cung cấp: Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu chào thiếu một hoặc một số hạng mục theo quy định tại điểm a khoản này và không có đơn giá của các hạng mục này thì lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với hạng mục này trong số các hồ sơ dự



thầu khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong hồ sơ dự thầu của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu để hiệu chỉnh sai lệch, làm cơ sở so sánh, xếp hạng nhà thầu. Việc hiệu chỉnh sai lệch thiếu chỉ nhằm mục đích so sánh, xếp hạng hồ sơ dự thầu.

Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu chào thiếu khối lượng so với yêu cầu trong hồ sơ mời thầu thì giá trị của phần công việc chào thiếu được cộng thêm theo đơn giá tương ứng trong hồ sơ dự thầu.

Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu chào thừa khối lượng so với yêu cầu trong hồ sơ mời thầu thì giá trị của phần công việc chào thừa sẽ bị trừ đi theo đơn giá tương ứng trong hồ sơ dự thầu.

3. Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.
4. Áp đơn giá đối với phần sai lệch thiếu đối với nhà thầu xếp hạng thứ nhất:
Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu có sai lệch thiếu sau khi hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b Mục 2 nêu trên vẫn được xếp hạng thứ nhất và hồ sơ dự thầu của nhà thầu này không có đơn giá của phần sai lệch thiếu thì đơn giá đề nghị trúng thầu của phần sai lệch thiếu sẽ lấy theo thứ tự ưu tiên: đơn giá tương ứng có giá trị thấp nhất trong các hồ sơ dự thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật, đơn giá trong dự toán gói thầu, đơn giá hình thành giá gói thầu (trong trường hợp không có dự toán gói thầu).
5. Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và áp đơn giá đối với phần sai lệch thiếu theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 nêu trên, bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá đối với hồ sơ dự thầu của nhà thầu. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của bên mời thầu, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho bên mời thầu về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá theo thông báo của bên mời thầu. Trường hợp nhà thầu không đồng ý với kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá theo thông báo của bên mời thầu thì hồ sơ dự thầu của nhà thầu đó bị loại, trừ trường hợp việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá của bên mời thầu không phù hợp, chính xác.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)

Không áp dụng

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có)

Không áp dụng



Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

| Stt | Biểu mẫu | Cách thức thực hiện | Trách nhiệm thực hiện | |
|-----|--|--|----------------------------|----------|
| | | | Chủ đầu tư | Nhà thầu |
| 1 | Mẫu số 01. Phạm vi cung cấp hàng hóa | Scan đính kèm lên Hệ thống | X | |
| 2 | Mẫu số 02. Đơn dự thầu | Webform | | X |
| 3 | Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh | | | X |
| 4 | Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu độc lập) | Scan đính kèm hoặc cam kết trong đơn dự thầu | | X |
| 5 | Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu liên danh) | | | X |
| 6 | Mẫu số 05A. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện <i>(không áp dụng)</i> | | | |
| 7 | Mẫu số 05B. Kê khai năng lực sản xuất hàng hóa <i>(không áp dụng)</i> | | | |
| 8 | Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt <i>(không áp dụng)</i> | | | |
| 9 | Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt <i>(không áp dụng)</i> | | | |
| 10 | Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn <i>(không áp dụng)</i> | | | |
| 11 | Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ <i>(không áp dụng)</i> | | | |
| 12 | Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu <i>(không áp dụng)</i> | | | |
| 13 | Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ <i>(không áp dụng)</i> | | | |
| 14 | Mẫu số 09B. Danh sách các công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc của gói thầu <i>(không áp dụng)</i> | | | |
| 15 | Mẫu số 10A. Bảng tiến độ cung cấp | | Scan đính kèm lên Hệ thống | |
| 16 | Mẫu số 10B. Đề xuất về hàng hóa của nhà thầu | | | X |
| 17 | Mẫu số 11. Bảng tổng hợp giá dự thầu | | | X |
| 18 | Mẫu số 12. Bảng giá dự thầu của hàng hóa | | | X |
| 19 | Mẫu số 13. Bản cam kết thực hiện gói thầu | | | X |

Mẫu số 01 (scan đính kèm lên Hệ thống)

PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA

(Nhà thầu cung cấp phần màn hình LED cho NCSP theo Phạm vi cung cấp đính kèm).



PHẠM VI CUNG CẤP

Thông tin trong Bảng phạm vi cung cấp hàng hóa là cơ sở để nhà thầu lập bảng chào giá. Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa được mô tả như dưới đây.

I. Phạm vi cung cấp

Nhà thầu cung cấp các phần màn hình LED hiển thị, các phụ kiện đi kèm, phần mềm phục vụ việc hiển thị nội dung, cùng dịch vụ lắp đặt và hướng dẫn cấu hình – cài đặt nội dung lên màn hình LED tại Nhà máy Xử lý Khí Nam Côn Sơn, với các yêu cầu như sau:

- 1. Cung cấp và lắp đặt 1 màn hình LED trước tòa nhà Hành Chính, kích thước 800mm x 5.440mm**
 - Cung cấp lắp đặt tủ điện lắp nổi, gồm 1 CB tổng 20A, 1 CB nhánh 16 A, 1 CB nhánh 6A, cho màn hình tại admin, yêu cầu CB schneider curve C, dòng cắt lcs 6KA.



- Thông số kỹ thuật

| STT | MÔ TẢ HÀNG HÓA/DỊCH VỤ | NHÀ SẢN XUẤT MODEL | ĐƠN VỊ | SỐ LƯỢNG | |
|---|--|---|--|----------|----|
| 1 | Màn hình LED P2.5 cố định ngoài trời | LEYARD LVS 0250 Series | m2 | 4.36 | |
| | - Kích thước hiển thị (mm) | | 800 x 5440 | Tám | 85 |
| | Module LED P2.5 cố định | | SMD 3 in 1 | | |
| | - Khoảng cách điểm ảnh (mm) | | 2.5 | | |
| | - Số lượng điểm ảnh (CxR) pixel | | 320 x 2176 | | |
| | - Tổng số lượng điểm ảnh (pixel) | | 696,320 | | |
| | - Độ sáng (cd/m2) | | ≥5000 | | |
| | - Kích thước module (mm) (WxH) | | 320 x 160 | | |
| | - Diện tích module (m2) | | 0.0512 | | |
| | - Mật độ điểm ảnh (điểm/m2) | | 160,000 | | |
| | - Độ phân giải module (WxH) | | 64*128 | | |
| | - Trọng lượng module (kg) | | 0.45±0.05 | | |
| | - Độ tương phản | | 5000:1 | | |
| | - Nhiệt độ màu (K) | | 3000~38000 tùy chỉnh | | |
| | - Góc nhìn | | 160°(Ngang); 140°(Theo chiều dọc) | | |
| | - Độ lệch của độ sáng trung tâm LED | | <3% | | |
| | - Độ sáng đồng đều | | ≥97% | | |
| | - Mức tiêu thụ điện năng cao nhất (W/m2) | | ≤660 | | |
| | - Mức tiêu thụ điện năng trung bình (W/m2) | | ≤220 | | |
| | Yêu cầu cung cấp điện (V) | | DC:4.5 | | |
| | Chế độ điều khiển | | Dòng điện không đổi, điều khiển quét 1/16 | | |
| | - Tốc độ khung hình (Hz) | | 50&60 | | |
| | - Tần số quét màn hình (Hz) | | ≥7680 | | |
| | - Tuổi thọ (hrs) | | 100,000 | | |
| | - Nhiệt độ hoạt động (°C) | | -20~40 | | |
| | - Nhiệt độ bảo quản | | -20~60 | | |
| | - Độ ẩm hoạt động | | 10~80% Không ngưng tụ | | |
| - Độ ẩm bảo quản | 10~85% Không ngưng tụ | | | | |
| Bộ chuyển nguồn - Công suất tối đa: 300W - Điện áp/dòng điện đầu ra: 5V/60A | | CZCL A-300AB-5 | | 15 | |
| Card thu tín hiệu - 12 cổng HUB75 - Màng dữ liệu song song RGB: 24 - Khả năng quản lý: 128 x 1024 pixels | | Leyard LYD Series | | 5 | |



| | | | | |
|---|---|-----------------------------------|-------|---|
| 2 | Bộ điều khiển màn hình - Cổng kết nối: Sensor RJ11*2, USB-B*1, LAN*1, AUDIO-OUT*1, HDMI-IN*1, HDMI-OUT*1, Ethernet RJ45*2, USB3.0*1 - Bộ nhớ trong: 32Gb - ĐPG Max: 1.3 triệu pixels - Cao Max 2560 pixel Rộng Max 4096 pixel. | Leyard LYD-A100 Series | Chiếc | 1 |
| 3 | Vật tư hệ thống điện- Tín hiệu Phụ kiện lắp đặt cho màn hình LED: - Dây điện nguồn nội bộ - Dây cáp tín hiệu nội bộ Cat5e - Vật tư phụ lắp đặt: aptomat, phích nguồn, ổ điện - Cáp cài, đầu bấm Khung giá đỡ màn hình led cao cấp gia công trong nước Sắt hộp mạ kẽm (Thiết kế theo bản vẽ trình chủ đầu tư) -Ốp bo viền Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, thi công, cấu hình, bàn giao hướng dẫn sử dụng | | Gói | 1 |

2. Cung cấp và lắp đặt 1 màn hình LED trước khu vực cổng bảo vệ Khu sản xuất, kích thước 1.280mm x 2.560mm

- Máy tính chủ được đặt trong container (do NCSP cung cấp) cách bảng Led khoảng 10 mét, khung bao giá đỡ, trụ inox 304, đế bê tông cho màn hình LED ngoài trời phải đảm bảo chịu lực (tính toán theo TCVN 2737-2023)
- Hệ thống điện cung cấp cho màn hình và các thiết bị đi kèm phải đảm bảo an toàn tuyệt đối về cách điện, nối đất đối với hệ thống khung bao, giá đỡ bằng thép.
- Sử dụng bộ nguồn phù hợp, dây dẫn chất lượng tốt và đúng chuẩn
- Đảm bảo tản nhiệt
- Tất cả các khe hở của khung bao, các vị trí Ra/Vào của dây cáp (điện, tín hiệu, nối đất...v.v.) phải được bịt kín bằng silicon/keo chuyên dụng để ngăn ngừa nước mưa và bụi bẩn xâm nhập
- Nhà thầu thực hiện việc tháo dỡ trụ/móng trụ bằng thông tin hiện hữu và xây lắp trụ/móng trụ mới tại vị trí trụ cũ. Nhà thầu cung cấp bảng tính toán kết cấu và bản vẽ kết cấu trụ/ móng trụ trước khi gia công, lắp đặt.
- Cung cấp lắp đặt 20m cáp 3 lõi 4mm, cách điện XLPE, vỏ PVC cho màn hình led khu vực cổng bảo vệ.
- Đào đất thi công mương cáp điện, chiều dài đoạn mương khoảng 5m, kích thước mương B*H=30*50cm.
- Khoan rút lõi 1 vị trí tại thành mương bê tông, đường kính lỗ khoan D48.
- Tô trát, sơn bả dặm, dặm vá hoàn thiện tường của container



- Thông số kỹ thuật

| STT | MÔ TẢ HÀNG HÓA/DỊCH VỤ | NHÀ SẢN XUẤT MODEL | ĐƠN VỊ | SỐ LƯỢNG |
|---|--|--|--------|----------|
| 1 | Màn hình LED P2.5 cố định ngoài trời | LEYARD LVS 0250 Series | m2 | 3.28 |
| | - Kích thước hiển thị (mm) | 1280x2560 | Tám | 64 |
| | Module LED P2.5 cố định | SMD 3 in 1 | | |
| | - Khoảng cách điểm ảnh (mm) | 2.5 | | |
| | - Số lượng điểm ảnh (CxR) pixel | 512*1024 | | |
| | - Tổng số lượng điểm ảnh (pixel) | 524,288 | | |
| | - Độ sáng (cd/m2) | ≥5000 | | |
| | - Kích thước module (mm) (WxH) | 320 x 160 | | |
| | - Diện tích module (m2) | 0.0512 | | |
| | - Mật độ điểm ảnh (điểm/m2) | 160,000 | | |
| | - Độ phân giải module (WxH) | 64*128 | | |
| | - Trọng lượng module (kg) | 0.45±0.05 | | |
| | - Độ tương phản | 5000:1 | | |
| | - Nhiệt độ màu (K) | 3000~38000 tùy chỉnh | | |
| | - Góc nhìn | 160°(Ngang); 140°(Theo chiều dọc) | | |
| | - Độ lệch của độ sáng trung tâm LED | <3% | | |
| | - Độ sáng đồng đều | ≥97% | | |
| | - Mức tiêu thụ điện năng cao nhất (W/m2) | ≤660 | | |
| | - Mức tiêu thụ điện năng trung bình (W/m2) | ≤220 | | |
| | Yêu cầu cung cấp điện (V) | DC:4.5 | | |
| | Chế độ điều khiển | Dòng điện không đổi, điều khiển quét 1/16 | | |
| | - Tốc độ khung hình (Hz) | 50&60 | | |
| | - Tần số quét màn hình (Hz) | ≥7680 | | |
| | - Tuổi thọ (hrs) | 100,000 | | |
| - Nhiệt độ hoạt động (°C) | -20~40 | | | |
| - Nhiệt độ bảo quản | -20~60 | | | |
| - Độ ẩm hoạt động | 10~80% Không ngưng tụ | | | |
| - Độ ẩm bảo quản | 10~85% Không ngưng tụ | | | |
| Bộ chuyển nguồn | | CZCL A-300AB-5 | Cái | 8 |
| - Công suất tối đa: 300W | | | | |
| - Điện áp/dòng điện đầu ra: 5V/60A | | | | |
| Card thu tín hiệu | | Leyard LYD Series | Cái | 8 |
| - 12 cổng HUB75 | | | | |
| - Mảng dữ liệu song song RGB: 24 | | | | |
| - Khả năng quản lý: 128 x 1024 pixels | | | | |
| Cabinet cố định ngoài trời | | | Cái | 4 |
| - Kích thước: 640x1280 mm | | | | |
| - Chất liệu: Thép sơn tĩnh điện, có cánh cửa, có quạt hút | | | | |

| | | | | |
|---|--|---------------------------------|-------|---|
| 2 | Bộ điều khiển màn hình - Inputs: SDI*1, HDMI*1, DVI*2, AUDIO*1 - Outputs: Gigabit (RJ45)*6, AUDIO*1 - Control port: RS232*1, USB-OUT*1, USB-IN*1 - ĐPG Max: 3.9 triệu pixels - Cao Max 4096 pixel Rộng Max 8192 pixel. | Leyard LYD-X6 Series | Chiếc | 1 |
| 3 | Bộ chuyển đổi quang điện màn LED - Bước sóng: 1310nm/1550nm | Ho-Link | Bộ | 1 |
| 4 | Vật tư hệ thống điện- Tín hiệu Phụ kiện lắp đặt cho màn hình LED: - Dây điện nguồn nội bộ - Cáp tín hiệu nội bộ Cat5e - Dây cáp quang, dây nhảy quang - Aptomat - Vật tư phụ lắp đặt + phích nguồn, ổ điện - Cáp cài, đầu bấm | | Gói | 1 |
| | Khung giá đỡ màn hình led cao cấp gia công trong nước Sắt hộp mạ kẽm (Thiết kế theo bản vẽ trình chủ đầu tư) | | | |
| | Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, thi công, cấu hình, bàn giao hướng dẫn sử dụng | | | |

II. Yêu cầu đối với hàng hóa cung cấp:

- Hàng hóa cung cấp đúng mô tả/ thông số kỹ thuật, mã hiệu và đầy đủ số lượng.
- Thời gian giao hàng và hoàn thành dịch vụ lắp đặt: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
- Hàng hóa có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng (có CO và CQ do nhà sản xuất cấp), được bảo hành 24 tháng theo tiêu chuẩn nhà sản xuất.

III. Yêu cầu về năng lực kinh nghiệm của nhà thầu

- Nhà thầu có ít nhất 01 nhân sự tham gia dịch vụ lắp đặt có chứng chỉ đào tạo về kỹ thuật do LEYARD chứng nhận và có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm trong việc thi công lắp đặt và cấu hình màn hình LED
- Nhà thầu phải có ít nhất 01 Kỹ thuật viên có bằng cấp chuyên môn về điện (từ trung cấp trở lên)
- Từ năm 2020 tới nay, nhà thầu có ít nhất 01 hợp đồng với phạm vi cung cấp tương tự và giá trị ≥ 144 triệu chưa bao gồm VAT.

IV. Yêu Cầu An Toàn Sức Khỏe Môi Trường

Nhà thầu có trách nhiệm đọc hiểu và tuân thủ toàn bộ yêu cầu trong tài liệu “HSE-3000-MP-0044 - Yêu cầu về An toàn – Sức khỏe – Môi trường và An ninh đối với nhà thầu của NCSP”. Ngoài các yêu cầu chung, nhà thầu cần đọc kỹ hơn các mục:

3.1 Vai trò và trách nhiệm của Nhà thầu

4. Yêu cầu chung

5.1 Làm việc trên cao

6.1 Yêu cầu của thiết bị điện

6.4 Sử dụng thang và giàn giáo

6.6 Yêu cầu an toàn với hóa chất, vật tư độc hại

Các mục còn lại vẫn sẽ được áp dụng nếu có việc thi công của nhà thầu có liên quan đến.

Tất cả nhân sự tham gia làm việc phải có:



- Thẻ An toàn được cấp cho đối tượng tham dự khóa huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 phù hợp với công việc thực hiện tại NCSP theo Nghị định 44/2016/NĐ-CP và Nghị định 140/2018/NĐ-CP.

Một số lưu ý trong quá trình thi công:

- Không sử dụng lưới đá sử dụng cho máy cắt cầm tay;
- Mài nhẵn, bo tròn các góc cạnh bề mặt sắc bén của tất cả các kết cấu thép, khung bao hoặc bọc viền để đảm bảo an toàn tránh trầy xước, thương tật cho người sử dụng

***Lưu ý:** Khi được NCSP chấp nhận trúng thầu thì Nhà thầu phải gửi danh sách nhân sự (Phụ lục-1) và Danh sách máy móc thiết bị (Phụ lục -2) cho NCSP sớm nhất có thể để chúng tôi hỗ trợ huấn luyện an toàn và kiểm tra máy móc thiết bị.





Nam Con Son Pipeline

Sustain the Standards

SITE INSTRUCTION - NCSP TERMINAL AND PIPELINES, VIETNAM

OMS Element 2.5 Working with Contractors

ISO 14001:2015 and ISO 45001:2018 Clause 8.1: Operation Planning and Control

YÊU CẦU VỀ AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG VÀ AN NINH ĐỐI VỚI NHÀ THẦU CỦA NCSP

| HỒ SƠ SỐ | HIỆU LỰC | NGƯỜI PHỤ TRÁCH | PHÊ DUYỆT |
|------------------|----------|-----------------|------------------------|
| HSE-3000-MP-0044 | 2 năm | Trưởng nhóm PSM | Phó Giám đốc phụ trách |

| | | | | | | |
|------|----------|--|-------------------|-------------------------------|-----------------|-------------|
| 8 | 12/2024 | Cập nhật theo thay đổi của pháp luật & đặc thù công việc | Trực tiếp & Email | Lưu Văn Sơn | Trần Quang Khải | Lê Minh Sơn |
| 7 | 12/2022 | PSCM góp ý & thay đổi của pháp luật | Trực tiếp & Email | Lưu Văn Sơn | Trần Quang Khải | Hoàng Minh |
| 6 | 12/2021 | Theo kết luận thanh tra & thay đổi của pháp luật | Trực tiếp & Email | Lưu Văn Sơn Dương Đình Nam | Trần Quang Khải | Hoàng Minh |
| 5 | 03/2019 | Cập nhật phụ lục 4A, 4B và pháp luật | Trực tiếp & Email | Lưu Văn Sơn | Trần Quang Khải | Hoàng Minh |
| 4 | 04/2018 | Cập nhật theo NĐ44/2016/NĐ-CP | Trực tiếp & Email | Lưu Văn Sơn | Vũ Ngọc Kiên | Hoàng Minh |
| 3.1 | 03/2018 | Cập nhật | Trực tiếp & Email | Lưu Văn Sơn | Vũ Ngọc Kiên | Hoàng Minh |
| 3 | 10/2016 | Cập nhật | Trực tiếp & Email | Lưu Văn Sơn | Vũ Ngọc Kiên | Hoàng Minh |
| 2.1 | 26/08/15 | Cập nhật | Trực tiếp & Email | Lưu Văn Sơn | Vũ Ngọc Kiên | Hoàng Minh |
| 2 | 09/06/15 | Kết hợp bản dịch tiếng Anh | Trực tiếp & Email | Lưu Văn Sơn | Vũ Ngọc Kiên | Hoàng Minh |
| Rev. | NGÀY | CHI TIẾT | PHỔ BIẾN | BIÊN SOẠN | XEM XÉT | PHÊ DUYỆT |



MỤC LỤC

| | | |
|-------|---|------------------------------|
| 1. | ĐỊNH NGHĨA..... | ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED. |
| 2. | MỤC ĐÍCH YÊU CẦU..... | ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED. |
| 3. | VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM | ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED. |
| 3.1 | VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ THẦU | ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED. |
| 3.2 | VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN NCSP | ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED. |
| 4. | YÊU CẦU CHUNG | ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED. |
| 4.1 | YÊU CẦU VỀ AN TOÀN..... | ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED. |
| 4.2 | YÊU CẦU VỀ SỨC KHỎE | ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED. |
| 4.3 | YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG | ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED. |
| 4.4 | YÊU CẦU VỀ PHÒNG CHỐNG CHÁY, NỔ..... | ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED. |
| 4.5 | YÊU CẦU VỀ AN NINH | ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED. |
| 5. | NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HỆ THỐNG GIẤY PHÉP LÀM VIỆC..... | ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED. |
| 5.1 | LÀM VIỆC TRÊN CAO..... | ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED. |
| 5.2 | LÀM VIỆC TRONG KHÔNG GIAN HẠN CHẾ | ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED. |
| 5.3 | CÔNG VIỆC SINH RA NGỌN LỬA TRẦN | ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED. |
| 5.4 | CÔNG VIỆC ĐÀO BƠI | ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED. |
| 6. | YÊU CẦU VỀ VẬT TƯ, THIẾT BỊ..... | ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED. |
| 6.1 | YÊU CẦU CỦA THIẾT BỊ ĐIỆN | 31 |
| 6.1.1 | CÁC YÊU CẦU CHUNG | 31 |
| 6.1.2 | CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI THIẾT BỊ ĐIỆN CẦM TAY SỬ DỤNG NGUỒN PIN HOẶC ẮC QUY | 31 |
| 6.1.3 | CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI THIẾT BỊ SỬ DỤNG NGUỒN ĐIỆN CỦA NCSP | 31 |
| 6.2 | MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC | ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED. |
| 6.2.1 | YÊU CẦU VỀ MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ | ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED. |
| 6.3 | NHỮNG YÊU CẦU ĐỐI VỚI THIẾT BỊ VÀ MÁY MÓC NÂNG, HẠ TẢI | ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED. |
| 6.4 | SỬ DỤNG GIÀN GIÁO CÔNG NGHIỆP VÀ THANG..... | ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED. |
| 6.5 | PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG CƠ GIỚI..... | ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED. |
| 6.6 | YÊU CẦU AN TOÀN VỚI HÓA CHẤT, VẬT TƯ ĐỘC HẠI | ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED. |
| 7. | CÁC QUI TRÌNH BỔ TRỢ & PHỤ LỤC ĐI KÈM | |

1. ĐỊNH NGHĨA

NCSP: Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn

HSSE: An toàn – Sức khỏe – Môi trường & An ninh.

Công trường NCSP: Nhà máy xử lý khí; trạm van Long Hải & Phú Mỹ; văn phòng NCSP ở tòa nhà PVGAS, Hồ Chí Minh; hành lang an toàn đường ống khí biển và bờ.

Người đại diện của NCSP/Người bảo lãnh: Là nhân sự của NCSP được chỉ định làm việc với nhà thầu trong mỗi hợp đồng dịch vụ; Là người dùng cuối hay một người nào khác được coi là đầu mối liên hệ giữa NCSP và nhà thầu.

Người sử dụng Nhà thầu: Là nhân viên NCSP được phân công làm việc với Nhà thầu thực hiện từng hợp đồng cụ thể tại Công trường của NCSP.

Khách: Là người đến NCSP để họp, học hay khảo sát, không giới hạn những người tới làm những việc không cần xin cấp phép như khảo sát lấy thông tin cho việc thiết kế, ước tính chi phí hay chuẩn bị hồ sơ thầu, người đại diện của NCSP phải đi cùng với khách trong suốt thời gian này. Khách đến thăm quan các cơ sở của NCSP phải báo cho người quản lý trực tiếp; Trường hợp thăm quan khu vực sản xuất, các trạm van phải được sự đồng ý của Giám sát vận hành

Nhân viên nhà thầu: Là người đến các công trường của NCSP để làm việc theo hợp đồng dịch vụ đã được ký kết.

Bên thứ ba: Người thực hiện nhiệm vụ của mình cho chủ sở hữu khác bên trong công trường của NCSP như EVN, KĐN, KVT, ĐNB, v.v.

Nhà thầu dài hạn: Là nhà thầu được thuê thông qua hợp đồng từ 12 tháng trở lên để làm việc tại các cơ sở của NCSP hoặc công trường của NCSP.

Nhà thầu ngắn hạn: Là nhà thầu được thuê thông qua hợp đồng dưới 12 tháng để làm việc tại các cơ sở của NCSP hoặc công trường của NCSP

Các quy định của NCSP: Bao gồm các yêu cầu trong tài liệu này, và không giới hạn trong các thủ tục khác có liên quan của NCSP.

2. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

- NCSP thiết lập bộ các quy định và yêu cầu về An toàn – Sức khỏe – Môi trường và An ninh (AT-SK-MT&AN) đối với Nhà thầu hướng tới mục tiêu “Không tai nạn – Không gây hại cho con người – Không làm tổn hại môi trường” khi làm việc trên Công trường của NCSP.

- Tài liệu này mô tả cụ thể các yêu cầu cơ bản về kiến thức, kỹ năng và bằng cấp của nhân lực để có thể thực hiện các yêu cầu kỹ thuật, vận hành máy móc thiết bị để hoàn thành các hạng mục hợp đồng như đã ký kết với NCSP và nhằm các mục đích sau:
- Giúp Nhà thầu hiểu rõ các yêu cầu cơ bản về nhân lực, thiết bị của Nhà thầu nhằm tuân thủ các tiêu chuẩn, yêu cầu của NCSP trước khi tham gia chào thầu cũng như việc thực hiện hợp đồng sau này.
- Giúp các bộ phận chức năng của NCSP thiết lập các yêu cầu về An toàn – Sức khỏe – Môi trường và An ninh trong các hồ sơ mời thầu đồng thời làm cơ sở để đánh giá năng lực của Nhà thầu bao gồm việc tuân thủ pháp luật, quy định an toàn của NCSP, đảm bảo an toàn và hiệu quả, chất lượng công việc.
- Giúp bộ phận phụ trách giám sát công việc của NCSP phối hợp với Nhà thầu đạt hiệu quả cao trong việc phối hợp với Nhà thầu cả về chất lượng và tiến độ thông qua việc lập kế hoạch chi tiết, chuẩn bị nhân lực, máy móc, vật tư, thiết bị tốt hơn.
- Giúp Nhà thầu xác định đúng yêu cầu công việc tránh lãng phí thời gian và phối hợp quản lý an toàn thi công đạt hiệu quả cao hơn cho cả Nhà thầu và NCSP.

3. VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM

3.1 Vai trò và trách nhiệm của Nhà thầu

- Nhà thầu cử Cán bộ kỹ thuật/Giám sát hoặc Người thực hiện công việc đến NCSP khảo sát kỹ phạm vi công việc và yêu cầu an toàn kỹ thuật để làm hồ sơ chào thầu và xây dựng biện pháp thi công (nếu trúng thầu).
- Đọc và hiểu rõ những qui định và yêu cầu trong bộ tài liệu này (đính kèm trong HSMT) trước khi làm hồ sơ tham gia đấu thầu.
- Tuân thủ các điều khoản trong hợp đồng, lập phương án thi công chi tiết gửi cho NCSP xem xét, chỉnh sửa và phê duyệt, chuẩn bị giấy phép làm việc (GPLV) và các giấy tờ liên quan, đánh giá rủi ro (ĐGRR) cho công việc.
- Phổ biến cho tất cả Nhân viên/Giám sát/Công nhân phạm vi công việc, yêu cầu về AT-SK-MT & AN trước khi vào NCSP và thường xuyên nhắc nhở trong khi thực hiện công việc.
- Phối hợp chặt chẽ với người đại diện NCSP trong việc cung cấp nhân sự, vật tư, máy móc thiết bị, quản lý an toàn, giám sát chất lượng và tiến độ thực hiện công việc đảm bảo tất cả các yêu cầu được tuân thủ như hợp đồng đã ký.
- Chịu hoàn toàn trách nhiệm về con người, môi trường, vật tư, thiết bị, tài sản bị hư hỏng do nhân sự của Nhà thầu không tuân thủ các nội quy và yêu cầu của Bộ luật Lao động (Bộ luật số: 45/2019/QH14) và Luật An toàn lao động (Luật số: 84/2015/QH13) và các quy định trong quy trình này.
- Cung cấp đúng nhân sự chủ chốt (Giám sát viên/Nhân viên kỹ thuật...vv) như đã nêu trong "Hồ sơ dự thầu". Nếu có chênh lệch, nhà thầu phải thông báo cho Phòng PSCM của NCSP trong thời gian sớm nhất để cùng nhau giải quyết.
- Phổ biến cho toàn thể nhân viên các quy định khi vào NCSP (mang CMND/CCCD và tập trung tại nhà nghỉ gần cổng chính, không xả rác, không lái xe quá nhanh...), cung cấp cho họ các yêu cầu HSSE khi thực hiện công việc, xác định các mối nguy

hiểm và biện pháp kiểm soát. Bố trí nhân sự giám sát trực tiếp tại công trường, gửi báo cáo hàng ngày, lập và gửi bản vẽ hoàn công sau khi hoàn thiện công trình, bàn giao đưa vào sử dụng.

- Nhà thầu tự cung cấp điện, nước cho công trường ở những nơi vượt quá khả năng hỗ trợ của NCSP. Cung cấp các trang bị bảo hộ lao động cho người lao động phù hợp với công việc và yêu cầu trong giấy phép lao động bao gồm dây chống rơi, dây cứu hộ, rào chắn và biển cảnh báo để đảm bảo an toàn thi công.

Lưu ý: Công việc thực hiện trên Hành Lang Tuyến Ống (HLTO) cần tuân thủ qui trình phối hợp kiểm soát công việc (HSE-3000-MP-0055) giữa NCSP & PVGas-SE (Công ty vận chuyển Khí Đông Nam Bộ) đặc biệt là qui định về tổng tải trọng tối đa cho phép đối với các phương tiện lưu thông trên HLTO và các qui định về đào xới.

3.2 Vai trò và trách nhiệm của Người đại diện NCSP

- Cùng khảo sát hiện trường với Nhà thầu và cung cấp các hồ sơ, bản vẽ liên quan, là cầu nối giữa Nhà thầu và các Bộ phận liên quan của NCSP.
- Giới thiệu và hướng dẫn Nhà thầu trong việc hiểu rõ và đầy đủ các qui định và yêu cầu trong tài liệu này trước khi tiến hành công việc tại Công trường của NCSP.
- Hỗ trợ Nhà thầu trong việc hướng dẫn an toàn, kiểm tra máy móc thiết bị, xin giấy phép làm việc và phối hợp giám sát tại công trường.
- Hỗ trợ và hướng dẫn Nhà thầu khi có vấn đề phát sinh về phạm vi công việc theo đúng các qui trình và thủ tục về việc bổ sung hợp đồng và thanh toán của NCSP.
- Hỗ trợ giàn giáo cho nhà thầu với những công việc có yêu cầu giàn giáo mà không bao gồm trong điều khoản hợp đồng.
- Hỗ trợ nguồn điện, nguồn nước cho các vị trí thi công nằm gần nguồn điện, nguồn nước hiện có của NCSP. Đối với các công việc ở xa, nhà thầu phải tự cung cấp.

4. YÊU CẦU CHUNG

4.1 Yêu cầu về an toàn

- Nhà thầu phải đảm bảo: Tất cả nhân viên được Nhà thầu phân công đến làm việc tại các cơ sở của NCSP phải có hợp đồng lao động phù hợp với công việc (Bộ luật lao động số 45/2019/QH14) và được đóng đầy đủ các loại bảo hiểm bắt buộc theo luật định. Nhân viên nhà thầu phải tuân thủ tất cả các qui định về an toàn nêu trong Luật ATVSLĐ (Luật số : 84/2015/QH13).
- Nhân viên của Nhà thầu phải được đào tạo về An toàn lao động, phù hợp với công việc liên quan theo yêu cầu (Nhóm 3) và phù hợp với đặc thù công việc mà Nhà thầu thực hiện tại NCSP (Nghị định 44/2016/ND-CP và Nghị định 140/2018 /ND-CP). Nhà thầu phải cung cấp giấy chứng nhận ATVSLĐ nhóm 3 hoặc xác nhận đã tham gia khóa đào tạo trước khi làm việc tại NCSP.

Lưu ý: Quy định này không áp dụng đối với Người nước ngoài, người làm việc gián tiếp hoặc đào tạo giảng dạy.

- Nhà thầu lập danh sách nhân sự và điền đầy đủ các mục yêu cầu tại Phụ lục 1, kèm theo chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận an toàn lao động phù hợp với công việc Nhà thầu sẽ thực hiện tại NCSP theo hướng dẫn chi tiết tại **Phụ lục 3** trước khi đăng ký học an toàn
- Lập danh mục máy móc, thiết bị theo **Phụ lục 2**, điền đầy đủ các hạng mục, thông số kỹ thuật. Nhà thầu cần kiểm tra tất cả các thiết bị an toàn, vệ sinh và chạy thử trước khi mang đến NCSP kiểm tra và dán tem đảm bảo phù hợp với yêu cầu công việc.
- Lập danh sách vật tư hàng hóa sử dụng cho công việc theo yêu cầu trong hợp đồng với đầy đủ hóa đơn mua vật tư, chứng chỉ nguồn gốc xuất xứ và chứng chỉ chất lượng (CO/CQ), phiếu bảo hành...v.v

Ghi chú: Đối với công việc có rủi ro cao (sử dụng dụng cụ/ thiết bị áp lực cao, lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo, làm việc trong không gian hạn chế, làm việc ở độ cao trên 50m ...v.v) thì Nhân viên nhà thầu cần được huấn luyện chuyên sâu về sự an toàn của công việc đó.

- Tất cả nhân viên Nhà thầu phải được trang bị và sử dụng các trang thiết bị bảo hộ lao động (BHLĐ) tối thiểu theo TCVN hoặc các tiêu chuẩn Quốc tế dùng cho ngành dầu khí để thực hiện công việc tại các công trình của NCSP
 - + Quần áo bảo hộ: TCVN 2607-1978
 - + Giày/ Ủng bảo hộ: TCVN 7653-2007
 - + Nón bảo hộ: TCVN 6407-1998 (ISO 3873 : 1997)
 - + Kính bảo hộ: TCVN 5082-1990 (ISO 4849 : 1981)
- Ngoài ra tùy đặc thù của từng công việc có rủi ro cao cụ thể mà phải được trang bị thêm các trang thiết bị BHLĐ tương ứng theo qui định của NCSP (Xem chi tiết các qui định đối với từng công việc cụ thể bên dưới hoặc trong bản đánh giá rủi ro của từng công việc)
- Công việc chỉ được tiến hành khi có giấy phép làm việc được cấp bởi NCSP và chỉ thực hiện nội dung công việc đã được duyệt trong giấy phép.
- Trong thời gian nghỉ giải lao, tất cả công nhân được yêu cầu rời khỏi khu vực làm việc để đến chòi nghỉ ngơi riêng bên ngoài khu vực sản xuất.
- Trong quá trình thi công nếu phát sinh vấn đề khác như thời tiết xấu (mưa, giông, sấm sét...) hoặc công việc không có trong hồ sơ biện pháp thi công được phê duyệt. Người giám sát của Nhà thầu phải dừng ngay công việc, thông báo cho Người quản lý khu vực (AA) và Người đại diện của NCSP.
- Khi tạm ngừng hoặc kết thúc ca làm việc phải:
 - ✓ Kiểm tra và tắt toàn bộ máy móc, thiết bị.

- ✓ Dụng cụ và vật tư sắp xếp gọn gàng, đúng nơi qui định.
- ✓ Luôn giữ gìn thông thoáng lối đi, cầu thang, cửa thoát hiểm.

4.2 Yêu cầu về sức khỏe

- Nhà thầu chịu trách nhiệm về sức khỏe của tất cả nhân viên của mình trước khi cử họ đến địa điểm của NCSP để thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật và phải xuất trình cho NCSP hoặc Cơ quan chức năng khi được yêu cầu (*tham khảo Thông tư 32/2023/TT-BYT Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh*)
- Đối với những người làm nghề, công việc được liệt kê trong Thông tư 11/2020/TT-BLĐTBXH_Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và Thông tư 19/2023/TT-BLD(TBXH_Bổ sung danh mục nghề, công việc cho Thông tư 11/2020/TT-BLĐTBXH (VD: *Làm việc ở độ cao trên 50m, làm việc trong không gian hạn chế, bồng, bể chứa khí, hóa chất, chất lỏng có khả năng gây cháy, nổ nhưng chưa được vệ sinh sạch sẽ...v.v*), nhà thầu phải nộp giấy khám sức khỏe hợp lệ. (trong vòng 12 tháng) và kết quả phân loại ở cấp độ (1-2-3), hạng mục sức khỏe 4 & 5 không phù hợp với những công việc này (tham khảo Quyết định 1613/BYT-QĐ Tiêu chuẩn phân loại sức khỏe để khám bệnh và khám định kỳ). Bác sĩ phòng y tế của NCSP sẽ kiểm tra/đánh giá lại trước khi thực hiện công việc.

Lưu ý: Chính sách kiểm soát chất có côn và chất gây nghiện!

- NCSP nghiêm cấm việc tàng trữ, sử dụng, bán hoặc phân phối các chất có côn, thuốc kích thích, chất gây nghiện tại nơi làm việc
- Không có nồng độ côn (không có mùi rượu, bia) áp dụng cho tất cả nhân viên làm việc tại Công trường NCSP.

4.3 Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Tất cả mọi người đều phải có trách nhiệm giữ gìn nơi làm việc và những vùng phụ cận sạch sẽ, ngăn nắp, vệ sinh nơi làm việc vào cuối ngày. Trường hợp không rõ cách phân loại chất thải thì phải hỏi Giám sát của NCSP.
- Nhà thầu phải phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải phát sinh từ hoạt động của mình về kho lưu trữ chất thải của NCSP, nếu trách nhiệm được xác định trong hợp đồng, nhà thầu phải đảm bảo chất thải do công việc của mình phát sinh được thu gom, vận chuyển ra ngoài địa điểm của NCSP và xử lý đúng quy định. tuân thủ luật pháp và nhận được sự chấp thuận của Phòng an toàn của NCSP trước khi công việc xử lý bắt đầu.

4.4 Yêu cầu về phòng chống cháy, nổ

Nhà thầu phải cung cấp chứng chỉ PCCC do cơ quan Cảnh sát PCCC cấp quận/huyện trở lên cấp (*Tham khảo Nghị định 136/2020/NĐ-CP_điều 33, khoản (d)*) cho tất cả các nhân sự vào NCSP làm việc trong các trường hợp sau:

- Các nhân sự nhà thầu làm việc trong môi trường có nguy hiểm về cháy nổ (*khu xử lý khí và condensate, trạm van Long Hải và Phú Mỹ*) hoặc thường xuyên làm việc tiếp xúc với hàng hóa nguy hiểm về cháy nổ, tham gia trực tiếp công việc liên quan đến tháo/mở hệ thống chứa khí, chất lỏng có khả năng cháy nổ, lắp đặt giàn giáo hoặc nạo vét bùn trong bồn chứa (*hydrocarbon, methanol & condensate, diesel oil...v.v*)
- Các nhân sự nhà thầu làm công việc đơn giản trong môi trường có nguy hiểm về cháy nổ với khoảng thời gian nhiều hơn **5 ngày**.
- Các nhân sự nhà thầu làm công việc tại bất kỳ nơi nào của NCSP mà công việc sinh lửa trần như hàn điện, cắt, mài hoặc sử dụng máy gia nhiệt lớn hơn 200°C...v.v.

Chi chú: Trong mọi trường hợp nhân sự nhà thầu cần tuân thủ đầy đủ các qui định về an toàn PCCC và CNCH, các yêu cầu của bộ phận cấp phép và các biện pháp kiểm soát an toàn PCCN trong ĐGRR thực hiện công việc.

Ngoại trừ: Tham khảo công văn 187/C66-P3 Hướng dẫn thực hiện qui định pháp luật trong lĩnh vực PCCC (ban hành ngày 11 tháng 12 năm 2016).

- Người thực hiện các công việc nguy hiểm không sinh lửa, sinh nhiệt, không tiếp xúc với môi chất nguy hiểm cháy nổ.
- Người thực hiện công việc đơn giản như cắt cỏ, tưới cây, giao hàng, vệ sinh lao động, thợ xây, lắp đặt giàn giáo, đo đạc quan trắc môi trường, đo kiểm tra môi trường lao động và không tiếp xúc với các môi chất nguy hiểm về cháy nổ.
- Các chuyên gia nước ngoài, cán bộ quản lý cơ quan chức năng, khách đến thăm quan và các đối tượng khác đến làm việc, liên hệ công tác.
- Các chuyên gia nước ngoài tham gia làm việc trong bảo dưỡng lớn (TAR), các chuyên gia làm việc theo yêu cầu của dự án/ hợp đồng ký kết với NCSP.
- Công việc trên Hành Lang Tuyến Ống (HALT) không có lửa trần hoặc phát nhiệt không quá 200°C hoặc không mở thiết bị, đường ống có chứa chất cháy.

4.5 Yêu cầu về an ninh

- Giám đốc Nhà thầu phải chịu trách nhiệm và bảo đảm rằng các nhân viên được gửi đến công trường của NCSP phải có nhân thân tốt đặc biệt là đối với các nhân viên thường xuyên làm việc trong Khu sản xuất.

- Tất cả nhân viên nhà thầu phải luôn tuân thủ qui trình kiểm soát an ninh ra/vào nhà máy và các trạm van.
- Nhà thầu phải báo cáo ngay cho Đại diện NCSP hoặc Người dùng cuối trong trường hợp thẻ an toàn bị hư hỏng hoặc thất lạc.
- Nhân viên nhà thầu phải luôn đeo thẻ HSE khi vào địa điểm NCSP và phải trả lại cho nhân viên bảo vệ ở cổng chính khi rời khỏi NCSP.
- Đối với nhà thầu làm việc trên hành lang tuyến ống, thẻ an toàn được trả lại cho bảo vệ cổng chính thông qua người giám sát công việc (PA)
- Thời hạn của Thẻ an toàn là 1 tháng đối với nhà thầu ngắn hạn và 12 tháng đối với nhà thầu dài hạn. Trong khi chờ đợi làm Thẻ an toàn, Thẻ tạm sẽ được cấp và có giá trị trong 1 ngày làm việc.
- Tất cả các loại vật tư, thiết bị, dụng cụ phải được khai báo tại cổng chính Nhà máy và phải có Giấy phép vật tư ra/vào cổng và bản kê khai hàng hóa đi kèm.

5. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HỆ THỐNG GIẤY PHÉP LÀM VIỆC

Tất cả các công việc thực hiện trong Công trường của NCSP đều phải được kiểm soát thông qua hệ thống kiểm soát công việc (Work Control System OPS-3000-MP-1014). Nhà thầu phải tuyệt đối tuân thủ hệ thống quản lý này

Việc cấp phép làm việc được thực hiện thông qua qui trình cấp giấy phép làm việc (Permit to Work), Giấy phép làm việc phải được chuẩn bị và được xem xét trước khi công việc tiến hành 1 ngày

Nhằm cung cấp cho Nhà thầu hiểu biết các yêu cầu cơ bản về hệ thống quản lý an toàn công việc nêu trên, sau đây là một số nội dung cơ bản. Nhà thầu có trách nhiệm đọc kỹ và hiểu các nội dung cơ bản này. Việc hiểu những nội dung cơ bản này không có nghĩa là Nhà thầu đã hiểu toàn bộ các quy định về quản lý an toàn của NCSP:

5.1 Làm việc trên cao

Tất cả các công việc liên quan đến làm việc ở độ cao trên 2 mét so với mặt đất/sàn làm việc mà không có thiết kế bảo vệ tiêu chuẩn được xác định là làm việc trên cao và chỉ được phép thực hiện khi

- Sử dụng giàn giáo, sàn thao tác hoặc thang theo đúng yêu cầu an toàn, kỹ thuật được mô tả ở mục (6.4)
- Sử dụng thiết bị chống rơi bao gồm:
 - ✓ Móc treo tại vị trí thuận tiện, tốt nhất là cao hơn đầu người
 - ✓ Dây đeo toàn thân có khóa then kẹp tự động, dụng cụ giảm sóc.
 - ✓ Thiết bị chống rơi phải đảm bảo không để rơi tự do quá 2 mét.
- Đối với công việc làm ở độ cao trên 50m
 - ✓ Nhà thầu phải cung cấp giấy khám sức khỏe của nhân viên cho phòng y tế NCSP ít nhất 3 ngày trước khi tiến hành công việc (*xem chi tiết tại mục 4.2*)

- ✓ Phòng y tế NCSP sẽ tiến hành kiểm tra thực tế một số hạng mục theo yêu cầu về sức khỏe đối với công việc đặc biệt này.

5.2 Làm việc trong không gian hạn chế

- Tuân thủ các yêu cầu trong Thông tư 29/2018/TT-BLĐTBXH (QCVN 34:2018) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động khi làm việc trong không gian hạn chế.
- Công việc trong không gian hạn chế phải được tiến hành đánh giá rủi ro với sự hỗ trợ và phê duyệt của NCSP.
- Người làm việc trong không gian hạn chế phải
 - ✓ Thẻ An toàn lao động cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Làm việc trong không gian hạn chế
 - ✓ Phải có giấy khám sức khỏe phù hợp và được kiểm tra xác nhận của phòng y tế NCSP.
 - ✓ Phải được đào tạo về sử dụng thiết bị thở cá nhân (SCBA) và bộ khí thở có dây nối dài (BA airline) nếu công việc yêu cầu.
 - ✓ BA airline nên được sử dụng để vào không gian hạn chế cho những người làm việc trong thời gian dài hoặc những nơi chật hẹp.

5.3 Công việc sinh ra ngọn lửa trần

- Không sử dụng bình khí acetylene (gió đá) trong công tác hàn, cắt. Chỉ được phép sử dụng bình khí Propane hoặc khí hóa lỏng (LPG).
- Tại một thời điểm, chỉ cho phép một công việc sinh ra ngọn lửa trần, ngoại trừ trường hợp công việc phát sinh tia lửa trần được tiến hành trong buồng có áp suất dương (habitat).
- Thường xuyên có người giám sát tại nơi làm việc.
- Trang bị đầy đủ PTBVVN cho công việc hàn, cắt (mặt nạ hàn, kính hàn, găng tay chịu nhiệt...vv).
- Công việc sinh ra ngọn lửa trần phải được tiến hành hợp đánh giá rủi ro với sự hỗ trợ và phê duyệt của NCSP.

5.4 Công việc đào bới.

- Tuân thủ nghiêm ngặt hệ thống kiểm soát công việc của NCSP (OPS-3000-MP-1014) tại Phụ lục C: Quy trình và Hướng dẫn cho công việc đào bới và phụ lục 1: Danh Sách Kiểm Tra Các Mối Nguy Cho Công Việc Đào Bới phải được hoàn thành và đính kèm trong Giấy phép làm việc.
- Công việc đào bới, khoan cắt sâu hơn 0,15m so với mặt đất cần phải có chứng chỉ đào bới "Excavation Certificate" do người có thẩm quyền của NCSP cấp.
- Phải kiểm soát sự dịch chuyển của các lớp đất đá, tránh sụt đất bằng các biện pháp chống đỡ, kè bờ, làm dốc theo qui định.

- Điền đầy đủ phụ lục C của Hệ thống kiểm soát công việc: Liệt kê tất cả các tài liệu yêu cầu, bản vẽ cho công việc đào đất bao gồm các công việc trong RoW, đặc biệt là phụ lục 1: Danh sách kiểm tra nguy cơ khi đào bới, xáo trộn mặt đất.
- QCVN 34:2018/BLĐTBXH phải được xem xét và áp dụng cho các công việc đào bới để kiểm soát an toàn khi khu vực làm việc có khả năng trở thành không gian hạn chế.

6. YÊU CẦU VỀ VẬT TƯ, THIẾT BỊ

6.1 Yêu cầu của thiết bị điện

6.1.1 Các yêu cầu chung

- Tất cả các thiết bị điện phải được kiểm tra và dán tem đạt yêu cầu bởi nhân viên có chuyên môn điện của NCS trước khi sử dụng và tem có hiệu lực trong vòng **7 ngày**. Khi hết hạn, thiết bị phải được kiểm tra lại và dán tem mới
- Người thực hiện sửa chữa bảo trì các thiết bị điện phải được huấn luyện và có chứng chỉ an toàn phù hợp.
- Nhân viên vận hành thiết bị điện cao thế (>1000V) phải có chứng chỉ hợp lệ do đơn vị có chức năng và thẩm quyền cấp.
- Khi tiến hành kiểm tra hoặc bảo dưỡng, vận hành thiết bị điện cao thế phải trang bị thêm các trang thiết bị BHLĐ như: Gậy móc cứu hộ, thảm cách điện, găng tay cách điện, ủng cách điện các trang thiết bị này phải có tem/chứng chỉ kiểm định/ thử nghiệm hợp lệ.
- Đối với máy phát điện phải có thiết bị bảo vệ quá dòng, quá áp
- Đối với các tủ phân phối nguồn điện phải có thiết bị bảo vệ quá dòng, chống dòng rò (CB chống giật)

6.1.2 Các yêu cầu đối với thiết bị điện cầm tay sử dụng nguồn Pin hoặc Ắc quy

- Hộp chứa Pin/Ắc quy phải có nắp che kín và cố định vào các điện cực chắc chắn
- Đối với bình Ắc quy: Tại các điểm nối vào điện cực phải được cố định bằng Bu-lông chắc chắn.
- Dây dẫn nguồn phải đạt cấp điện áp phù hợp và có lớp vỏ cách điện không bị hư hỏng, chấp nối.

6.1.3 Các yêu cầu đối với thiết bị sử dụng nguồn điện của NCSP

a) Ổ cắm và phích cắm

- Khi sử dụng nguồn điện trong các tòa nhà phải dùng phích cắm loại 3 chấu có dây nối đất theo tiêu chuẩn **BS1363** phù hợp nguồn 240V AC, 50hz, 13 A
- Có thể sử dụng loại ổ cắm dạng đa năng universal nhưng phải đảm bảo ổ cắm có cửa sổ (shutter) đóng khi không sử dụng, không lộ phần đồng dẫn điện nhìn thấy được, tất cả ổ cắm đều được cấp từ nguồn điện có CB chống giật 30mA



- Khi sử dụng nguồn điện trong khu sản xuất phải dùng ổ cắm và phích cắm phù hợp tiêu chuẩn IEC/EN 60309-1/-2 (CEE), IEC/EN 60079-0, IEC/EN 60079-1 và IEC/EN 60079-7 đạt yêu cầu chống cháy nổ . Có 2 loại chính:
 - ✓ Sử dụng ổ cắm và phích cắm 3 chấu (2P+E) loại SolConeX 16 A Series SolConeX 8570 cho nguồn 240VAC, 50Hz, 16A (Hình: 1)
 - ✓ Sử dụng ổ cắm và phích cắm 5 chấu (3P+N+E) loại SolConeX, 63 A Series 8579 cho nguồn 415VAC, 50Hz, 63A (Hình: 2)
 - ✓ Trường hợp dùng thêm ổ cắm nối dài sau phích cắm phải đảm bảo ổ cắm nối dài được che chắn chống nước và tuân thủ biện pháp kiểm soát trên giấy phép c/ **Dụng cụ điện cầm tay** : Tuân thủ quy chuẩn quốc gia QCVN 09: 2012/BLĐTBXH



Hình: 1



Hình: 2

b) Dây dẫn nguồn:

- Dây dẫn từ nguồn cấp hiện hữu đến thiết bị cầm tay phải có:
 - ✓ Dòng tải danh định lớn hơn dòng tải của thiết bị



- ✓ Dây có lớp giáp bảo vệ (steel wire amour hoặc wire braided). Trường hợp dây không có lớp bảo vệ trên, phải sử dụng các biện pháp khác để bảo vệ chống va đập cơ khí như: dùng ống bảo vệ (conduit), chạy trong mương cáp tạm, căng dây cảnh báo dọc theo dây.

6.2 Máy móc và thiết bị áp lực

6.2.1 Yêu cầu về máy móc và thiết bị

- Các máy móc và thiết bị áp lực (máy nén khí, thiết bị nước cao áp, thiết bị thủy lực, thiết bị dùng khí nén, chai khí, bình áp lực, ống áp lực vv...) phải được kiểm tra bởi nhân viên chuyên trách của NCSP trước khi đưa vào khu vực thi công.
- Nhân viên Nhà thầu vận hành máy móc và thiết bị áp lực phải được huấn luyện và được cấp chứng chỉ bởi các đơn vị có chức năng theo luật định.
- Các bình áp lực, chai khí phải có kiểm định còn hiệu lực, có lắp van an toàn đã được kiểm định còn hiệu lực. Van an toàn có giá trị cài đặt phù hợp với áp suất làm việc và thiết bị áp lực được bảo vệ.
- Áp kế gắn trên bình áp lực phải có thang đo phù hợp và được kiểm định theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Các ống mềm áp lực phải được kiểm tra bởi đơn vị/ tổ chức có năng lực và còn trong thời hạn.
- Hệ thống khí nén của nhà máy khí Dinh Cố có áp suất là 10barg các thiết bị khí nén của Nhà thầu phải có khả năng hoạt động ở áp suất này hoặc có lắp thiết bị giảm áp thích hợp.
- Các máy móc thiết bị khí nén nên có khớp nối nhanh kiểu Macdonald, khớp nối kiểu 4 vấu (Chân Quạ) có thể sử dụng với điều kiện chúng được khóa lại bằng dây thép hoặc chốt chẻ và khớp nối được bắt chắc chắn vào ống mềm bằng kẹp ống hoặc dùng phương pháp bấm. Không sử dụng kết nối bằng cổ-giê.



Macdonald quick action couplings

Four-Claw Couplings



Worm Gear

- Thiết bị an toàn chống vung (whip check) phải được sử dụng khi kết nối các ống mềm áp lực hoặc kết nối ống mềm vào các thiết bị áp lực khác.
- Các thiết bị sử dụng khí nén phải có cơ cấu dừng khẩn cấp khi có hỏng hóc hoặc sự cố.
- Các ống mềm phải được tiếp địa chống tĩnh điện.
- Các thiết bị bắn cát và phun sơn phải luôn luôn được tiếp địa trong quá trình sử dụng.
- Dây tiếp địa phải là loại dây đồng mềm hoặc cứng nhiều lõi có tiết diện 4mm² bọc nhựa PVC. Dây tiếp địa được bắt chặt vào thiết bị bằng bu lông và có đầu còn lại là kẹp (ví dụ kẹp cá sấu) để bắt vào hệ thống tiếp địa của NCSP
- Các máy móc và thiết bị áp lực sau khi lắp đặt, kết nối xong phải được thử kiểm tra áp lực toàn bộ hệ thống để đảm bảo không rò rỉ và không có hư hỏng trước khi sử dụng.
- Các máy móc và thiết bị áp lực phải được kiểm tra hàng ngày bởi nhân viên Nhà thầu trước khi sử dụng.

6.2.2 Yêu cầu về trang bị bảo hộ lao động

- Bắn cát làm sạch:
 - ✓ Mặt nạ thở: Trường hợp bắn cát trong buồng kín, khi sử dụng thiết bị bắn cát cầm tay không có buồng che kín hoặc khi người bắn cát không tách biệt khỏi vật liệu cát nhờ buồng che kín có hút khí thì phải dùng mặt nạ thở có ống cung cấp khí.
 - ✓ Găng tay là loại vải bạt, da hoặc bằng vật liệu Kevlar
 - ✓ Giáp bảo vệ thân (tạp dề).
 - ✓ Trang bị thêm mặt nạ lọc khí nếu bắn cát khô.
- Khi sử dụng súng phun nước hoặc máy rửa xe phải mặc đồ bảo hộ cá nhân thông thường (áo khoác, mũ bảo hộ, kính an toàn/ kính bảo hộ, ủng/ giày chống trượt), có thể sử dụng thêm áo mưa hoặc tạp dề.
- Phun nước áp lực cao lên đến 4500 psi (310 Barg) để làm sạch rỉ sét, lớp sơn cũ trên bề mặt kim loại súng phun phải có chức năng tự ngắt khi ngừng phun và thay thế kính an toàn thông thường bằng mặt nạ (mica) hoặc tối thiểu phải dùng kính bảo hộ che kín toàn bộ mắt (goggles)



- Phun nước áp lực rất cao (310barg – 1700barg) sử dụng làm sạch bề mặt và siêu cao (trên 1700barg) sử dụng trong công việc cắt thép hoặc bê tông phải trang bị PTBVVN
 - ✓ Giáp bảo vệ thân và chân
 - ✓ Tấm chắn bảo vệ mặt
 - ✓ Găng tay vải bạt, da hoặc kevlar

Lưu ý: *Cấm dùng cát thạch anh trong bắn cát vì ảnh hưởng đến sức khỏe
Phải dùng loại súng bắn có 2 cò đạt chuẩn an toàn (Deadman Trigger)*

6.3 Những yêu cầu đối với thiết bị và máy móc nâng, hạ tải

- Đối với Nhân viên vận hành và hỗ trợ vận hành:
 - ✓ Phải được huấn luyện và có chứng chỉ còn thời hạn cho việc vận hành máy móc và thiết bị nâng hạ tải tương ứng.
 - ✓ Phải có chứng chỉ Nghiệp vụ kỹ thuật an toàn thiết bị nâng, hạ do Trung tâm kiểm định & huấn luyện an toàn lao động cấp.
- Đối với máy móc và thiết bị nâng, hạ
 - ✓ Phải có chứng chỉ kiểm định cần cẩu/ thiết bị nâng hợp lệ, có tem kiểm định được dán trên buồng lái hoặc nơi chỉ định trong biên bản kiểm định.
 - ✓ Tất cả các thiết bị dùng cho công việc nâng hạ (palăng xích, cùm, dây, kẹp...vv) phải có chứng chỉ kiểm định và kiểm tra trực quan.
 - ✓ Phải được kiểm tra trước khi đưa vào sử dụng bởi Nhân viên kỹ thuật của NCSP.

6.4 Sử dụng giàn giáo công nghiệp và thang

6.4.1 Sử dụng giàn giáo công nghiệp

- Tất cả các loại vật tư sử dụng để lắp đặt giàn giáo phải đạt chuẩn của Anh (BS1139) hoặc châu Âu (EN39) hoặc Úc/ Newzeland (AS/NZS1576.3) hoặc TCVN13662 : 2023
- Giám sát/Thanh tra giàn giáo và Công nhân giàn giáo phải được đào tạo theo quy định của Nhà nước (Nghị định số 44/2016/ND-CP) và có chứng chỉ phù hợp còn giá trị; Các chứng chỉ theo tiêu chuẩn BS 5973:1993 hoặc tiêu chuẩn Châu Âu BS EN 12811-1:2003 hoặc AS/NZS 4576:1995 vẫn được chấp nhận nếu được đào tạo tại các cơ sở/trung tâm được nhà nước phê duyệt.
- Tuân thủ các qui định và yêu cầu về an toàn kỹ thuật trong QCVN 18:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng và TCVN13662_2023: Giàn giáo – Yêu cầu an toàn.
- Giàn giáo sau khi lắp đặt phải được kiểm tra đạt chuẩn an toàn kỹ thuật
- Hàng tuần phải kiểm tra định kỳ bởi người giám sát giàn giáo.

- Giàn giáo phải được treo thẻ an toàn và cho phép sử dụng như hình.



6.4.2 Sử dụng thang

- Chỉ được sử dụng thang chữ A, thang bậc (mobile Platform) có tem kiểm định còn hạn.
- Không được dùng thang tre, thang gỗ, thang tự chế, thang đã bị hỏng hoặc sửa chữa sơ sài, chấp vá.

6.5 Phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công cơ giới

6.5.1 Các yêu cầu chung đối với xe và người lái xe.

- Xe phải có đầy đủ giấy đăng ký sử dụng xe, kiểm định và bảo hiểm còn hạn.
- Lái xe phải có bằng lái phù hợp với chủng loại xe và còn hiệu lực.
- Dây đai an toàn (seatbelt) phải được trang bị đầy đủ và được sử dụng cho tất cả mọi người trên xe.
- Tất cả các phương tiện đi vào Công trường của NCSP phải được kiểm tra bởi Bảo vệ.
- Các phương tiện vào khu sản xuất, trạm van Long Hải, trạm phân phối khí Phú Mỹ phải được được gắn chụp ống xả dập lửa và kiểm tra thêm bởi kỹ thuật viên NCSP.
- Lái xe phải tuân thủ các qui định giới hạn tốc độ trong các cơ sở của NCS (Ngoài khu sản xuất tối đa 25Km/giờ; trong khu sản xuất là 15Km/giờ).
- Lái xe không được sử dụng điện thoại di động hoặc các thiết bị liên lạc hai chiều khác trong khi điều khiển xe.
- Luôn tắt động cơ khi rời khỏi xe (để lại chìa khóa trong ổ nếu xe ở trong khu sản xuất).

6.5.2 Yêu cầu đối với xe chuyên chở hành khách

- Không được chở vượt quá số hành khách qui định của nhà sản xuất.
- Phải được bảo dưỡng định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

- Tất cả các bộ phận thiết yếu và cơ cấu an toàn phải được bảo hành và sửa chữa chính hãng bao gồm (hệ thống lái, hệ thống phanh hãm, hệ thống cần bằng, hệ thống điều khiển điện tử)

6.5.3 Yêu cầu đối với xe chuyên chở hàng hóa

- Phải được giữ nguyên thiết kế của nhà sản xuất, không nâng cấp, chỉnh sửa và hoán cải mục đích sử dụng (trừ khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép).
- Hàng hóa trên xe phải được cố định chắc chắn, che chắn tránh ảnh hưởng của thời tiết và phù hợp các yêu cầu của luật giao thông đường bộ và hướng dẫn bảo quản của nhà sản xuất.
- Phải có khung bao bảo vệ phía sau và hai bên sườn xe chống thiệt hại do va chạm và tránh nguy hiểm cho các phương tiện khác cùng tham gia giao thông.
- Không được chở hàng quá khổ, quá tải.
- Phương tiện để vận chuyển nguyên vật liệu và thiết bị phải phù hợp với phương thức bốc dỡ tại Công trường của NCSP (thông thường là xe nâng)

6.5.4 Yêu cầu đối với xe cơ giới thi công

- Người lái xe phải có các chứng chỉ vận hành phù hợp với chủng loại xe được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền của nhà nước.
- Nếu có hoán cải chức năng, mục đích sử dụng thì phải có hồ sơ hoán cải và phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền của nhà nước.
- Phải sử dụng phương tiện đúng theo mục đích thiết kế của nhà sản xuất.

6.5.5 Yêu cầu đối với việc phân loại rác và xe chở rác thải tại NCSP

Rác thông thường

- Các phương tiện tiếp nhận chất thải thông thường phải tuân thủ các yêu cầu nêu tại mục 6.5.1 - Yêu cầu chung đối với phương tiện và người điều khiển.
- Hiện tại NCSP phân loại rác thải sinh hoạt thành 3 loại bao gồm (rác thông thường, rác tái chế và rác thực phẩm) Tất cả các nhân viên nhà thầu đến làm việc trong NCSP phải tuân thủ tuyệt đối qui định này.

Rác nguy hại

- Các phương tiện tiếp nhận chất thải nguy hại có thể ở dạng rắn, lỏng, bùn thải phải được ghi trong giấy phép xử lý của nhà thầu và được kiểm tra bởi Cố vấn an toàn phụ trách về môi trường trước khi chuyển chất thải nguy hại cho nhà thầu đủ năng lực để xử lý.
- Khi phương tiện của nhà thầu xử lý đạt yêu cầu về an toàn kỹ thuật đến khu vực làm việc của NCSP để tiếp nhận chất thải cũng phải tuân thủ các yêu cầu và biện pháp kiểm soát về an toàn, an ninh nêu trong giấy phép làm công việc này do Bộ phận kho lập theo quy định.

6.6 Yêu cầu an toàn với hóa chất, vật tư độc hại

6.6.1 Yêu cầu về an toàn lao động khi làm việc với hóa chất, vật tư độc hại

- Tuân thủ theo các quy trình/hướng dẫn đã ban hành và thực hiện đúng nhiệm vụ của công việc mà bạn được đào tạo (bao gồm sử dụng đúng hóa chất cho đúng nhiệm vụ).
- Trước khi làm việc với hóa chất cần thận trọng và có biện pháp phòng ngừa trong trường hợp khẩn cấp xảy ra.
- Đảm bảo các biện pháp kỹ thuật an toàn được thực hiện và trang bị sẵn sàng các trang bảo hộ cá nhân và trong tình trạng sử dụng tốt.
- Kiểm tra các thùng chứa hóa chất có nhãn mác rõ ràng của nhà sản xuất và trong tình trạng tốt.
- Đọc và tuân thủ các khuyến cáo trên nhãn mác của bao bì và phiếu an toàn hóa chất đi kèm.
- Đảm bảo việc thực hiện vệ sinh công nghiệp tốt trước, trong quá trình và sau khi sử dụng quá chất.

Chú thích:

- Đối với các vật tư nguy hiểm/độc hại (chất phóng xạ, thuốc diệt cỏ/trừ sâu..) tuân thủ theo các yêu cầu của Luật định và Bộ ngành quản lý liên quan.
- Lái xe, nhân viên áp tải hàng nguy hiểm/độc hại phải có chứng chỉ huấn luyện nghiệp vụ vận chuyển hóa chất nguy hiểm tương đương theo quy định tại Nghị định 34/2024/NĐ-CP.

6.6.2 Yêu cầu về vật tư, hóa chất độc hại

- Tất cả hóa chất sử dụng tại công trường của NCSP phải có phiếu an toàn hóa chất (SDS – Safety Data Sheet) tương ứng kèm theo.



- Phiếu an toàn hóa chất (SDS) phải được gửi cho người phụ trách quản lý hóa chất của NCSP đánh giá rủi ro và phê duyệt trước khi mang vào công trường của NCSP.
- Chai, lọ, bình chứa, thùng chứa hóa chất phải có nhãn mác rõ ràng và đầy đủ thông tin theo yêu cầu của Thông tư 32/2017/TT-BCT.
- Hóa chất sử dụng không được nằm trong danh mục hóa chất cấm theo quy định của Nghị định 113/2017/NĐ-CP (Trong trường hợp công việc bắt buộc phải sử dụng

thì phải có hồ sơ, bằng chứng được sự phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền Nhà nước cho phép sử dụng hóa chất cấm).

- Khi làm việc trực tiếp với hóa chất phải tuân thủ tất cả các biện pháp kiểm soát đề cập SDS và bản đánh giá rủi ro của NCSP (nếu có), bao gồm việc sử dụng đầy đủ trang thiết bị bảo hộ cá nhân.

6.6.3 Yêu cầu đối với thiết bị

- Thiết bị sử dụng trực tiếp, tồn chứa hóa chất phải là loại chuyên dụng, tương thích với hóa chất đó, đảm bảo kín và chắc chắn.
- Bồn chứa/thiết bị chứa phải có hình đồ cảnh báo an toàn phù hợp theo Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) và vị trí dán hình đồ cảnh báo dễ quan sát.
- Mỗi thiết bị hay cụm thiết bị trực tiếp liên quan đến công việc hóa chất phải có qui trình, hướng dẫn vận hành tương ứng và có biện pháp ứng phó trong trường hợp khẩn cấp xảy ra (chảy tràn...).
- Thiết bị chứa hóa chất lỏng phải giữ đúng hệ số điền đầy quy định theo đặc tính hóa lý của hóa chất đó.
- Phương tiện vận chuyển hóa chất, vật liệu nguy hiểm trên đường bộ phải có Giấy phép vận chuyển do tổ chức có thẩm quyền cấp theo quy định tại Nghị định 34/2024/NĐ-CP.

6.6.4 Yêu cầu về trang thiết bị bảo hộ lao động

Phải trang bị đầy đủ BHLĐ khi làm việc trực tiếp với hóa chất, vật tư độc hại theo yêu cầu trong bảng đánh giá rủi ro của NCSP (nếu có) và phiếu an toàn hóa chất (SDS).

Theo một số hướng dẫn cụ thể sau: Trang bị bảo vệ cá nhân (PPE) phải thỏa mãn các tiêu chuẩn của quốc gia.

- Bảo vệ mắt: Kính bảo hộ chống bắn dính hóa chất (kính bảo hộ đơn). Khi làm việc với hóa chất nguy hiểm có tính ăn mòn, có nhiệt độ cao ở dạng khí, hơi, khói, dạng bình xịt, bụi và những hóa chất phản ứng hóa học tạo ra môi trường có cường độ ánh sáng cao, bức xạ nhiệt phải sử dụng thiết bị bảo vệ mắt (kính chống hóa chất dạng kính bơi - goggle). Phải sử dụng tấm chắn bảo vệ mặt (face shield) khi làm việc với những hóa chất lỏng nguy hiểm có nhiệt độ cao, có tính ăn mòn, có khả năng phản ứng hóa học mạnh, gây nổ, vung, bắn tóe.
- Bảo vệ thân thể: Sử dụng quần áo bảo hộ có khả năng kháng hóa chất. Trong một số trường hợp làm việc với hóa chất có tính ăn mòn, hóa chất có khả năng gây nổ, văng, bắn, phải trang bị tạp dề chống hóa chất.
- Bảo vệ tay: Tính thích hợp và độ bền của găng tay phụ thuộc vào cách sử dụng, chẳng hạn tần suất và thời gian tiếp xúc, độ bền hóa chất của vật liệu làm găng tay, độ dày, độ dẻo của găng tay. Luôn tham khảo ý kiến các nhà cung cấp găng tay. Nên thay găng tay đã bị nhiễm bẩn. Khi tiếp xúc bằng tay với sản phẩm thì sử dụng găng tay đạt các tiêu chuẩn tương ứng (như Châu Âu: EN374, Mỹ: F739) được làm



từ các vật liệu sau có thể đem lại sự bảo vệ hóa học thích hợp: Cao su nitrile, PVC viton.

- Bảo vệ chân: Giày và ủng an toàn cũng cần phải có khả năng kháng hóa chất.
- Bảo vệ cơ quan hô hấp: Nếu các biện pháp kiểm soát kỹ thuật không duy trì nồng độ trong không khí đến một mức phù hợp để bảo vệ sức khỏe, hãy chọn thiết bị bảo vệ phù hợp với các điều kiện sử dụng cụ thể và đáp ứng các điều luật tương ứng. Kiểm tra với những nhà cung cấp thiết bị bảo vệ hô hấp. Khi dụng cụ thở có lọc khí thích hợp, chọn mặt nạ và bộ lọc phù hợp. Khi dụng cụ thở có lọc khí không thích hợp (ví dụ như nồng độ trong không khí cao, nguy cơ thiếu ôxy, không gian hạn chế) sử dụng thiết bị thở có áp suất.

NCSP CAM KẾT SẼ TẠO ĐIỀU KIỆN TỐT NHẤT CÓ THỂ VÀ HỢP TÁC VỚI NHÀ THẦU TRONG VIỆC THỰC HIỆN TỐT CÁC YÊU CẦU VÀ QUI ĐỊNH NÀY

CÁC QUY TRÌNH BỔ TRỢ

- OPS-3000-MP-1208 NCSP HSSE Induction Process;
- HSSE-3000-MP-0006 NCSP Security Access Control Procedure
- OPS-3000-MP-1014 NCSP Work Control System;
- HSSE-3000-MP-0013 NCSP Gas Cylinder Management;
- OPS-3000-MP-1405 NCSP Abrasive Wheel Guidelines;
- OPS-3000-MP-1117 NCSP Manual Handling and Lifting Operations;
- HSSE-3000-MP-0015 NCSP Scaffolding Procedure;
- OPS-3000-MP-1116 Entry to NCSP Site's for Vehicles & Portable Diesel Powered Equipment;
- OPS-3000-MP-2016 NCSP PPE Policy;
- SCM-3000-MP-0015 NCSP Contractor Performance Management Procedure.



Phụ lục 1 – Danh sách Nhân sự nhà thầu làm việc tại NCSP

| TT | Họ và Tên | Số Căn Cước Công dân/ CMND (1) | Thư cử người (2) | Giấy khám sức khỏe (3) | Thẻ An toàn (4) | Chứng nhận PCCC (5) | Chứng chỉ / bằng cấp nghề nghiệp (6) |
|----|--------------|--------------------------------|------------------|------------------------|-----------------|---------------------|--------------------------------------|
| 1 | Nguyễn Văn A | | | | | | |
| 2 | Trần Văn B | | | | | | |
| 3 | | | | | | | |

Ghi chú:

- (2) Thư cử người tới NCSP làm việc có kí tên và đóng dấu của đại diện Ban giám đốc nhà thầu hoặc một email trực tiếp từ người đại diện BGD nhà thầu;
 - (3) Giấy khám sức khỏe chỉ áp dụng cho các công việc nặng nhọc độc hại nguy hiểm
 - (4) Được huấn luyện ATVSLĐ cho những công việc theo yêu cầu của pháp luật và được xác nhận hoặc cấp thẻ bởi cơ quan huấn luyện được nhà nước cho phép
 - (5) Chứng nhận PCCC áp dụng với người làm việc trong khu công nghệ, trạm van Long Hải, trạm phân phối khí Phú Mỹ và các khu vực có nguy cơ cháy nổ cao
 - (6) Chứng chỉ / bằng cấp nghề nghiệp liên quan theo các ngành nghề pháp luật qui định (Xem chi tiết trong Phụ lục 3)
- * Đối với người lao động nước ngoài chỉ cần bản photo passport hay VISA và không áp dụng các yêu cầu còn lại.



Phụ lục 2 – Danh sách máy móc, thiết bị của nhà thầu sử dụng tại công trường của NCSP

Nhà thầu:.....

Công việc:.....

Ngày..... Tháng.....năm:.....

| TT | Tên thiết bị / dụng cụ | Thông số kỹ thuật | Nhãn hiệu | Số lượng | Chứng nhận liên quan |
|----|------------------------|-------------------|-----------|----------|----------------------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| 3 | | | | | |
| 4 | ... | | | | |
| 5 | | | | | |

Người chuẩn bị
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người kiểm tra
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 3 – Chứng chỉ/ Chứng nhận được yêu cầu đối với Nhà thầu



| TT | Công việc | Chứng chỉ/ Chứng nhận được yêu cầu đối với Nhà thầu |
|----|---|--|
| 1 | Các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ | <ul style="list-style-type: none"> - Thẻ An toàn cho người được huấn luyện ATVSLĐ - Nhóm 3 cho các công việc tương ứng với 32 đầu mục công việc được liệt kê trong Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH (Nghị định số 44/2016/NĐ-CP). Các trường hợp sau cần chú ý: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp 1: Thẻ an toàn ghi tên khóa học phù hợp với công việc, còn hạn và do NSDLĐ/ Tổ chức huấn luyện cấp (khoản 2 Điều 24 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP). - Trường hợp 2: Thẻ an toàn không ghi hoặc ghi không đúng như công việc yêu cầu hoặc ghi chung chung "đã được huấn luyện an toàn nhóm 3" thì yêu cầu họ cung cấp Nội dung huấn luyện thỏa mãn các yêu cầu tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP. - Trường hợp 3: Thẻ an toàn do NSDLĐ tự huấn luyện thì yêu cầu cung cấp thêm: (1) Nội dung huấn luyện; (2) Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ tiêu chuẩn huấn luyện theo Điều 27 Nghị định số 44/2026/NĐ-CP và (3) Các yêu cầu về người huấn luyện của doanh nghiệp theo Điều 26 Nghị định số 44/2026/NĐ-CP. |
| 2 | Nâng hạ | <p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận cho người vận hành cầu và người móc cáp (điểm 3.4.6 QCVN 07:2012/BLĐTBXH); - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Vận hành thiết bị nâng hạ (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP và đầu việc số 1 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH). <p>Thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận kiểm định/ kiểm tra cho các thiết bị và phụ kiện nâng hạ (khoản 1 Điều 16 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP & số thứ tự thiết bị từ 10-20 Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH). |
| 3 | Trong Không gian hạn chế | <ul style="list-style-type: none"> - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Làm việc trong không gian hạn chế (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP và đầu việc số 13 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH). - Giấy khám sức khỏe. - Các chứng nhận, chứng chỉ khác theo yêu cầu của công việc liên quan được thực hiện (nếu có). |



| | | |
|---|---|---|
| 4 | Đào đất sử dụng thiết bị thi công | <p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận cho người vận hành thiết bị thi công theo điểm 2.5.1.2 QCVN 18:2021/BXD; - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Vận hành máy xây dựng (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 4 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH). <p>Thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe trong khai thác sử dụng (Quy định tại văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BGTVT). |
| 5 | Phương tiện vào Khu sản xuất và Trạm van | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy phép lái xe phù hợp. - Đăng kí xe, đăng kiểm xe và bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc. - Đối với vận chuyển hàng hóa nguy hiểm: tuân thủ thêm về giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm, an toàn lao động đối với người và phương tiện (Điều 9&10 Nghị định số 34/2024/NĐ-CP). |
| 6 | Bắn rí | <p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận nghề bắn nước/ cát; chứng nhận vận hành thiết bị thiết bị bắn nước /cát áp lực, chứng nhận vận hành bơm cao áp, ...v.v; - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Công việc bắn rí và làm việc trên cao (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 4, 5 & 6 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH). - Chứng nhận PCCC khi làm việc trong môi trường có nguy cơ cháy nổ (điểm d, khoản 1 Điều 33 Nghị định 136/2020/ND-CP); - Giấy khám sức khỏe định kì hàng năm. <p>Thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận kiểm định/ kiểm tra/ hiệu chuẩn các thiết bị áp lực và phụ kiện đi kèm như máy nén khí, bộ chia khí, ống mềm, van an toàn, áp kế, ... (khoản 1 Điều 16 Nghị định số 44/2016/ND-CP & số thứ tự thiết bị từ 4-7 Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH, điểm 5 QCVN 01:2008/BLĐTBXH & Điều 1 Thông tư 03/2024/TT-BKHCN). |



| | | |
|---|-------------------|--|
| 7 | Sơn | <p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận nghề sơn; chứng nhận vận hành thiết bị thiết bị sơn, máy phun sơn, ...; - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Công việc sơn (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 1-2 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH). - Chứng nhận PCCC khi làm việc trong môi trường có nguy cơ cháy nổ (điểm d, khoản 1 Điều 33 Nghị định 136/2020/ND-CP); - Giấy khám sức khỏe định kì hàng năm. <p>Thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận kiểm định/ kiểm tra/ hiệu chuẩn các thiết bị áp lực và phụ kiện đi kèm như máy nén khí, bộ chia khí, ống mềm, van an toàn, áp kế, ... (khoản 1 Điều 16 Nghị định số 44/2016/ND-CP & số thứ tự thiết bị từ 4-7 Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH, điểm 5 QCVN 01:2008/BLĐTBXH & Điều 1 Thông tư 03/2024/TT-BKHCN). |
| 8 | Cách nhiệt | <p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận nghề cách nhiệt; - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Công việc cách nhiệt (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 11-12 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH). - Chứng nhận PCCC khi làm việc trong môi trường có nguy cơ cháy nổ (điểm d, khoản 1 Điều 33 Nghị định 136/2020/ND-CP). - Giấy khám sức khỏe định kì hàng năm. |
| 9 | Giàn giáo | <p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận lắp dựng cho thợ (cấp 1, 2 &3), Chứng nhận giám sát giàn giáo/ Chứng nhận giàn giáo nâng cao; - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Làm việc trên cao (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 7 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH). - Chứng nhận PCCC khi làm việc trong môi trường có nguy cơ cháy nổ (điểm d, khoản 1 Điều 33 Nghị định 136/2020/ND-CP); - Giấy khám sức khỏe định kì hàng năm. <p>Vật tư giàn giáo và dụng cụ làm việc (Quy trình giàn giáo của NCSP):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật tư giàn giáo theo tiêu chuẩn châu Âu, chuẩn mực Anh quốc; - Dụng cụ cầm tay phải được neo giữ phòng rơi từ trên cao (túi đeo, đai lưng); - Các vật tư lớn, nặng phải sử dụng dây và dụng cụ đưng hợp lý khi cần di chuyển lên xuống. |



| | | |
|----|---|--|
| 10 | Hàn điện hay Hàn khí (LPG) | <p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu Chứng chỉ sơ cấp nghề hàn (điểm 3.4.2.1 QCVN 03:2011/BLĐTBXH, điểm 4.1 QCVN 17:2013/BLĐTBXH); - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Công việc hàn ((khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 15 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH). - Chứng nhận PCCC khi làm việc trong môi trường có nguy cơ cháy nổ (điểm d, khoản 1 Điều 33 Nghị định 136/2020/ND-CP). <p>Thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các vỏ chai Oxy và LPG phải được kiểm định và có nhãn theo quy định pháp luật (khoản 2 Điều 10 QCVN 04:2013/BCT chai vỏ thép, điểm 11.4.2 QCVN 16:2022/BCT chai vỏ composite). - Chứng nhận kiểm định/ kiểm tra của các thiết bị đo như đồng hồ, van giảm áp, van một chiều của thiết bị hàn (điểm 5 QCVN 01:2008/BLĐTBXH & Điều 1 Thông tư 03/2024/TT-BKHCHN). |
| 11 | Kiểm tra không phá hủy sử dụng nguồn phóng xạ (RT) | <p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận Kiểm tra không phá hủy bậc 2 về chụp ảnh phóng xạ; - Chứng nhận Nhân viên bức xạ theo Điều 28/ Luật Năng lượng nguyên tử; - Chứng nhận An toàn bức xạ cho nhân viên bức xạ theo điểm 1a, Điều 5 Nghị định 142/2020/ND-CP; - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Công việc bức xạ (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 9 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH); - Chứng nhận PCCC khi làm việc trong môi trường có nguy cơ cháy nổ (điểm d, khoản 1 Điều 33 Nghị định 136/2020/ND-CP). <p>Thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận kiểm định/ kiểm tra/ hiệu chuẩn cho các máy móc, thiết bị và dụng cụ phục vụ cho công việc theo yêu cầu của pháp luật (nếu có). |
| 12 | Kiểm tra các đường ống và kết cấu nhà máy | <p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư kiểm tra: Chứng nhận kiểm định viên API 510 & API 570, đã qua đào tạo về API 653 và Chứng nhận NDT tối thiểu bậc 2; - Kỹ thuật viên Kiểm tra không phá hủy: Chứng nhận Kiểm tra không phá hủy bậc 2 về siêu âm, từ tính và thẩm thấu; - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Làm việc trên cao, không gian hạn chế (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 7 & 13 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH); - Chứng nhận PCCC khi làm việc trong môi trường có nguy cơ cháy nổ (điểm d, khoản 1 Điều 33 Nghị định 136/2020/ND-CP). <p>Thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận kiểm định/ kiểm tra/ hiệu chuẩn cho các máy móc, thiết bị và dụng cụ phục vụ cho công việc theo yêu cầu của pháp luật (nếu có). |



| | | |
|----|--|--|
| 13 | Kiểm tra và thử nghiệm các thiết bị nâng hạ | <p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm định viên: Chứng nhận của Hiệp hội các kỹ sư thiết bị nâng - LEEA; - Kỹ thuật viên: Chứng nhận của ASNT bậc 2 về từ tính và thẩm thấu; - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Kiểm tra, kiểm định kỹ thuật an toàn (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 1 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH). - Chứng nhận PCCC khi làm việc trong môi trường có nguy cơ cháy nổ (điểm d, khoản 1 Điều 33 Nghị định 136/2020/ND-CP). <p>Thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận kiểm định/ kiểm tra/ hiệu chuẩn cho các máy móc, thiết bị và dụng cụ phục vụ cho công việc theo yêu cầu của pháp luật (nếu có). |
| 14 | Kiểm định thiết bị nâng hạ (cầu trục, palăng, xe nâng hàng và nâng người) theo yêu cầu Pháp luật. | <p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chứng chỉ Kiểm định viên được cấp bởi cơ quan có chức năng của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Điều 10 Nghị định 44/2016/ND-CP); - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Kiểm tra, kiểm định kỹ thuật an toàn (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 1 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH). |
| 15 | Kiểm định bình áp lực | <p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chứng chỉ Kiểm định viên được cấp bởi cơ quan có chức năng của Bộ Công thương (Điều 10 Nghị định 44/2016/ND-CP); - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Kiểm tra, kiểm định kỹ thuật an toàn (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 1 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH). |
| 16 | Chứng giám và cấp chứng nhận van an toàn áp lực | <p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chứng chỉ Kiểm định viên được cấp bởi cơ quan có chức năng của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Điều 10 Nghị định 44/2016/ND-CP); - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Làm việc với thiết bị áp lực (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 1 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH) nếu có chứng kiến/ quan sát quá trình kiểm tra PSV. |



ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Tên gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Kính gửi: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*], Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cam kết thực hiện gói thầu ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số E-TBMT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ___ [*Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ___ [*Hệ thống tự động tính*] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSMT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Bảo đảm dự thầu: ___ [*ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu*]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu⁽²⁾: ___ [*ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu*]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;
3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu



trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;

7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽³⁾;

8. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực;

9. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

10. Nếu E-HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 E-CDNT của E-HSMT;

11. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu⁽⁴⁾;

12. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

(2) Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này.

(3) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

(4) Trường hợp gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh mà E-HSMT không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu.



Mẫu số 03 (Webform trên Hệ thống)**THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾**Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Thuộc dự án/dự toán mua sắm: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Căn cứ⁽²⁾ ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Căn cứ⁽²⁾ ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Căn cứ E-HSMT Gói thầu: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] với số E-TBMT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____



Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ [*Ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- *Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;*
- *Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;*
- *Hình thức xử lý khác ____ [*ghi rõ hình thức xử lý khác*].*

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ [*Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

- *Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.*
- [*Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;*
- *Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;*
- *Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;*
- *Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;*
- *Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [*ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].*

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽⁴⁾:

| STT | Tên các thành viên trong liên danh | Nội dung công việc đảm nhận | Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu |
|------------------|--|---------------------------------------|--|
| 1 | Tên thành viên đứng đầu liên danh (Hệ thống tự động trích xuất) | - ____ - ____ | - ____ % - ____ % |
| 2 | Tên thành viên thứ 2 | - ____ - ____ | - ____ % - ____ % |
| | | | |
| Tổng cộng | | Toàn bộ công việc của gói thầu | 100% |

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
 2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu ____ [Hệ thống tự động trích xuất] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [Hệ thống tự động trích xuất] theo thông báo của Chủ đầu tư.
- Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]



Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.

(2) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo biểu mẫu tại Chương này hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.



Mẫu số 04A (Scan đính kèm hoặc cam kết trong Đơn dự thầu)**BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾***(Áp dụng đối với nhà thầu độc lập)*

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ____ [*ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL*]

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ [*ghi ngày phát hành bảo lãnh*]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ____ [*ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu*]

Bên bảo lãnh: ____ [*ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in*]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ____ [*ghi tên nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] theo Thư mời thầu/E-TBMT số ____ [*ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT*].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu bằng một khoản tiền là ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận



khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 **E-BDL**, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 **E-BDL**.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 **E-CDNT** và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.



Mẫu số 04B (Scan đính kèm hoặc cam kết trong Đơn dự thầu)**BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾***(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)*

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh):___ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh:___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số:___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh:___[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là___ [ghi tên nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số___ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày___tháng___năm___⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁵⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận



khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trừ trường hợp bất khả kháng.

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh _____ [ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 **E-BDL**, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực



hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B +C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B + C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu;

- Trường hợp trong thỏa thuận liên danh không phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu của các thành viên trong liên danh nhưng tổng giá trị bảo đảm dự thầu của các thành viên liên danh đã thực hiện, đính kèm trong E-HSDT đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì vẫn được đánh giá là đáp ứng về giá trị bảo đảm dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 **E-BDL**.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 **E-CDNT** và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.



Mẫu số 05 (không áp dụng)**HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN ⁽¹⁾**
(áp dụng đối với nhà thầu thương mại)

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

| | | |
|---|---|--|
| Tên và số hợp đồng | [ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu] | |
| Ngày ký hợp đồng | [ghi ngày, tháng, năm] | |
| Ngày hoàn thành | [ghi ngày, tháng, năm] | |
| Giá hợp đồng ⁽³⁾ | [ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký] | Tương đương ____ VND |
| Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận | [ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh] | [ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký] |
| Tên dự án/dự toán mua sắm: | [ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai] | |
| Tên Chủ đầu tư: | [ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai] | |
| Địa chỉ: | [ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư] | |
| Điện thoại/fax: | [ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng] | |
| E-mail: | [ghi địa chỉ e-mail] | |
| Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III⁽²⁾ | | |
| 1. Loại hàng hóa | [ghi thông tin trong hợp đồng] | |
| 2. Chung loại, lĩnh vực hàng hóa | [ghi thông tin chung loại, lĩnh vực nếu có] | |
| 3. Mã HS | [ghi thông tin về mã HS nếu có] | |
| 4. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾ | [ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng] | |
| 5. Về quy mô thực hiện | [ghi thông tin trong hợp đồng] | |
| 6. Các đặc tính khác | [ghi các thông tin khác (nếu có)] | |

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.



Mẫu số 05B (không áp dụng)**KÊ KHAI NĂNG LỰC SẢN XUẤT HÀNG HÓA**
(áp dụng đối với nhà thầu là nhà sản xuất)

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Số lượng nhà máy, cơ sở sản xuất (gọi chung là nhà máy): _____ [Điền số lượng nhà máy]

Đối với mỗi nhà máy, nhà thầu kê khai thông tin sau đây:

| | |
|---|--|
| Tên nhà máy: | [Ghi tên nhà máy] |
| Địa chỉ: | [Ghi địa chỉ nhà máy] |
| Tổng mức đầu tư: | [Ghi tổng mức đầu tư] |
| Công suất thiết kế: | [Ghi công suất thiết kế] |
| Công suất thực hiện: | [Ghi công suất thực hiện trong năm gần nhất] |
| Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng hoặc 01 năm trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu. | [Ghi sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng hoặc 01 năm] |
| Tiêu chuẩn sản xuất: | [Ghi tiêu chuẩn sản xuất đang áp dụng, nếu có] |
| Số lao động đang làm việc: | [Ghi tổng số lao động đang làm việc tại nhà máy] |

Ghi chú:

Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa được kê khai trong Mẫu này.



Mẫu số 06A (không áp dụng)**BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự chủ chốt này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

| STT | Họ và Tên | Vị trí công việc |
|-----|---|--|
| 1 | <i>[Nhà thầu chọn nhân sự chủ chốt từ cơ sở dữ liệu của mình trên Hệ thống]</i> | <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i> |
| 2 | | |
| ... | | |

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

| Thông tin nhân sự | | | | | | Công việc hiện tại | | | | | |
|-------------------|------------------------------|----------------------------|--------|-----------------------|-------------------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------|---|--|------------------------|
| Stt | Tên | Căn cước công dân/Hộ chiếu | Vị trí | Ngày, tháng, năm sinh | Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn | Tên người sử dụng lao động | Địa chỉ của người sử dụng lao động | Chức danh | Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại | Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự) | Điện thoại/ Fax/ Email |
| 1 | [ghi tên nhân sự chủ chốt 1] | | | | | | | | | | |
| 2 | [ghi tên nhân sự chủ chốt 2] | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | | |
| n | [ghi tên nhân sự chủ chốt n] | | | | | | | | | | |

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ có liên quan, kinh nghiệm chuyên môn được kê khai tại Mẫu 06C Chương IV) trong quá trình đối chiếu tài liệu.



Mẫu số 06C *(không áp dụng)***BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN⁽¹⁾**

| STT | Tên nhân sự chủ chốt | Từ ngày | Đến ngày | Công ty/Dự án/Chức vụ/Hợp đồng/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan |
|-----|------------------------------|---------|----------|--|
| 1 | [ghi tên nhân sự chủ chốt 1] | ... | ... | ... |
| | | | | |
| | | | | |
| 2 | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| ... | ... | | | |

(1) Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.



HỢP ĐỒNG CUNG CẤP HÀNG HÓA KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp hàng hóa không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương III

Không có hoặc có 01 hợp đồng (cung cấp hàng hóa) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

Có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp hàng hóa) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

| Năm | Phần việc hợp đồng không hoàn thành | Mô tả hợp đồng | Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND) |
|-----|-------------------------------------|--|--|
| | | Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____ | |

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp hàng hóa không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp Chủ đầu tư, tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp hàng hóa không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và E-HSĐT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.



Mẫu số 08 (không áp dụng)**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾**

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

| Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ___ (nhà thầu điền nội dung này) | | | |
|--|-------------------------|--------|--------|
| Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT (Hệ thống tự động trích xuất trên cơ sở năm tài chính của nhà thầu) | | | |
| | Năm 1: | Năm 2: | Năm 3: |
| Tổng tài sản | | | |
| Tổng nợ | | | |
| Giá trị tài sản ròng | | | |
| Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) | | | |
| Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) ⁽²⁾ | (Hệ thống tự động tính) | | |
| Lợi nhuận trước thuế | | | |
| Lợi nhuận sau thuế | | | |

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Doanh thu hàng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu nhận thấy doanh thu hàng năm (không bao gồm thuế VAT) trong hồ sơ năng lực của nhà thầu chưa được Hệ thống cập nhật từ Hệ thống thuế điện tử và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hàng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.



Mẫu số 09A (không áp dụng)**PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾***(chỉ áp dụng đối với dịch vụ liên quan)*

| STT | Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾ | Phạm vi công việc ⁽³⁾ | Khối lượng công việc ⁽⁴⁾ | Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾ | Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ ⁽⁶⁾ |
|-----|---------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------|--|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| 3 | | | | | |
| 4 | | | | | |
| ... | | | | | |

Ghi chú:

(1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ để thực hiện dịch vụ liên quan thì kê khai theo Mẫu này. Đối với gói thầu của dự án thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tổ chức đấu thầu trong nước, nhà thầu trong nước được sử dụng nhà thầu phụ là nhà thầu nước ngoài đối với phần công việc đặc thù mà nhà thầu trong nước chưa thực hiện được hoặc cần chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Luật Đấu thầu.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT; trường hợp chưa xác định được tên nhà thầu phụ thì để trống cột này.

Mẫu số 09B (không áp dụng)**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

| STT | Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾ | Công việc đảm nhận trong gói thầu ⁽³⁾ | Giá trị % so với giá dự thầu ⁽⁴⁾ | Ghi chú |
|-----|--|--|---|---------|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| ... | | | | |

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại bảng này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.



Mẫu số 10A (scan đính kèm lên Hệ thống)

BẢNG TIẾN ĐỘ CUNG CẤP^(*)

Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư:

| Stt | Danh mục hàng hóa | Đơn vị tính | Số lượng | Nhà sản xuất & Model | Địa điểm giao hàng | Ngày giao hàng muộn nhất | Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất [ghi số ngày: kể từ ngày ký kết hợp đồng] |
|----------|--|----------------------|-------------|---------------------------|---|--|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| I | Màn hình LED trước tòa nhà Hành Chính, kích thước 800mm x 5.440mm | | | | | | |
| 1 | Màn hình LED P2.5 cố định ngoài trời - Kích thước hiển thị (mm) 800 x 5440 - Module LED P2.5 cố định (85 tấm) SMD 3 in 1 - Khoảng cách điểm ảnh (mm): 2.5 - Số lượng điểm ảnh (CxR) pixel: 320 x 2176 - Tổng số lượng điểm ảnh (pixel): 696320 - Độ sáng (cd/m2): ≥ 5000 - Kích thước module (mm) (WxH): 320 x 160 - Diện tích module (m2): 0,0512 - Mật độ điểm ảnh (điểm/m2): 160000 - Độ phân giải module (WxH): 64*128 | m² | 4,36 | LEYARD LVS 0250 Series | Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn, Tỉnh lộ 44, xã Long Điền, Thành phố Hồ Chí Minh | Trong vòng tối đa 30 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng. | |



| Stt | Danh mục hàng hóa | Đơn vị tính | Số lượng | Nhà sản xuất & Model | Địa điểm giao hàng | Ngày giao hàng muộn nhất | Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất [ghi số ngày: kể từ ngày ký kết hợp đồng] |
|-----|--|-------------|----------|----------------------|--------------------|--------------------------|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Trọng lượng module (kg) 0,45±0,05 - Độ tương phản: 5000:1 - Nhiệt độ màu (K): 3000~38000 tùy chỉnh - Góc nhìn: 160°(Ngang); 140°(Theo chiều dọc) - Độ lệch của độ sáng trung tâm LED: <3% - Độ sáng đồng đều ≥97% - Mức tiêu thụ điện năng cao nhất (W/m2) ≤660 - Mức tiêu thụ điện năng trung bình (W/m2): ≤220 - Yêu cầu cung cấp điện (V) DC:4.5 - Chế độ điều khiển: Dòng điện không đổi, điều khiển quét 1/16 - Tốc độ khung hình (Hz): 50&60 - Tần số quét màn hình (Hz): ≥7680 - Tuổi thọ (hrs): 100000 - Nhiệt độ hoạt động (°C):20~40 - Nhiệt độ bảo quản:20~60 - Độ ẩm hoạt động: 10~80% Không ngưng tụ - Độ ẩm bảo quản: 10~85% Không ngưng tụ | | | | | | |

| Stt | Danh mục hàng hóa | Đơn vị tính | Số lượng | Nhà sản xuất & Model | Địa điểm giao hàng | Ngày giao hàng muộn nhất | Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất [ghi số ngày: kể từ ngày ký kết hợp đồng] |
|-----|--|-------------|----------|------------------------|--------------------|--|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 2 | Bộ chuyển nguồn - Công suất tối đa: 300W - Điện áp/dòng điện đầu ra: 5V/60A | Bộ | 15 | CZCL A-300AB-5 | | Trong vòng tối đa 30 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng. | |
| 3 | Card thu tín hiệu - 12 cổng HUB75 - Mạng dữ liệu song song RGB: 24 - Khả năng quản lý: 128 x 1024 pixels | Cái | 05 | Leyard LYD Series | | Trong vòng tối đa 30 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng. | |
| 4 | Bộ điều khiển màn hình - Cổng kết nối: Sensor RJ11*2, USB-B*1, LAN*1, AUDIO-OUT*1, HDMI-IN*1, HDMI-OUT*1, Ethernet RJ45*2, USB3.0*1 - Bộ nhớ trong: 32Gb - ĐPG Max: 1,3 triệu pixels - Cao Max 2560 pixel Rộng Max 4096 pixel. | Chiếc | 1 | Leyard LYD-A100 Series | | Trong vòng tối đa 30 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng. | |

| Stt | Danh mục hàng hóa | Đơn vị tính | Số lượng | Nhà sản xuất & Model | Địa điểm giao hàng | Ngày giao hàng muộn nhất | Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất [ghi số ngày: kể từ ngày ký kết hợp đồng] |
|-----------|---|-------------|----------|----------------------|--------------------|--------------------------|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 5 | Vật tư hệ thống điện- Tín hiệu Phụ kiện lắp đặt cho màn hình LED: - Dây điện nguồn nội bộ - Dây cáp tín hiệu nội bộ Cat5e - Vật tư phụ lắp đặt: aptomat, phích nguồn, ổ điện - Cáp cài, đầu bấm | Gói | 1 | | | | Trong vòng tối đa 30 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng. |
| | Khung giá đỡ màn hình led cao cấp gia công trong nước Sắt hộp mạ kẽm (Thiết kế theo bản vẽ trình chủ đầu tư duyệt) - Ốp bo viền | | | | | | |
| | Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, thi công, cấu hình, bàn giao hướng dẫn sử dụng | | | | | | |
| II | Màn hình LED trước khu vực cổng bảo vệ Khu sản xuất, kích thước 1.280mm x 2.560mm | | | | | | |

| Stt | Danh mục hàng hóa | Đơn vị tính | Số lượng | Nhà sản xuất & Model | Địa điểm giao hàng | Ngày giao hàng muộn nhất | Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất [ghi số ngày: kể từ ngày ký kết hợp đồng] |
|-----|---|----------------|----------|---------------------------|--------------------|--|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Màn hình LED P2.5 cố định ngoài trời - Kích thước hiển thị (mm): 1280x2560 - Module LED P2.5 cố định (64 tấm): SMD 3 in 1 - Khoảng cách điểm ảnh (mm): 2.5 - Số lượng điểm ảnh (CxR) pixel: 512*1024 - Tổng số lượng điểm ảnh (pixel): 524288 - Độ sáng (cd/m2) ≥ 5000 - Kích thước module (mm) (WxH): 320 x 160 - Diện tích module (m2): 0,0512 - Mật độ điểm ảnh (điểm/m2): 160000 - Độ phân giải module (WxH): 64*128 - Trọng lượng module (kg): 0,45 \pm 0,05 - Độ tương phản: 5000:1 - Nhiệt độ màu (K): 3000~38000 tùy chỉnh - Góc nhìn 160°(Ngang); 140°(Theo chiều dọc) | m ² | 3,28 | LEYARD LVS 0250 Series | | Trong vòng tối đa 30 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng. | |

| Stt | Danh mục hàng hóa | Đơn vị tính | Số lượng | Nhà sản xuất & Model | Địa điểm giao hàng | Ngày giao hàng muộn nhất | Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất [ghi số ngày: kể từ ngày ký kết hợp đồng] |
|-----|--|-------------|----------|----------------------|--------------------|--------------------------|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Độ lệch của độ sáng trung tâm LED: <3% - Độ sáng đồng đều: $\geq 97\%$ - Mức tiêu thụ điện năng cao nhất (W/m²): ≤ 660 - Mức tiêu thụ điện năng trung bình (W/m²): ≤ 220 Yêu cầu cung cấp điện (V) DC: 4.5 Chế độ điều khiển: Dòng điện không đổi, điều khiển quét 1/16 - Tốc độ khung hình (Hz): 50&60 - Tần số quét màn hình (Hz): ≥ 7680 - Tuổi thọ (hrs): 100000 - Nhiệt độ hoạt động (°C): 20~40 - Nhiệt độ bảo quản: 20~60 - Độ ẩm hoạt động: 10~80% Không ngưng tụ - Độ ẩm bảo quản: 10~85% Không ngưng tụ. | | | | | | |



| Stt | Danh mục hàng hóa | Đơn vị tính | Số lượng | Nhà sản xuất & Model | Địa điểm giao hàng | Ngày giao hàng muộn nhất | Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất [ghi số ngày: kể từ ngày ký kết hợp đồng] |
|-----|--|-------------|----------|----------------------|--------------------|--|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 2 | Bộ chuyển nguồn - Công suất tối đa: 300W - Điện áp/dòng điện đầu ra: 5V/60A | Bộ | 08 | CZCL A-300AB-5 | | Trong vòng tối đa 30 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng. | |
| 3 | Card thu tín hiệu -12 cổng HUB75 -Mảng dữ liệu song song RGB: 24 -Khả năng quản lý: 128 x 1024 pixels | Cái | 08 | Leyard LYD Series | | Trong vòng tối đa 30 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng. | |
| 4 | Cabinet cố định ngoài trời - Kích thước: 640x1280 mm Chất liệu: Thép sơn tĩnh điện, có cánh cửa, có quạt hút | Cái | 04 | | | Trong vòng tối đa 30 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng. | |



| Stt | Danh mục hàng hóa | Đơn vị tính | Số lượng | Nhà sản xuất & Model | Địa điểm giao hàng | Ngày giao hàng muộn nhất | Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất [ghi số ngày: kể từ ngày ký kết hợp đồng] |
|-----|---|-------------|----------|----------------------|--------------------|--|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 5 | Bộ điều khiển màn hình -Inputs: SDI*1, HDMI*1, DVI*2, AUDIO*1 -Outputs: Gigabit (RJ45)*6, AUDIO*1 -Control port: RS232*1, USB-OUT*1, USB-IN*1 -ĐPG Max: 3.9 triệu pixels -Cao Max 4096 pixel Rộng Max 8192 pixel. | Chiếc | 01 | Leyard LYD-X6 Series | | Trong vòng tối đa 30 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng. | |
| 6 | Bộ chuyển đổi quang điện màn LED - Bước sóng: 1310nm/1550nm | Bộ | 1 | Ho-Link | | Trong vòng tối đa 30 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng. | |
| 7 | Vật tư hệ thống điện- Tín hiệu Phụ kiện lắp đặt cho màn hình LED: - Dây điện nguồn nội bộ - Cáp tín hiệu nội bộ Cat5e - Dây cáp quang, dây nhảy quang - Aptomat - Vật tư phụ lắp đặt + phích nguồn, ổ điện - Cáp cài, đầu bấm | Gói | 1 | | | Trong vòng tối đa 30 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng. | |

| Stt | Danh mục hàng hóa | Đơn vị tính | Số lượng | Nhà sản xuất & Model | Địa điểm giao hàng | Ngày giao hàng muộn nhất | Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất [ghi số ngày: kể từ ngày ký kết hợp đồng] |
|-----|--|-------------|----------|----------------------|--------------------|--------------------------|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| | Khung giá đỡ màn hình led cao cấp gia công trong nước Sắt hộp mạ kẽm (Thiết kế theo bản vẽ trình chủ đầu tư duyệt) | | | | | | |
| | Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, thi công, cấu hình, bàn giao hướng dẫn sử dụng | | | | | | |

Ghi chú:

Cột (8): Nhà thầu điền

() Hàng hóa phải được giao trong khoảng thời gian quy định trong E-HSMT. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng sớm hơn ngày giao hàng sớm nhất thì không được tính ưu tiên và không bị loại, trừ trường hợp yêu cầu kỹ thuật có quy định khác. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng muộn hơn khoảng thời gian này thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.*



Mẫu số 10B (Scan đính kèm lên Hệ thống)

ĐỀ XUẤT VỀ HÀNG HÓA CỦA NHÀ THẦU

| Stt | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Số lượng | Mã HS |
|----------|--|------------|------------------------|--------------|-----------------------------------|---------------|-------------------------------------|----------------|----------|-------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| I | Màn hình LED trước tòa nhà Hành Chính, kích thước 800mm x 5.440mm | | | | | | | | | |
| 1 | Màn hình LED P2.5 cố định ngoài trời - Kích thước hiển thị (mm) 800 x 5440 - Module LED P2.5 cố định (85 tấm) SMD 3 in 1 - Khoảng cách điểm ảnh (mm): 2.5 - Số lượng điểm ảnh (CxR) pixel: 320 x 2176 - Tổng số lượng điểm ảnh (pixel): 696320 - Độ sáng (cd/m ²): ≥5000 - Kích thước module (mm) (WxH): 320 x 160 | | LEYARD LVS 0250 Series | | | | | m ² | 4,36 | |



| Stt | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Số lượng | Mã HS |
|-----|--|------------|-----------|--------------|-----------------------------------|---------------|-------------------------------------|-------------|----------|-------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích module (m²): 0,0512 - Mật độ điểm ảnh (điểm/m²): 160000 - Độ phân giải module (WxH): 64*128 - Trọng lượng module (kg) 0,45±0,05 - Độ tương phản: 5000:1 - Nhiệt độ màu (K): 3000~38000 tùy chỉnh - Góc nhìn: 160°(Ngang); 140°(Theo chiều dọc) - Độ lệch của độ sáng trung tâm LED: <3% - Độ sáng đồng đều ≥97% - Mức tiêu thụ điện năng cao nhất (W/m²) ≤660 | | | | | | | | | |

| Stt | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Số lượng | Mã HS |
|-----|---|------------|-----------|--------------|-----------------------------------|---------------|-------------------------------------|-------------|----------|-------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Mức tiêu thụ điện năng trung bình (W/m2): ≤ 220 - Yêu cầu cung cấp điện (V) DC: 4.5 - Chế độ điều khiển: Dòng điện không đổi, điều khiển quét 1/16 - Tốc độ khung hình (Hz): 50&60 - Tần số quét màn hình (Hz): ≥ 7680 - Tuổi thọ (hrs): 100000 - Nhiệt độ hoạt động (°C): 20~40 - Nhiệt độ bảo quản: 20~60 - Độ ẩm hoạt động: 10~80% Không ngưng tụ - Độ ẩm bảo quản: 10~85% Không ngưng tụ | | | | | | | | | |

| Stt | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Số lượng | Mã HS |
|-----|--|---------------------------|----------------------------------|--------------|-----------------------------------|---------------|-------------------------------------|-------------|----------|-------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| 2 | Bộ chuyển nguồn - Công suất tối đa: 300W - Điện áp/dòng điện đầu ra: 5V/60A | CZCL A- 300AB -5 | | | | | | Bộ | 15 | |
| 3 | Card thu tín hiệu - 12 cổng HUB75 - Mảng dữ liệu song song RGB: 24 - Khả năng quản lý: 128 x 1024 pixels | | Leyard LYD Series | | | | | Cái | 05 | |
| 4 | Bộ điều khiển màn hình - Cổng kết nối: Sensor RJ11*2, USB-B*1, LAN*1, AUDIO-OUT*1, HDMI-IN*1, HDMI-OUT*1, Ethernet RJ45*2, USB3.0*1 - Bộ nhớ trong: 32Gb - ĐPG Max: 1,3 triệu pixels - Cao Max 2560 pixel Rộng Max 4096 pixel. | | Leyard LYD- A100 Series | | | | | Chiếc | 1 | |



| Stt | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Số lượng | Mã HS |
|-----|---|------------|-----------|--------------|-----------------------------------|---------------|-------------------------------------|-------------|----------|-------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| 5 | Vật tư hệ thống điện-Tín hiệu Phụ kiện lắp đặt cho màn hình LED: - Dây điện nguồn nội bộ - Dây cáp tín hiệu nội bộ Cat5e - Vật tư phụ lắp đặt: aptomat, phích nguồn, ổ điện - Cáp cài, đầu bấm | | | | | | | | | |
| | Khung giá đỡ màn hình led cao cấp gia công trong nước Sắt hộp mạ kẽm (Thiết kế theo bản vẽ trình chủ đầu tư duyệt) - Ốp bo viền | | | | | | | Gói | 1 | |
| | Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, thi công, cấu hình, bàn giao hướng dẫn sử dụng | | | | | | | | | |

| Stt | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Số lượng | Mã HS |
|-----------|---|------------|------------------------------|--------------|-----------------------------------|---------------|-------------------------------------|----------------|----------|-------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| II | Màn hình LED trước khu vực cổng bảo vệ Khu sản xuất, kích thước 1.280mm x 2.560mm | | | | | | | | | |
| 1 | Màn hình LED P2.5 cố định ngoài trời - Kích thước hiển thị (mm): 1280x2560 - Module LED P2.5 cố định (64 tấm): SMD 3 in 1 - Khoảng cách điểm ảnh (mm): 2.5 - Số lượng điểm ảnh (CxR) pixel: 512*1024 - Tổng số lượng điểm ảnh (pixel): 524288 - Độ sáng (cd/m2) ≥5000 - Kích thước module (mm) (WxH): 320 x 160 - Diện tích module (m2): 0,0512 - Mật độ điểm ảnh (điểm/m2): 160000 | | LEYARD LVS 0250 Series | | | | | m ² | 3,28 | |

| Stt | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Số lượng | Mã HS |
|-----|---|------------|-----------|--------------|-----------------------------------|---------------|-------------------------------------|-------------|----------|-------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Độ phân giải module (WxH): 64*128 - Trọng lượng module (kg): 0,45±0,05 - Độ tương phản: 5000:1 - Nhiệt độ màu (K): 3000~38000 tùy chỉnh - Góc nhìn 160°(Ngang); 140°(Theo chiều dọc) - Độ lệch của độ sáng trung tâm LED: <3% - Độ sáng đồng đều: ≥97% - Mức tiêu thụ điện năng cao nhất (W/m²): ≤660 - Mức tiêu thụ điện năng trung bình (W/m²): ≤220 | | | | | | | | | |

| Stt | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Số lượng | Mã HS |
|-----|---|------------|-----------|--------------|-----------------------------------|---------------|-------------------------------------|-------------|----------|-------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| | <p>Yêu cầu cung cấp điện (V) DC: 4.5</p> <p>Chế độ điều khiển: Dòng điện không đổi, điều khiển quét 1/16</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ khung hình (Hz): 50&60 - Tần số quét màn hình (Hz): ≥ 7680 - Tuổi thọ (hrs): 100000 - Nhiệt độ hoạt động ($^{\circ}\text{C}$): 20~40 - Nhiệt độ bảo quản: 20~60 - Độ ẩm hoạt động: 10~80% Không ngưng tụ - Độ ẩm bảo quản: 10~85% Không ngưng tụ | | | | | | | | | |

| Stt | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Số lượng | Mã HS |
|-----|--|---------------------------|-------------------------|--------------|-----------------------------------|---------------|-------------------------------------|-------------|----------|-------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| 2 | Bộ chuyển nguồn - Công suất tối đa: 300W - Điện áp/dòng điện đầu ra: 5V/60A | CZCL A- 300AB -5 | | | | | | Bộ | 08 | |
| 3 | Card thu tín hiệu -12 cổng HUB75 -Mảng dữ liệu song song RGB: 24 -Khả năng quản lý: 128 x 1024 pixels | | Leyard LYD Series | | | | | Cái | 08 | |
| 4 | Cabinet cố định ngoài trời - Kích thước: 640x1280 mm Chất liệu: Thép sơn tĩnh điện, có cánh cửa, có quạt hút | | | | | | | Cái | 04 | |

| Stt | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Số lượng | Mã HS |
|-----|--|------------|----------------------------|--------------|-----------------------------------|---------------|-------------------------------------|-------------|----------|-------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| 5 | Bộ điều khiển màn hình -Inputs: SDI*1, HDMI*1, DVI*2, AUDIO*1 -Outputs: Gigabit (RJ45)*6, AUDIO*1 -Control port: RS232*1, USB-OUT*1, USB-IN*1 -ĐPG Max: 3.9 triệu pixels -Cao Max 4096 pixel Rộng Max 8192 pixel. | | Leyard LYD-X6 Series | | | | | Chiếc | 01 | |
| 6 | Bộ chuyển đổi quang điện màn LED - Bước sóng: 1310nm/1550nm | | Ho-Link | | | | | Bộ | 1 | |



| Stt | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Số lượng | Mã HS |
|-----|--|------------|-----------|--------------|-----------------------------------|---------------|-------------------------------------|-------------|----------|-------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| 7 | <p>Vật tư hệ thống điện-Tín hiệu</p> <p>Phụ kiện lắp đặt cho màn hình LED:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dây điện nguồn nội bộ - Cáp tín hiệu nội bộ Cat5e - Dây cáp quang, dây nhảy quang - Aptomat - Vật tư phụ lắp đặt + phích nguồn, ổ điện - Cáp cài, đầu bấm <p>Khung giá đỡ màn hình led cao cấp gia công trong nước Sắt hộp mạ kẽm (Thiết kế theo bản vẽ trình chủ đầu tư duyệt)</p> <p>Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, thi công, cấu hình, bàn giao hướng dẫn sử dụng</p> | | | | | | | Gói | 1 | |

Ghi chú:

- Cột (3), (4), (5), (6), (7), (8): Nhà thầu tự điền. Trường hợp nhà thầu không đề xuất cụ thể ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất thì E-HSDT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

Ví dụ: nhà thầu kê khai trong Mẫu này Ký mã hiệu: “theo đề xuất kỹ thuật”; nhãn hiệu: “theo E-HSDT”, xuất xứ: “theo đề xuất kỹ thuật” ... thì E-HSDT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

Trường hợp hàng hóa không có ký mã hiệu thì nhà thầu ghi “không có” vào cột số (3). Trường hợp hãng sản xuất có ký mã hiệu nhưng nhà thầu ghi “không có” thì E-HSDT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.



Mẫu số 11 (Scan đính kèm lên Hệ thống)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

| STT | Nội dung | Giá dự thầu |
|-----|---|-------------------------------|
| 1 | Giá dự thầu của hàng hóa | (M) [Kết chuyển từ Mẫu 12] |
| | Tổng cộng giá dự thầu (Kết chuyển sang đơn dự thầu) | (M) |



Mẫu số 12 (Scan đính kèm lên Hệ thống)
BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA
(áp dụng loại hợp đồng trọn gói)

| Stt | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Số lượng | Mã HS | Đơn giá không bao gồm thuế GTGT (đồng) | Thành tiền không bao gồm thuế GTGT (đồng) | Thuế suất thuế GTGT (%) | Thuế GTGT (đồng) | Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (đồng) | |
|----------|--|------------|------------------------|--------------|-----------------------------------|---------------|-------------------------------------|-------------|----------------|-------|--|---|-------------------------|------------------|--|------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13)=(10)x(12) | (14) | (15) | (16)=(13)+(15) | |
| I | Màn hình LED trước tòa nhà Hành Chính, kích thước 800mm x 5.440mm | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Màn hình LED P2.5 cố định ngoài trời - Kích thước hiển thị (mm) 800 x 5440 - Module LED P2.5 cố định (85 tấm) SMD 3 in 1 - Khoảng cách điểm ảnh (mm): 2.5 - Số lượng điểm ảnh (CxR) pixel: 320 x 2176 - Tổng số lượng điểm ảnh (pixel): 696320 - Độ sáng (cd/m ²) ≥5000 - Kích thước module (mm) (WxH): 320 x 160 - Diện tích module (m ²): 0.0512 - Mật độ điểm ảnh (điểm/m ²): 160000 - Độ phân giải module (WxH): 64*128 | | LEYARD LVS 0250 Series | | | | | | m ² | 4,36 | | (M1*) | | | | (M1) |

| Stt | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Số lượng | Mã HS | Đơn giá không bao gồm thuế GTGT (đồng) | Thành tiền không bao gồm thuế GTGT (đồng) | Thuế suất thuế GTGT (%) | Thuế GTGT (đồng) | Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (đồng) | |
|-----|---|------------|-----------|--------------|-----------------------------------|---------------|-------------------------------------|-------------|----------|-------|--|---|-------------------------|------------------|--|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13)=(10)x(12) | (14) | (15) | (16)=(13)+(15) | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Trọng lượng module (kg) 0.45±0.05 - Độ tương phản: 5000:1 - Nhiệt độ màu (K): 3000~38000 tùy chỉnh - Góc nhìn: 160°(Ngang); 140°(Theo chiều dọc) - Độ lệch của độ sáng trung tâm LED<3% - Độ sáng đồng đều ≥97% - Mức tiêu thụ điện năng cao nhất (W/m2) ≤660 - Mức tiêu thụ điện năng trung bình (W/m2)≤220 - Yêu cầu cung cấp điện (V) DC:4.5 - Chế độ điều khiển: Đồng bộ điều khiển không dây, điều khiển quét 1/16 - Tốc độ khung hình (Hz): 50&60 - Tần số quét màn hình (Hz): ≥7680 - Tuổi thọ (hrs): 100000 - Nhiệt độ hoạt động (°C):20~40 - Nhiệt độ bảo quản:20~60 - Độ ẩm hoạt động: 10~80% Không ngưng tụ - Độ ẩm bảo quản: 10~85% Không ngưng tụ | | | | | | | | | | | | | | | |

| Stt | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Số lượng | Mã HS | Đơn giá không bao gồm thuế GTGT (đồng) | Thành tiền không bao gồm thuế GTGT (đồng) | Thuế suất thuế GTGT (%) | Thuế GTGT (đồng) | Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (đồng) |
|-----|---|-----------------------------------|----------------------------------|--------------|-----------------------------------|---------------|-------------------------------------|-------------|----------|-------|--|---|-------------------------|------------------|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13)=(10)x(12) | (14) | (15) | (16)=(13)+(15) |
| 2 | Bộ chuyển nguồn - Công suất tối đa: 300W - Điện áp/dòng điện đầu ra: 5V/60A | CZ CL A- 300 AB- 5 | | | | | | Bộ | 15 | | | (M2*) | | | (M2) |
| 3 | Card thu tín hiệu - 12 cổng HUB75 - Mạng dữ liệu song song RGB: 24 - Khả năng quản lý: 128 x 1024 pixels | | Leyard LYD Series | | | | | Cái | 05 | | | (M3*) | | | (M3) |
| 4 | Bộ điều khiển màn hình - Cổng kết nối: Sensor RJ11*2, USB-B*1, LAN*1, AUDIO-OUT*1, HDMI-IN*1, HDMI-OUT*1, Ethernet RJ45*2, USB3.0*1 - Bộ nhớ trong: 32Gb - ĐPG Max: 1.3 triệu pixels - Cao Max 2560 pixel Rộng Max 4096 pixel. | | Leyard LYD- A100 Series | | | | | Chiếc | 1 | | | (M4*) | | | (M4) |

| Stt | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Số lượng | Mã HS | Đơn giá không bao gồm thuế GTGT (đồng) | Thành tiền không bao gồm thuế GTGT (đồng) | Thuế suất thuế GTGT (%) | Thuế GTGT (đồng) | Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (đồng) |
|-----------|--|------------|-----------|--------------|-----------------------------------|---------------|-------------------------------------|-------------|----------|-------|--|---|-------------------------|------------------|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13)=(10)x(12) | (14) | (15) | (16)=(13)+(15) |
| 5 | <p>Vật tư hệ thống điện- Tín hiệu</p> <p>Phụ kiện lắp đặt cho màn hình LED:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dây điện nguồn nội bộ - Dây cáp tín hiệu nội bộ Cat5e - Vật tư phụ lắp đặt: aptomat, phích nguồn, ổ điện - Cáp cài, đầu bấm | | | | | | | | | | | | | | |
| | <p>Khung giá đỡ màn hình led cao cấp gia công trong nước</p> <p>Sắt hộp mạ kẽm</p> <p>(Thiết kế theo bản vẽ trình chủ đầu tư)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ốp bo viền | | | | | | | Gói | 1 | | | (M5*) | | | (M5) |
| | <p>Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, thi công, cấu hình, bàn giao hướng dẫn sử dụng</p> | | | | | | | | | | | | | | |
| II | Màn hình LED trước khu vực cổng bảo vệ Khu sản xuất, kích thước 1.280mm x 2.560mm | | | | | | | | | | | | | | |

| Stt | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Số lượng | Mã HS | Đơn giá không bao gồm thuế GTGT (đồng) | Thành tiền không bao gồm thuế GTGT (đồng) | Thuế suất thuế GTGT (%) | Thuế GTGT (đồng) | Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (đồng) |
|-----|---|------------|------------------------|--------------|-----------------------------------|---------------|-------------------------------------|----------------|----------|-------|--|---|-------------------------|------------------|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13)=(10)x(12) | (14) | (15) | (16)=(13)+(15) |
| 1 | Màn hình LED P2.5 cố định ngoài trời - Kích thước hiển thị (mm): 1280x2560 - Module LED P2.5 cố định (64 tấm): SMD 3 in 1 - Khoảng cách điểm ảnh (mm): 2.5 - Số lượng điểm ảnh (CxR) pixel: 512*1024 - Tổng số lượng điểm ảnh (pixel): 524288 - Độ sáng (cd/m2) ≥ 5000 - Kích thước module (mm) (WxH): 320 x 160 - Diện tích module (m2): 0.0512 - Mật độ điểm ảnh (điểm/m2): 160000 - Độ phân giải module (WxH): 64*128 - Trọng lượng module (kg): 0.45 \pm 0.05 - Độ tương phản: 5000:1 - Nhiệt độ màu (K): 3000~38000 tùy chỉnh - Góc nhìn 160°(Ngang); 140°(Theo chiều dọc) - Độ lệch của độ sáng trung tâm LED: <3% | | LEYARD LVS 0250 Series | | | | | m ² | 3,28 | | | (M6*) | | | (M6) |

| Stt | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Số lượng | Mã HS | Đơn giá không bao gồm thuế GTGT (đồng) | Thành tiền không bao gồm thuế GTGT (đồng) | Thuế suất thuế GTGT (%) | Thuế GTGT (đồng) | Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (đồng) | |
|-----|--|-----------------------------------|-----------|--------------|-----------------------------------|---------------|-------------------------------------|-------------|----------|-------|--|---|-------------------------|------------------|--|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13)=(10)x(12) | (14) | (15) | (16)=(13)+(15) | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Độ sáng đồng đều: $\geq 97\%$ - Mức tiêu thụ điện năng cao nhất (W/m²): ≤ 660 - Mức tiêu thụ điện năng trung bình (W/m²): ≤ 220 Yêu cầu cung cấp điện (V) DC: 4.5 Chế độ điều khiển: Dòng điện không đổi, điều khiển quét 1/16 - Tốc độ khung hình (Hz): 50&60 - Tần số quét màn hình (Hz): ≥ 7680 - Tuổi thọ (hrs): 100000 - Nhiệt độ hoạt động (°C): 20~40 - Nhiệt độ bảo quản: 20~60 - Độ ẩm hoạt động: 10~80% Không ngưng tụ - Độ ẩm bảo quản: 10~85% Không ngưng tụ | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Bộ chuyển nguồn <ul style="list-style-type: none"> - Công suất tối đa: 300W - Điện áp/dòng điện đầu ra: 5V/60A | CZ CL A- 300 AB- 5 | | | | | | Bộ | 08 | | | (M7*) | | | (M7) | |

| Stt | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Số lượng | Mã HS | Đơn giá không bao gồm thuế GTGT (đồng) | Thành tiền không bao gồm thuế GTGT (đồng) | Thuế suất thuế GTGT (%) | Thuế GTGT (đồng) | Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (đồng) |
|-----|--|------------|--------------------------------|--------------|-----------------------------------|---------------|-------------------------------------|-------------|----------|-------|--|---|-------------------------|------------------|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13)=(10)x(12) | (14) | (15) | (16)=(13)+(15) |
| 3 | Card thu tín hiệu -12 cổng HUB75 -Máng dữ liệu song song RGB: 24 -Khả năng quản lý: 128 x 1024 pixels | | Leyard LYD Series | | | | | Cái | 08 | | | (M8*) | | | (M8) |
| 4 | Cabinet cố định ngoài trời - Kích thước:640x1280 mm Chất liệu: Thép sơn tĩnh điện, có cánh cửa, có quạt hút | | | | | | | Cái | 04 | | | (M9*) | | | (M9) |
| 5 | Bộ điều khiển màn hình -Inputs: SDI*1, HDMI*1, DVI*2, AUDIO*1 -Outputs: Gigabit (RJ45)*6, AUDIO*1 -Control port: RS232*1, USB-OUT*1, USB-IN*1 -ĐPG Max: 3.9 triệu pixels -Cao Max 4096 pixel Rộng Max 8192 pixel. | | Leyard LYD- X6 Series | | | | | Chiếc | 01 | | | (M10*) | | | (M10) |
| 6 | Bộ chuyển đổi quang điện màn LED - Bước sóng: 1310nm/1550nm | | Ho- Link | | | | | Bộ | 1 | | | (M11*) | | | (M11) |

| Stt | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Số lượng | Mã HS | Đơn giá không bao gồm thuế GTGT (đồng) | Thành tiền không bao gồm thuế GTGT (đồng) | Thuế suất thuế GTGT (%) | Thuế GTGT (đồng) | Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (đồng) |
|---|--|------------|-----------|--------------|-----------------------------------|---------------|-------------------------------------|-------------|----------|-------|--|---|-------------------------|------------------|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13)=(10)x(12) | (14) | (15) | (16)=(13)+(15) |
| 7 | Vật tư hệ thống điện- Tín hiệu Phụ kiện lắp đặt cho màn hình LED: - Dây điện nguồn nội bộ - Cáp tín hiệu nội bộ Cat5e - Dây cáp quang, dây nhảy quang - Aptomat - Vật tư phụ lắp đặt + phích nguồn, ổ điện - Cáp cài, đầu bấm | | | | | | | Gói | 1 | | | (M12*) | | | (M12) |
| | Khung giá đỡ màn hình led cao cấp gia công trong nước Sắt hộp mạ kẽm (Thiết kế theo bản vẽ trình chủ đầu tư) | | | | | | | | | | | | | | |
| | Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, thi công, cấu hình, bàn giao hướng dẫn sử dụng | | | | | | | | | | | | | | |
| Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) | | | | | | | | | | | | (M*) | | | (M) |

➤ **Địa điểm giao hàng:** tại nhà máy Nam Côn Sơn tại Tỉnh lộ 44, Xã Long Điền, Thành phố Hồ Chí Minh

Ghi chú:

(3), (4), (5), (6), (7), (8), (11), (12), (13), (14), (15), (16): Nhà thầu điện;



- (13) Thành tiền (M*) không bao gồm thuế GTGT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế GTGT (cột 15) sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế GTGT.
- (14) Thuế suất GTGT áp theo thuế tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. (Trong quá trình thực hiện hợp đồng, thuế suất GTGT sẽ được điều chỉnh theo qui định thuế hiện hành tại thời điểm xuất hoá đơn.)



Mẫu số 13 (Scan đính kèm lên Hệ thống)**BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU**

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt]

Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu, văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và các tài liệu đính kèm hồ sơ yêu cầu do _____ [Ghi tên bên mời thầu] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] cam kết:

1. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;
2. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;
3. Giao hàng hóa tại Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn, Tỉnh lộ 44, xã Long Điền, Thành phố Hồ Chí Minh;
4. Triển khai thực hiện và hoàn thành toàn bộ công việc/ dự án trong vòng tối đa **30 ngày** kể từ ngày ký kết hợp đồng.;
5. Cung cấp hàng hóa theo đúng quy cách như nêu trong Mẫu 01 – Phạm vi cung cấp của E-HSMT;
6. Hàng hóa có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng (có CO và CQ do nhà sản xuất cấp), được bảo hành 24 tháng theo tiêu chuẩn nhà sản xuất.
7. Thực hiện đầy đủ các yêu cầu về An ninh - An toàn - Sức khỏe - Môi trường và Hệ thống quản lý giấy phép làm việc của NCSP theo tài liệu: HSE-3000-MP-0044 HSSE Requirement for Contractors of NCSP (văn bản đính kèm)
8. Mở bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo đúng yêu cầu của hợp đồng (nếu có)

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

(Xem Mẫu số 01 – Phạm vi cung cấp, Chương IV)

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

(theo Biểu mẫu hợp đồng)

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

(theo Biểu mẫu hợp đồng)

Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

(xem Biểu mẫu hợp đồng đính kèm)



Mẫu số 14**THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG**

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Hệ thống trích xuất tên Nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [*Hệ thống trích xuất tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu*], Chủ đầu tư thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu _____ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì Hệ thống trích xuất tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu*] với giá hợp đồng là _____ [*Hệ thống trích xuất giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [*Hệ thống trích xuất thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm ____ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*].

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 18 Phần 4 của E-HSMT với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ [*ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽¹⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.





ĐƠN HÀNG

Số: PO # _____
Bản sửa đổi số: 0

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM-CÔNG TY
CÓ PHẦN-CÔNG TY ĐƯỜNG ỐNG KHÍ NAM CÔN SƠN
(NAMCONSON PIPELINE CO)
Tỉnh Lộ 44, Xã Long Điền,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam,
Tel: +84 254 3864100
Fax: +84 254 3864099

Gửi tới: CÔNG TY ____

ĐT: ____ Fax: ____

Người nhận: ____

Ngân hàng: ____

Số Tài Khoản: ____

| | | | |
|---------------|-------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|
| Ngày Đặt Hàng | Người Đặt Hàng Lê Văn Tùng | Hình Thức Thanh Toán CK 30 ngày | Ngày Bắt Đầu Thực Hiện 15/12/2025 |
|---------------|-------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|

| | | |
|---------------------|----------|------------|
| Hình Thức Giao Nhận | Địa Điểm | Vận Chuyển |
|---------------------|----------|------------|

Phạm Vi Cung Cấp

| STT | Mã Hàng | SL | ĐVT | Diễn Giải | Đơn Giá VND | Thành Tiền VND |
|-----|---------|----|-----|-----------|----------------|-------------------|
|-----|---------|----|-----|-----------|----------------|-------------------|

1 1 Gói CUNG CẤP

Xem phạm vi cung cấp đính kèm

| | |
|------------|-----|
| CỘNG: | |
| VAT: | |
| TỔNG CỘNG: | VND |

Lưu ý:

- Đơn Hàng Dịch Vụ này được thực hiện trên cơ sở Những Điều kiện chung về Mua, Thuê Hàng hóa / Dịch vụ của NCSP và bản Hướng dẫn riêng đính kèm. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa các điều khoản của các tài liệu này thì các điều khoản như qui định trong Bản Hướng dẫn riêng đính kèm theo đây sẽ được áp dụng.
- Phải ghi rõ số Đơn Hàng Dịch Vụ trên mọi văn bản giao dịch có liên quan, giấy tờ vận chuyển hàng hóa, và hóa đơn.
- Gửi mọi văn bản, tài liệu (không bao gồm hóa đơn và bộ chứng từ thanh toán) đến:
Người nhận: Lê Văn Tùng
NAMCONSON PIPELINE CO.,
Tỉnh lộ 44, Xã Long Điền, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84-254-3864100; Fax: +84-254-3864099
- Gửi hóa đơn và bộ chứng từ thanh toán đến:
Người nhận: KẾ TOÁN THANH TOÁN – Phòng Tài Chính Kế toán
NAMCONSON PIPELINE CO.
Tỉnh lộ 44, Xã Long Điền, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại: +84 254 3864100; Fax: +84 254 3864099
Email: ncsp.accountant@ncsp.com.vn



5. Đề nghị ký xác nhận việc chấp thuận các điều khoản của Đơn Hàng Dịch Vụ này và Fax lại các trang của Đơn Hàng Dịch Vụ cho Người mua hàng ghi ở mục 3 (ở trên).

Chúng tôi xác nhận chấp thuận Đơn Hàng Dịch Vụ này.

T/M. CÔNG TY

T/M. NAMCONSON PIPELINE CO

Chữ Ký: Nguyễn Đình Định

Chữ Ký: _____

Chức Vụ: Trưởng phòng Kinh doanh

Chức Vụ: _____

Ngày: _____

Ngày: _____



1. ĐỊNH NGHĨA

| | |
|--------------------------|---|
| "Bên Mua" hoặc "NCSP" | Có nghĩa là Công ty Đường ống Khí NAM CÔN SƠN. |
| "Nhà cung cấp" | Có nghĩa là người hoặc những người, hãng hoặc công ty mà tài liệu này được gửi tới và thông qua Hợp đồng, cam kết cung cấp, giao hoặc cho thuê các Hàng hóa và/hoặc thực hiện các Dịch vụ cho NCSP. |
| "Các Bên" | Có nghĩa là Bên Mua và Nhà cung cấp và "Bên" có nghĩa là bất kỳ bên nào trong số họ. |
| "Hợp đồng" | Có nghĩa là hợp đồng giữa Bên Mua và Nhà cung cấp gồm có Đơn đặt hàng/Dịch vụ, các Chỉ dẫn riêng đối với Nhà cung cấp và các Điều kiện chung này về Mua, thuê hàng hoá, dịch vụ bao gồm bất kỳ bổ sung, điều chỉnh hoặc thay đổi nào từ đó được các Bên thỏa thuận bằng văn bản và ký. |
| "Đơn đặt hàng / Dịch vụ" | Có nghĩa là đơn đặt hàng/dịch vụ do NCSP lập cho Nhà cung cấp, mà các Chỉ dẫn riêng và các Điều kiện Chung này được đính kèm theo đó và tạo thành một phần không thể tách rời. |
| "Các Chỉ dẫn riêng" | Có nghĩa là các hướng dẫn bằng văn bản do NCSP đưa ra cho Nhà cung cấp, được đính kèm theo Đơn đặt hàng/Dịch vụ, quy định việc Nhà cung cấp phải tuân thủ, trong số những điều khác, phạm vi các Dịch vụ sẽ được thực hiện, và/hoặc các chi tiết của các hàng hóa sẽ được cung cấp, bởi Nhà cung cấp theo Hợp đồng, bao gồm các quy cách hoặc bản vẽ được đề cập trong đó hoặc tạo thành phần đính kèm theo đó. |
| "Đại diện của NCSP " | Có nghĩa là người được chỉ định trong các Chỉ dẫn riêng cho Nhà cung cấp và do NCSP chỉ định hiện thời hoặc tùy từng thời điểm để thực hiện (các) chức năng được giao cho người đó liên quan đến Hợp đồng này. |
| "Hàng hóa" | Có nghĩa là hàng hóa sẽ do Nhà cung cấp cung cấp như mô tả trong Đơn đặt hàng/ Dịch vụ. |
| "Dịch vụ" | Có nghĩa là các dịch vụ sẽ do Nhà cung cấp thực hiện và hoàn thành, bao gồm nhưng không giới hạn cho thuê, cung cấp và/hoặc giao các Hàng hóa, được mô tả trong Đơn đặt hàng/Dịch vụ. |

2. HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng ký kết giữa Bên Mua và Nhà cung cấp được dùng cho việc cho thuê, mua bán và giao các Hàng hóa và/hoặc thực hiện các Dịch vụ được mô tả trong Hợp đồng và trong các quy cách hoặc bản vẽ được đề cập trong Hợp đồng và bao gồm tất cả các dụng cụ thiết bị bảo vệ, việc sơn, đóng gói, đóng dấu, dán nhãn, in khắc, in dấu và/hoặc đánh dấu trên hoặc của các Hàng hóa. Trừ khi có quy định khác trong Hợp đồng, việc lắp đặt hoặc lắp ráp bất kỳ sản phẩm, máy móc, thiết bị hoặc bất kỳ nguyên vật liệu nào khác trên công trường đều được loại trừ.
- Các Điều kiện Chung này sẽ tạo thành một phần của Hợp đồng. Không phần nào của các Điều kiện Chung này được thay đổi và/hoặc bãi bỏ bởi bất kỳ điều kiện nào có trong các bản chào giá, thư, thông báo, hóa đơn, chỉ thị hoặc các thông tin liên lạc khác do mỗi bên phát hành trừ khi do các Bên cùng thỏa thuận rõ ràng bằng văn bản.

3. CHUYỂN NHƯỢNG VÀ HỢP ĐỒNG PHỤ

- Nhà cung cấp sẽ không chuyển nhượng Hợp đồng hoặc bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào theo Hợp đồng mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên Mua.
- Nhà cung cấp sẽ không hợp đồng lại Hợp đồng hoặc bất kỳ phần nào của Hợp đồng mà không có thông báo trước bằng văn bản cho Bên mua về việc hợp đồng lại đó, trong đó nêu đầy đủ các chi tiết của mỗi hạng mục sẽ được hợp đồng lại và nhà thầu phụ dự kiến. Bên Mua giữ quyền bác bỏ bất kỳ việc sắp đặt hợp đồng lại nào mà Bên Mua từ chối, trong thời hạn hợp lý từ khi nhận thông báo về việc hợp đồng lại. Quyền của Nhà cung cấp được hợp đồng lại sẽ không giảm trừ bất kỳ nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của Nhà cung cấp theo Hợp đồng về bất kỳ phương diện nào.

4. CÁC BẢN VẼ VÀ DỮ LIỆU KỸ THUẬT

- Bất kỳ sai lệch hoặc thay đổi nào về bất kỳ các quy cách hoặc bản vẽ nào tạo thành một phần không thể tách rời của Hợp đồng đều tùy thuộc sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên Mua. Nếu Nhà cung cấp cho rằng có bất kỳ sai sót hoặc mâu thuẫn nào trong các quy cách hoặc bản vẽ đó hoặc bất kỳ thay đổi nào cần thực hiện trong đó, Nhà cung cấp sẽ ngay lập tức thông báo bằng văn bản cho Bên Mua. Các quy cách hoặc bản vẽ do Bên Mua cung cấp liên quan đến Hợp đồng sẽ được Nhà cung cấp giữ bí mật, và sẽ không được tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào mà không có chấp thuận trước bằng văn bản của Bên Mua, hoặc được Nhà cung cấp sử dụng trừ khi để thực hiện Hợp đồng.
- Khi Bên Mua yêu cầu, Nhà cung cấp phải cung cấp các bản vẽ và dữ liệu kỹ thuật cho Bên Mua phê chuẩn và/hoặc cho các mục đích xác nhận. Tuy nhiên, bất kỳ việc chấp thuận nào như trên sẽ không ngụ ý rằng Bên Mua đã kiểm tra, xác minh, hoặc chịu trách nhiệm về tính chính xác của các bản vẽ và dữ liệu kỹ thuật ngoài các bản vẽ và dữ liệu kỹ thuật của Bên Mua.

5. QUYỀN SÁNG CHẾ

Nhà cung cấp sẽ hoàn toàn bảo đảm cho Bên Mua không phải chịu tất cả các khiếu nại, trách nhiệm, hư hại, mất mát, chi phí và phí tổn liên quan đến sự vi phạm hoặc vi phạm bị quy kết của bất kỳ bằng sáng chế, thiết kế đã đăng ký, nhãn hiệu thương mại, nhãn dịch vụ, bản quyền, hoặc bảo hộ tương tự nào phát sinh từ bất kỳ việc nào do Nhà cung cấp hoặc các nhà cung cấp phụ hoặc nhà thầu phụ của Nhà cung cấp thực hiện có liên quan đến Hàng hóa hoặc Dịch vụ theo Hợp đồng hoặc bất kỳ việc sử dụng nào từ đó, hoặc việc Bên Mua bán lại các Hàng hóa.

6. KIỂM SOÁT QUI TRÌNH, KIỂM TRA VÀ THỬ NGHIỆM

- Bên Mua sẽ được quyền theo ý muốn của mình và sau khi gửi thông báo hợp lý đến Nhà cung cấp, kiểm soát tiến trình của Nhà cung cấp trong việc thực hiện Hợp đồng, kiểm tra hàng hóa và/hoặc các vật tư được sử dụng liên quan đến việc đó, và thực hiện các thử nghiệm như được hoặc có thể được mô tả trong Hợp đồng trong khi chế tạo các Hàng hóa và/hoặc thực hiện các Dịch vụ và trước khi giao các Hàng hóa đó, hoặc hoàn tất các Dịch vụ đó. Nhà cung cấp phải cấp cho Đại diện của Bên mua mọi phương tiện cho các mục đích như vậy kể cả việc tiếp cận các công việc của Nhà cung cấp (hoặc các nhà thầu phụ của Nhà cung cấp) tại tất cả các thời điểm hợp lý. Bất kỳ việc kiểm soát, kiểm tra và thử nghiệm như trên sẽ không giảm trừ cho Nhà



cung cấp bất kỳ nghĩa vụ nào của Nhà cung cấp theo Hợp đồng về bất kỳ phương diện nào, hoặc khỏi các nghĩa vụ hiện có theo luật hiện hành của Việt Nam.

- (b) Tất cả các Hàng hóa sẽ được kiểm tra và/hoặc thử nghiệm chức năng để bảo đảm rằng chúng ở trong điều kiện thỏa đáng trước khi giao. Bất kỳ các Hàng hóa nào nhận tại Việt Nam mà bị phát hiện không được cung cấp theo Đơn đặt hàng/Dịch vụ hoặc bị khiếm khuyết hoặc trong tình trạng không thỏa đáng do thiết kế sai, vật tư kém chất lượng hoặc tay nghề không đạt chuẩn sẽ được trả lại cho Nhà cung cấp bằng chi phí và phí tổn của Nhà cung cấp và Nhà cung cấp phải cố gắng hết sức để cung cấp hàng thay thế tương đương hoặc tốt hơn không chậm trễ và không phát sinh thêm bất kỳ chi phí nào cho Bên Mua.

7. GIAO HÀNG

Việc giao các Hàng hóa và/hoặc hoàn thành các Dịch vụ sẽ tuân thủ những yêu cầu và chỉ dẫn của Hợp đồng.

8. CÁC QUI ĐỊNH VỀ AN TOÀN

Nhà cung cấp phải tuân thủ những nội quy an toàn của Bên Mua khi tiến hành việc giao hàng tới hoặc thực hiện công việc tại cơ sở của Bên Mua hoặc khi Hợp đồng yêu cầu lắp đặt hoặc lắp ráp bất kỳ sản phẩm, máy móc hoặc thiết bị hoặc hay vật tư nào khác tại cơ sở của Bên Mua (kể cả các cơ sở do Bên Mua thuê).

9. BẢO HÀNH

Hàng hóa được cung cấp cho Bên Mua sẽ mới nguyên với bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà cung bao gồm các chi phí sửa chữa/thay thế cho hàng hóa đó. Trong thời gian bảo hành, trừ khi được quy định rõ trong các Chỉ dẫn riêng, hàng hư hỏng, thiếu hụt hoặc khiếm khuyết sẽ được gửi trả cho Nhà cung cấp để sửa chữa và/hoặc thay thế với toàn bộ cước phí (đến và từ Nhà cung cấp) sẽ do Nhà cung cấp tự chịu.

10. TRÁCH NHIỆM

- (a) Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm, bảo đảm và giữ cho Bên Mua tránh khỏi tất cả các thiệt hại và khiếu nại về thương tích hoặc hư hại đối với các bên thứ ba hoặc bất kỳ tài sản nào của các bên thứ ba có thể phát sinh từ hoặc do hậu quả của việc cung cấp các Hàng hóa và/hoặc các Dịch vụ theo Hợp đồng, và tất cả các khiếu nại, yêu cầu, chi phí, tiền thù lao và phí tổn khác phát sinh liên quan đến hoặc thuộc về việc cung cấp các hàng hóa và/hoặc dịch vụ.
- (b) Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm, bảo đảm và giữ cho Bên Mua tránh khỏi bất kỳ thiệt hại hay bồi thường nào phải trả theo luật liên quan đến hoặc do hậu quả của bất kỳ tai nạn hoặc thương tích nào đối với các nhân viên của Nhà cung cấp hoặc các nhân viên của các nhà thầu phụ của Nhà cung cấp, và liên quan đến bất kỳ mất mát hoặc thiệt hại nào đối với tài sản, thiết bị và dụng cụ của họ trừ khi các thiệt hại hoặc mất mát là do sự cố của Bên Mua.
- (c) Không giới hạn những nghĩa vụ hoặc trách nhiệm của Nhà cung cấp theo Hợp đồng, Nhà cung cấp phải thu xếp và duy trì với một công ty bảo hiểm có danh tiếng, khoản bảo hiểm đầy đủ để trang trải cho các trách nhiệm nói trên.

11. CHẤM DỨT

Bên Mua có thể chấm dứt Hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào trong trường hợp Nhà cung cấp vi phạm hoặc phạm không có nguyên nhân. Nếu Bên Mua chấm dứt Hợp đồng không có nguyên nhân, Bên Mua phải hoàn trả cho Nhà cung cấp mọi chi phí đã phát sinh theo Hợp đồng và các chi phí có thể tính cho Bên mua (trên cơ sở trả thù lao công bằng) cho tới và kể cả thời điểm chấm dứt đó, cộng một số tiền sẽ do các Bên thỏa thuận, tượng trưng cho lợi tức hợp lý của Nhà cung cấp đến thời điểm đó.

12. NHÂN SỰ CỦA NHÀ CUNG CẤP

Trừ khi được quy định riêng biệt trong Hợp đồng, Nhà cung cấp phải tự mình chịu trách nhiệm về và đáp ứng mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc Nhà cung cấp tuyển dụng nhân sự cần cho việc hoàn thành Hợp đồng.

13. VẬN CHUYỂN

Việc vận chuyển nhân sự, hàng hóa, máy móc và thiết bị sẽ do Nhà cung cấp chi trả và chịu trách nhiệm trừ khi được quy định khác trong Hợp đồng.

14. KHÔNG CUNG CẤP

Nếu Nhà cung cấp không cung cấp các Hàng hóa hay các Dịch vụ quy định trong Hợp đồng, thì, cho dù Nhà cung cấp có thực hiện bất kỳ biện pháp khắc phục nào khác đối với Bên Mua, tất cả các khoản tiền Bên Mua phải trả theo Hợp đồng sẽ bị ngừng lại kể từ khi bắt đầu không cung cấp và trong suốt thời gian không cung cấp

15. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- (a) Hợp đồng được điều chỉnh bởi và sẽ được giải thích theo luật pháp Việt Nam.
- (b) Các Bên phải cố gắng giải quyết bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ bất kỳ vấn đề nào liên quan đến Hợp đồng hoặc bất kỳ quyền, nhiệm vụ hoặc trách nhiệm của bất kỳ Bên nào liên quan đến Hợp đồng bằng thương lượng và hòa giải. Trong trường hợp các Bên không đạt được giải pháp bằng thương lượng và hòa giải, tranh chấp sẽ được đưa ra, và giải quyết theo các quy tắc trọng tài của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam để phân xử tại Việt Nam. Các Bên thỏa thuận tuân thủ bất kỳ quyết định hoặc lệnh trọng tài nào được đưa ra theo việc phân xử đó và quyết định hoặc lệnh đó sẽ là chung thẩm và ràng buộc các Bên.
- (c) Việc bắt đầu các thủ tục trọng tài theo Điều này sẽ không ảnh hưởng đến việc các Bên tiếp tục thực hiện theo Hợp đồng về bất kỳ phương diện nào. Khi bất kỳ tranh chấp nào phát sinh hoặc khi tranh chấp đang được trọng tài phân xử, trừ những vấn đề đang tranh chấp, các Bên phải tiếp tục thực thi các quyền tương ứng còn lại, và thực hiện các nghĩa vụ tương ứng còn lại theo Hợp đồng.

16. THUẾ

Trừ khi được quy định khác trong Hợp đồng, các quy định sau đây sẽ được áp dụng:

- (a) Nhà cung cấp được xem là đã biết và đã tự tìm hiểu đầy đủ về các nghĩa vụ của Nhà cung cấp theo luật thuế Việt Nam liên quan đến Hợp đồng này.
- (b) Nhà cung cấp phải nộp bất kỳ khoản thuế nào tính cho Nhà cung cấp một cách thích hợp và hợp pháp. Hơn nữa, Nhà cung cấp phải bảo đảm việc bất kỳ nhà thầu phụ nào của Nhà cung cấp nộp các khoản thuế liên quan đến các hoạt động theo Hợp đồng.



NHỮNG CHỈ DẪN RIÊNG

GIÁ

Tổng trị giá trọn gói của Đơn hàng Dịch vụ (ĐƠN HÀNG) là VNĐ (*bằng chữ: đồng*) bao gồm thuế GTGT và mọi khoản chi phí về vật tư, nhân lực, vận chuyển, huy động trang thiết bị và nhân lực, quản lý phí,...

Nếu không có văn bản điều chỉnh chính thức của NCSP, mọi hóa đơn của Nhà thầu có giá trị cao hơn giá trị ghi trên sẽ không được chấp nhận thanh toán.

THỜI HẠN VÀ ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỊCH VỤ

Việc giao hàng và lắp đặt tận nơi được thực hiện bởi Nhà cung cấp đến địa chỉ sau đây chậm nhất vào **ngày 31/12/2025**. Mọi thay đổi về ngày giao hàng đều phải được thông báo cho NCSP và phải được NCSP chấp thuận.

NAMCONSON PIPELINE CO.

Tỉnh lộ 44, Xã Long Điền, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

Người nhận: HOÀNG ANH TUẤN, Giám sát Kho hàng
NGUYỄN HỮU THỨC, Nhân viên Kho hàng
Tel: +84 254 864100 Ext. 2502/2505
Fax: +84 254 864099

BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày ký Đơn hàng này hoặc kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu Nhà cung cấp phải thông báo bằng fax/trực tiếp bằng văn bản cho NCSP về việc phát hành Bảo đảm thực hiện Đơn hàng (theo mẫu trong Phụ lục số 01 dưới đây là bộ phận không tách rời của Đơn hàng này) có giá trị là VNĐ (*Bằng chữ: đồng*), tương đương với 3% giá trị Đơn hàng. Bảo đảm này được phát hành bởi Ngân hàng lớn, được thành lập hợp pháp tại Việt Nam và được NCSP chấp nhận. Nhà cung cấp cũng phải thông báo cho NCSP số, ngày và toàn bộ nội dung của Bảo đảm. Nhà cung cấp chịu tất cả chi phí liên quan đến việc phát hành Bảo đảm thực hiện Đơn hàng.

Nếu NCSP không nhận được Bảo đảm có hiệu lực trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày ký Đơn hàng (hoặc bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu), NCSP có quyền hủy bỏ Đơn hàng vào bất cứ lúc nào và rút Bảo đảm dự thầu hoặc áp dụng chế tài phạt vi phạm mà không cần có sự can thiệp của tòa án hoặc trọng tài.

Nếu phải gia hạn thêm hiệu lực Bảo đảm thực hiện Đơn hàng, Nhà cung cấp phải lập tức yêu cầu Ngân hàng Phát hành sửa đổi Bảo đảm. Ngân hàng Phát hành phải thông báo cho NCSP tất cả các sửa đổi này thông qua Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Vũng Tàu.

PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG

Nếu Nhà cung cấp không hoàn thành việc giao hàng như đã cam kết thì NCSP có quyền phạt Nhà cung cấp với mức phạt 4% giá trị Đơn hàng cho mỗi ngày chậm.

Nếu việc chậm trễ như nêu trên vượt quá 7 ngày, NCSP sẽ xem xét việc quyết định chấm dứt Đơn hàng hay không. Nếu chấm dứt Đơn hàng, toàn bộ giá trị của Bảo lãnh thực hiện Đơn hàng sẽ bị rút.

Trong mọi trường hợp, tổng số tiền phạt vi phạm theo Đơn hàng này sẽ không vượt quá 8% giá trị Đơn hàng.



Mức phạt vi phạm đã được hai bên thỏa thuận và không cần sự can thiệp của Tòa án hoặc Trọng Tài. Số tiền phạt sẽ được NCSP trừ vào số tiền mà NCSP còn đang tạm giữ của Nhà cung cấp trong các Đơn hàng/hợp đồng đang có hiệu lực giữa các bên vào thời điểm đó và/hoặc Nhà cung cấp phải thanh toán ngay (nhưng không muộn hơn 30 ngày kể từ ngày yêu cầu đầu tiên của NCSP) bằng cách chuyển khoản vào tài khoản do NCSP chỉ định, và/hoặc NCSP sẽ rút Bảo lãnh thực hiện Đơn hàng.

Nhà cung cấp vi phạm trong việc thực hiện các đơn hàng với NCSP 02 lần trở lên (từ chối thực hiện đơn hàng khi trúng thầu, trì hoãn công việc, hủy bỏ đơn hàng, chậm tiến độ...) sẽ bị NCSP xem xét về việc không được tham gia các gói thầu tiếp theo của NCSP.

THANH TOÁN

Thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản do Nhà cung cấp chỉ định như dưới đây trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày NCSP nhận được Hóa đơn gốc của Nhà cung cấp hoặc kể từ ngày Nhà cung cấp hoàn thành việc giao hàng một cách trọn vẹn theo đúng yêu cầu của NCSP, bất cứ thời điểm nào nói trên diễn ra sau.

Nhà cung cấp phải đảm bảo các hóa đơn tài chính xuất cho NCSP là hóa đơn hợp pháp. Trường hợp hóa đơn của Nhà cung cấp đã xuất cho NCSP bị cơ quan chức năng tuyên bố không hợp pháp dẫn đến phát sinh các tổn thất về pháp lý, về thuế cho NCSP, Nhà cung cấp có trách nhiệm bồi thường cho NCSP toàn bộ các tổn thất đó.

Việc thanh toán sẽ không ảnh hưởng đến việc về sau này NCSP có quyền yêu cầu kiểm chứng sự chính xác của Hóa đơn của Nhà cung cấp.

HÓA ĐƠN

Hóa đơn VAT (HÓA ĐƠN) được xuất cùng ngày với ngày ký biên bản giao hàng và các chứng từ khác của Nhà cung cấp phải ghi rõ những chi tiết sau:

Tên Công ty : NAMCONSON PIPELINE CO.
Địa chỉ : Tỉnh lộ 44, Xã Long Điền, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số thuế : 3500410112-001
Số Đơn hàng : 25586

HÓA ĐƠN và các tài liệu chứng từ khác phải được gửi trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện ngay sau khi hoàn tất việc giao hàng tới địa chỉ dưới đây để giải quyết mọi yêu cầu về việc thanh toán:

NAMCONSON PIPELINE CO.
Tỉnh lộ 44, Xã Long Điền, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Người nhận: KẾ TOÁN THANH TOÁN – Phòng Kế toán
Điện thoại: +84 254 3864100
Fax: +84 254 3864099
Email: ncsp.accountant@ncsp.com.vn

Việc không tuân thủ các hướng dẫn nói trên sẽ dẫn đến việc HÓA ĐƠN bị hoàn trả hoặc thanh toán chậm trễ.

Nếu Nhà cung cấp xuất hóa đơn không đúng quy định gây thiệt hại cho NCSP về thuế thì Nhà cung cấp sẽ phải bồi thường thiệt hại cho NCSP.

ĐÓNG GÓI

Tất cả hàng hóa kể cả (các) mặt hàng Nguy hiểm phải được đóng gói và dán nhãn mác thích hợp nhằm mục đích chuyển giao một cách an toàn đến địa điểm qui định. Vật tư sử dụng và tay



ngành công nhân phải tuân thủ các tiêu chuẩn công nghiệp tốt nhất và thông lệ thương mại tối ưu nhất.

Hàng hóa phải được đóng gói, sử dụng các vật liệu bao bọc hoặc chèn đệm thích hợp nhằm bảo vệ bề mặt của thiết bị/máy móc tránh bị va chạm hoặc hư hại trong quá trình vận chuyển.

BẢO HÀNH HÀNG HÓA:

Hàng hóa phải được bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất trong vòng 24 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao, bao gồm cả các chi phí sửa chữa/thay thế.

Trong thời gian bảo hành, Nhà cung cấp sẽ nhận lại các hàng hóa bị lỗi/hỏng tại kho của NCSP để sửa chữa/thay thế và giao lại cho NCSP sau khi đã sửa chữa/thay thế.

VẬT TƯ NGUY HIỂM

Nhà cung cấp phải cung cấp Giấy phân tích Đặc tính kỹ thuật (MSDS) bằng tiếng Việt và tiếng Anh (nếu có) đối với các vật tư nguy hiểm. Hai (2) bản sao Giấy phân tích này phải được gửi kèm theo hàng hóa.

Từng mặt hàng nguy hiểm phải được dán nhãn rõ ràng ghi chính xác tên kỹ thuật, và nhãn mác phải được ghi bằng tiếng Việt có kích cỡ không dưới 100mm x 100mm có ghi Số loại Hàng hóa Nguy hiểm.

Trong quá trình vận chuyển hàng nguy hiểm đến NCSP, Nhà cung cấp phải cam kết tuân thủ chặt chẽ các qui định hiện hành của NCSP và luật Việt Nam liên quan đến việc vận chuyển và bốc dỡ hàng nguy hiểm.

BẢO VỆ SỨC KHỎE, AN TOÀN, MÔI TRƯỜNG VÀ CHỐNG THẮT THOÁT

Trong quá trình giao hàng hóa/dịch vụ đến địa điểm của NCSP, ngoài việc chấp hành các qui định và luật pháp liên quan của Việt Nam, Nhà cung cấp phải tuân thủ các yêu cầu về an toàn đường bộ của NCSP như qui định dưới đây:

Yêu cầu đối với xe:

1. Xe chuyên chở phải phù hợp với mục đích sử dụng, đang trong điều kiện hoạt động tốt, được trang bị dây đeo an toàn (seatbelt) và những dây đeo này phải sử dụng được;
2. Số lượng người trên xe không được vượt quá tiêu chuẩn qui định của nhà sản xuất;
3. Hàng hóa chuyên chở phải được chằng buộc an toàn và không vượt quá tải trọng, giới hạn cho phép của nhà sản xuất.

Yêu cầu đối với lái xe:

1. Lái xe phải có bằng lái và sức khỏe phù hợp để vận hành xe;
2. Lái xe không được sử dụng điện thoại di động hoặc các thiết bị liên lạc hai chiều khác trong khi điều khiển xe;
3. Khi xe đang chạy, mọi người ngồi trên xe phải thắt dây an toàn;
4. Lái xe không được sử dụng rượu, bia hoặc các chất kích thích hay dược phẩm khác có thể gây ảnh hưởng đến khả năng điều khiển xe;
5. Người lái và khách đi xe mô-tô hoặc các phương tiện gắn máy phải đội mũ bảo hiểm.



PHỤ LỤC 01

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm _____

Kính gửi: _____ [Ghi tên công ty]

(sau đây gọi là công ty)

Theo đề nghị của _____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] và đã ký hợp đồng cung cấp _____ [mô tả hàng hóa/dịch vụ] cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);

Theo quy định trong hợp đồng, nhà thầu phải nộp cho công ty bảo đảm của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [Ghi tên của ngân hàng] ở _____ [Ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại _____ [Ghi địa chỉ của ngân hàng] (sau đây gọi là “ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của nhà thầu với số tiền là VNĐ (Bằng chữ: _____), tương đương 3% giá trị Hợp đồng.

Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho công ty bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [Ghi số tiền bảo đảm] như đã nêu trên, khi có văn bản của công ty thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Bảo đảm này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm _____.(ngày kết thúc thời hạn thực hiện hợp đồng cộng 60 ngày)

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

